

I S T H E

AMERICAN

D R E A M

ACHIEVABLE?



EXPLORING AMERICA'S HISTORY THROUGH COMPELLING QUESTIONS



www.inquiryhistory.com

Q U E S T I O N T E N
I S T H E
AMERICAN
D R E A M
ACHIEVABLE?

EXPLORING AMERICA'S HISTORY THROUGH COMPELLING QUESTIONS

S U P P O R T I N G Q U E S T I O N S

- 1** WAS IT BENEFICIAL OR HARMFUL FOR AMERICA TO BECOME A NATION OF CITIES?
- 2** CAN WRITERS MAKE THE WORLD A BETTER PLACE?
- 3** WHAT DOES IT MEAN TO BE PROGRESSIVE?
- 4** WAS SUFFRAGE ESSENTIAL TO IMPROVE THE LIVES OF WOMEN?

D E V E L O P E D A N D C O M P I L E D B Y
J O N A T H A N L O O M I S

SOURCES FOR ORIGINAL TEXT INCLUDE
courses.lumenlearning.com
ushistory.org
sageamericanhistory.net
learnnc.org
wikiopedia.org



CREATIVE COMMONS ATTRIBUTION
4.0 INTERNATIONAL LICENSE

Q U E S T I O N T E N

I S T H E

AMERICAN

D R E A M

ACHIEVABLE?

Not everybody was getting rich. The new wealthy class, although more prominent, larger, and richer than any class in American history, was still rather small. People soon began to ask fundamental questions. How did one get rich in America? Was it because of a combination of hard work and intelligence? Was it because of inheritance? Did education and skill play a role, or was it simply luck?

When a popular conception of survival of the fittest grew from Charles Darwin's idea of the process of natural selection in the wild, the world was forever changed. Church leaders condemned him as a heretic, and ordinary people everywhere cringed at the idea that humans may have evolved from apes.

Despite an initial backlash against Darwin's theory, it was inevitable that intellectuals would soon point Darwin's concepts at human society. These Social Darwinists believed that the humans who were the most fit became the most successful. Whatever people had the necessary skills to prosper — perhaps talent, brains, or hard work — would be the ones who would rise to the top. Why were some people poor? To the Social Darwinist, the answer was obvious. They simply did not have the required skills.

Into this mix of wealth and poverty, another idea was born. First articulated by Horatio Alger, the author of dime novels aimed at the hordes of immigrants rushing to America's shores. Although he penned many stories, each book answered the question of how to get rich in America. Alger believed that a combination of hard work and good fortune. Pluck and luck, in his words, was the key.

A typical Alger story would revolve around a hardworking immigrant who served on the bottom rung of the corporate ladder, perhaps as a stock boy. One day he would be walking down the street and see a safe falling from a tall building. The hero would bravely push aside the hapless

Không phải ai cũng làm giàu. Tầng lớp giàu có mới, mặc dù nổi bật hơn, lớn hơn và giàu có hơn bất kỳ tầng lớp nào trong lịch sử nước Mỹ, vẫn còn khá nhỏ. Mọi người sớm bắt đầu đặt câu hỏi cơ bản. Làm thế nào mà một người giàu có ở Mỹ? Có phải vì sự kết hợp giữa chăm chỉ và thông minh? Có phải vì thừa kế? Có phải giáo dục và kỹ năng đóng một vai trò, hay đơn giản là may mắn?

Khi một quan niệm phổ biến về sự sống sót của kẻ mạnh nhất phát triển từ ý tưởng của Charles Darwin, về quá trình chọn lọc tự nhiên trong tự nhiên, thế giới đã thay đổi mãi mãi. Các nhà lãnh đạo nhà thờ đã lên án ông là một kẻ dị giáo, và những người bình thường ở khắp mọi nơi chùn bước trước ý tưởng rằng con người có thể tiến hóa từ vượn.

Mặc dù có phản ứng dữ dội ban đầu chống lại lý thuyết Darwin, nhưng không thể tránh khỏi việc những người trí thức sẽ sớm đưa ra các khái niệm của Darwin về xã hội loài người. Những người theo thuyết Darwin xã hội này tin rằng những người phù hợp nhất trở thành người thành công nhất. Bất cứ điều gì mọi người có các kỹ năng cần thiết để phát triển - có thể là tài năng, bộ não hoặc làm việc chăm chỉ - sẽ là những người sẽ vươn lên dẫn đầu. Tại sao một số người nghèo? Đối với Darwin xã hội, câu trả lời là rõ ràng. Họ chỉ đơn giản là không có các kỹ năng cần thiết.

Trong sự pha trộn giữa giàu có và nghèo đói, một ý tưởng khác đã ra đời. Được khởi nguồn đầu tiên bởi Horatio Alger, tác giả của tiểu thuyết đồng xu nhắm vào đám người nhập cư đổ xô đến bờ biển nước Mỹ. Mặc dù ông đã viết rất nhiều câu chuyện, mỗi cuốn sách đã trả lời câu hỏi làm thế nào để làm giàu ở Mỹ. Alger tin rằng sự kết hợp giữa chăm chỉ và may mắn. Nhỏ và may mắn, theo lời ông, là chìa khóa.

Một câu chuyện điển hình của Alger sẽ xoay quanh một người nhập cư chăm chỉ, phục vụ ở nấc thang dưới cùng của thang công ty, có lẽ là một cậu bé chứng khoán. Một ngày nào đó anh sẽ đi bộ xuống phố và thấy một chiếc két sắt rơi xuống từ một tòa nhà cao tầng. Người anh hùng sẽ dũng cảm đẩy người phụ nữ trẻ bất

young woman walking below and save her life. Of course, she was the boss's daughter. The two would get married, and he would become vice-president of the corporation.

This is what the masses wished to believe. Those at the bottom looking up rejected Social Darwinism. They hoped and believed that success would not come to a select few based on nature or divine intervention. Anyone who worked hard could make it in America. This idea became the American Dream.

Is Alger's American Dream a reality or just folklore? What do you think? Is the American Dream achievable?

hạnh đi bên dưới và cứu mạng cô. Tất nhiên, cô là con gái của ông chủ. Hai người sẽ kết hôn, và anh sẽ trở thành phó chủ tịch của tập đoàn.

Đây là những gì quần chúng muốn tin. Những người ở phía dưới nhìn lên từ chối chủ nghĩa Darwin xã hội. Họ hy vọng và tin rằng thành công sẽ không đến với một số ít người được lựa chọn dựa trên sự can thiệp của thiên nhiên hoặc thần thánh. Bất cứ ai làm việc chăm chỉ đều có thể làm được điều đó ở Mỹ. Ý tưởng này đã trở thành Giấc mơ Mỹ.

Là giấc mơ Mỹ Alger Alger là một thực tế hay chỉ là văn hóa dân gian? Bạn nghĩ sao? Giấc mơ Mỹ có thể đạt được?

1

F I R S T Q U E S T I O N WAS IT BENEFICIAL OR HARMFUL FOR AMERICA TO BECOME A NATION OF CITIES?

I S T H E
AMERICAN
D R E A M
ACHIEVABLE?

INTRODUCTION

In the beginning, Americans were farmers. Stories of the first settlers at Jamestown and the Pilgrims of Plymouth all recount learning to grow corn or tobacco. Southern planters grew cotton, and western farmers built windmills to pump water out of the ground to irrigate the prairies and produce the amber waves of grain immortalized in song.

But we are no longer a nation of farmers. In fact, as of 2012, 80% of Americans live in cities. How did this happen, and when? What cause all those farmers to give up on the land and fight the hustle and bustle of city life? And what happened to the cities when everyone moved in?

We think of our cities as multicultural places. People from many backgrounds mingle. The smells of foods from many homelands waft through the air. The air is often polluted, the streets noisy, the subways crowded. Where did all these people come from? When did we become more than just a nation of White Protestants?

Was it beneficial or harmful that we became a nation of multicultural cities?

GIỚI THIỆU

Ban đầu, người Mỹ là nông dân. Những câu chuyện về những người định cư đầu tiên tại Jamestown và những người hành hương ở Plymouth đều kể lại việc học trồng ngô hay thuốc lá. Các chủ đồn điền miền Nam trồng bông, và nông dân phương tây đã chế tạo cối xay gió để bơm nước lên khỏi mặt đất để tưới cho thảo nguyên và tạo ra những làn sóng màu hổ phách bất tử trong bài hát.

Nhưng chúng ta không còn là một quốc gia của nông dân. Trên thực tế, tính đến năm 2012, 80% người Mỹ sống ở các thành phố. Làm thế nào điều này xảy ra, và khi nào? Điều gì khiến tất cả những người nông dân từ bỏ trên đất và chống lại sự hối hả của cuộc sống thành phố? Và những gì đã xảy ra với các thành phố khi mọi người chuyển đến?

Chúng tôi nghĩ rằng các thành phố của chúng tôi là nơi đa văn hóa. Mọi người từ nhiều nền tảng hòa nhập. Mùi thức ăn từ nhiều homelands bay trong không khí. Không khí thường xuyên ô nhiễm, đường phố ồn ào, tàu điện ngầm đông đúc. Những người này đến từ đâu? Khi nào chúng ta trở thành nhiều hơn một quốc gia Tin Lành Trắng?

Nó có lợi hay có hại khi chúng ta trở thành một quốc gia của các thành phố đa văn hóa?

THE NEW IMMIGRANTS

With the exception of Native Americans, America is a nation of immigrants, and the turn of the century was a period of enormous immigration. Immigrants shifted the demographics of America's rapidly growing cities. Although immigration had always been a force of change in the United States, it took on a new character in the late nineteenth century.

Beginning in the 1880s, the arrival of immigrants from mostly southern and eastern European countries rapidly increased while the flow from northern and western Europe remained relatively constant. The previous waves of immigrants from northern and western Europe, particularly Germany, Great Britain, and the Nordic countries, were relatively well off, arriving in the country with some funds and often moving to the newly settled western territories. In contrast, the newer immigrants from southern and eastern European countries, including Italy, Greece, and Russia.

Many were **pushed** from their countries by a series of ongoing famines, by the need to escape religious, political, or racial persecution, or by the desire to avoid compulsory military service. They were also **pulled** by the promise of land, jobs, education, and religious freedom. Whatever the reason, these **New Immigrants** arrived without the education and finances of the earlier waves of immigrants, and settled more readily in the port towns where they arrived, rather than setting out to seek their fortunes in the West. By 1890, over 80% of the population of New York City would be either foreign-born or children of foreign-born parentage. Other cities saw huge spikes in foreign populations as well, though not to the same degree. Due in large part to the fact that **Ellis Island**, a major immigration station was in New York harbor, New York City's status as a city of many cultures, was cemented at the turn of the century.

THE IMPACT OF IMMIGRATION

The number of immigrants peaked between 1900 and 1910, when over nine million people arrived in the United States. To assist in the processing and management of this massive wave of immigrants, the Bureau of Immigration in New York City, which had become the official port of entry, opened Ellis Island in 1892.

Today, nearly half of all Americans have ancestors who, at some point in time, entered the country through the portal at Ellis Island. Doctors or nurses inspected the immigrants upon arrival, looking for any signs of infectious diseases. Most immigrants were admitted to the country with only a cursory glance at any other paperwork. Roughly 2% of the arriving immigrants were denied entry due to a medical condition or criminal history. The rest would enter the country by way of the streets of New York, many unable to speak English and totally reliant on finding those who spoke their native tongue.

NGAY LẬP TỨC

Ngoại trừ người Mỹ bản địa, Mỹ là một quốc gia của những người nhập cư, và bước sang thế kỷ là thời kỳ nhập cư khổng lồ. Những người nhập cư đã thay đổi nhân khẩu học của các thành phố đang phát triển nhanh chóng ở Mỹ. Mặc dù nhập cư luôn là một lực lượng thay đổi ở Hoa Kỳ, nhưng nó đã mang một nhân vật mới vào cuối thế kỷ XIX.

Bắt đầu từ những năm 1880, sự xuất hiện của những người nhập cư từ hầu hết các nước phía nam và đông Âu tăng nhanh trong khi dòng chảy từ phía bắc và tây Âu vẫn tương đối ổn định. Làn sóng người nhập cư trước đây từ phía bắc và tây Âu, đặc biệt là Đức, Anh và các nước Bắc Âu, đã khá giả, đến nước này với một số tiền và thường di chuyển đến các vùng lãnh thổ phía tây mới định cư. Ngược lại, những người nhập cư mới hơn từ các nước phía nam và đông Âu, bao gồm Ý, Hy Lạp và Nga.

Nhiều người đã bị đẩy ra khỏi đất nước của họ bởi một loạt các nạn đói đang diễn ra, bởi nhu cầu thoát khỏi cuộc đàn áp tôn giáo, chính trị hoặc chủng tộc, hoặc bởi mong muốn tránh nghĩa vụ quân sự bắt buộc. Họ cũng bị lôi kéo bởi lời hứa về đất đai, việc làm, giáo dục và tự do tôn giáo. Dù lý do là gì, những người nhập cư mới này đã đến mà không có sự giáo dục và tài chính của những làn sóng người nhập cư trước đó, và định cư dễ dàng hơn ở các thị trấn cảng nơi họ đến, thay vì lên đường tìm kiếm vận may ở phương Tây. Đến năm 1890, hơn 80% dân số của thành phố New York sẽ là người sinh ra ở nước ngoài hoặc là con của cha mẹ sinh ở nước ngoài. Các thành phố khác cũng chứng kiến sự tăng đột biến của dân số nước ngoài, mặc dù không ở cùng mức độ. Do phần lớn là do Đảo Ellis, một trạm nhập cư lớn ở cảng New York, thành phố New York của thành phố New York là một thành phố của nhiều nền văn hóa, đã được củng cố vào đầu thế kỷ.

TÁC ĐỘNG CỦA NGAY LẬP TỨC

Số lượng người nhập cư lên đến đỉnh điểm từ năm 1900 đến 1910, khi hơn chín triệu người đã đến Hoa Kỳ. Để hỗ trợ xử lý và quản lý làn sóng người nhập cư ồ ạt này, Cục Di trú tại thành phố New York, nơi đã trở thành cảng nhập cảnh chính thức, đã mở đảo Ellis vào năm 1892.

Ngày nay, gần một nửa số người Mỹ có tổ tiên, tại một số thời điểm, đã vào nước này thông qua cổng thông tin tại Đảo Ellis. Các bác sĩ hoặc y tá kiểm tra người nhập cư khi đến nơi, tìm kiếm bất kỳ dấu hiệu của bệnh truyền nhiễm. Hầu hết những người nhập cư đã được nhận vào đất nước chỉ với một cái nhìn lướt qua về bất kỳ giấy tờ nào khác. Khoảng 2% số người nhập cư đến đã bị từ chối nhập cảnh do một tình trạng y tế hoặc tiền sử tội phạm. Phần còn lại sẽ vào đất nước bằng đường phố New York, nhiều người không thể nói tiếng Anh và hoàn toàn phụ thuộc vào việc tìm kiếm những người nói tiếng mẹ đẻ của họ.

Seeking comfort in a strange land, as well as a common language, many immigrants sought out relatives, friends, former neighbors, townspeople, and countrymen who had already settled in American cities. This led to a rise in **ethnic neighborhoods** within the larger city. Little Italy, Chinatown, and many other communities developed in which immigrant groups could find everything to remind them of home, from local language newspapers to ethnic food stores. While these enclaves provided a sense of community to their members, they added to the problems of urban congestion, particularly in the poorest slums where immigrants could afford housing.

Tìm kiếm sự thoải mái ở một vùng đất xa lạ, cũng như một ngôn ngữ chung, nhiều người nhập cư đã tìm kiếm người thân, bạn bè, hàng xóm cũ, người dân thị trấn và những người đồng hương đã định cư ở các thành phố của Mỹ. Điều này dẫn đến sự gia tăng các khu dân tộc trong thành phố lớn hơn. Little Italy, Chinatown và nhiều cộng đồng khác được phát triển trong đó các nhóm người nhập cư có thể tìm thấy mọi thứ để nhắc nhở họ về nhà, từ báo tiếng địa phương đến các cửa hàng thực phẩm dân tộc. Mặc dù các khu vực này mang lại cảm giác cộng đồng cho các thành viên của họ, họ đã thêm vào các vấn đề tắc nghẽn đô thị, đặc biệt là ở các khu ổ chuột nghèo nhất nơi người nhập cư có thể mua nhà.



Primary Source: Photograph

The central building at Ellis Island in New York Harbor, photographed here in 1905.

Nguồn chính: Ảnh

Tòa nhà trung tâm tại Đảo Ellis ở Cảng New York, được chụp ở đây vào năm 1905.

NATIVISM

The demographic shift at the turn of the century was later confirmed by the Dillingham Commission, created by Congress in 1907 to report on the nature of immigration in America. The commission reinforced this ethnic identification of immigrants and their simultaneous discrimination. The report put it simply:

These newer immigrants looked and acted differently. They had darker skin tone, spoke languages with which most Americans were unfamiliar, and practiced unfamiliar religions, specifically Judaism and Catholicism. Even the foods they sought out at butchers and grocery stores set immigrants apart. Because of these easily identifiable differences, new immigrants became easy targets for hatred and discrimination. If jobs were hard to find, or if housing was overcrowded, it was easy to blame the immigrants.

THIÊN NHIÊN

Sự thay đổi nhân khẩu học vào đầu thế kỷ sau đó đã được xác nhận bởi Ủy ban Dillingham, được Quốc hội tạo ra vào năm 1907 để báo cáo về bản chất của nhập cư ở Mỹ. Ủy ban củng cố nhận dạng dân tộc này của người nhập cư và phân biệt đối xử đồng thời của họ. Báo cáo đặt nó đơn giản:

Những người nhập cư mới hơn nhìn và hành động khác nhau. Họ có màu da sẫm hơn, nói những ngôn ngữ mà hầu hết người Mỹ không quen thuộc và thực hành các tôn giáo xa lạ, đặc biệt là Do Thái giáo và Công giáo. Ngay cả những thực phẩm họ tìm kiếm ở các cửa hàng bán thịt và cửa hàng tạp hóa cũng khiến người nhập cư xa nhau. Vì những khác biệt dễ nhận biết này, những người nhập cư mới trở thành mục tiêu dễ dàng cho sự thù hận và phân biệt đối xử. Nếu công việc khó tìm, hoặc nếu nhà ở quá đông đúc, thật dễ dàng để đổ lỗi cho người nhập cư.

Growing numbers of Americans resented the waves of new immigrants, resulting in a backlash dubbed **nativism** by historians. This belief in the superiority of native-born Americans over immigrants, was led by the Reverend **Josiah Strong** who fueled the hatred and discrimination in his bestselling book, “Our Country: Its Possible Future and Its Present Crisis,” published in 1885. In a revised edition that reflected the 1890 census records, he clearly identified who he believed were undesirable immigrants, those New Immigrants from southern and eastern European countries, as a key threat to the moral fiber of the country, and urged all good Americans to face the challenge. Several thousand Americans answered his call by forming the American Protective Association, the chief political activist group to promote legislation curbing immigration into the United States. The group successfully lobbied Congress to adopt both an English language literacy test for immigrants, which eventually passed in 1917, and laid the groundwork for the subsequent limits on immigration.

In 1882, Nativists convinced Congress to pass the **Chinese Exclusion Act**, barring this ethnic group in its entirety. 25 years later, Japanese immigration was restricted by executive agreement. These two Asian groups were the only ethnicities to be completely excluded from America.

Số lượng người Mỹ ngày càng phẫn nộ trước làn sóng người nhập cư mới, dẫn đến phản ứng dữ dội được mệnh danh là chủ nghĩa tự nhiên của các nhà sử học. Niềm tin vào sự vượt trội của người Mỹ bản địa so với người nhập cư, được lãnh đạo bởi Reverend Josiah Strong, người đã thúc đẩy sự thù hận và phân biệt đối xử trong cuốn sách bán chạy nhất của mình, *Chuyện của chúng ta: Tương lai có thể và Khủng hoảng hiện tại của nó*, xuất bản năm 1885. Trong một phiên bản sửa đổi phản ánh hồ sơ điều tra dân số năm 1890, ông xác định rõ người mà ông tin là người nhập cư không mong muốn, những người nhập cư mới từ các quốc gia Nam và Đông Âu, là mối đe dọa chính đối với sợi đạo đức của đất nước, và thúc giục tất cả người Mỹ tốt phải đối mặt với thách thức. Vài ngàn người Mỹ đã trả lời lời kêu gọi của ông bằng cách thành lập Hiệp hội bảo vệ Hoa Kỳ, nhóm hoạt động chính trị chính để thúc đẩy luật pháp hạn chế nhập cư vào Hoa Kỳ. Nhóm đã vận động thành công Quốc hội để áp dụng cả bài kiểm tra đọc viết tiếng Anh cho người nhập cư, cuối cùng đã thông qua vào năm 1917, và đặt nền tảng cho các giới hạn tiếp theo về nhập cư.

Năm 1882, những người theo thuyết tự nhiên đã thuyết phục Quốc hội thông qua Đạo luật Loại trừ Trung Quốc, cấm toàn bộ nhóm dân tộc này. 25 năm sau, nhập cư Nhật Bản bị hạn chế bởi thỏa thuận điều hành. Hai nhóm châu Á này là những dân tộc duy nhất bị loại trừ hoàn toàn khỏi Mỹ.



Primary Source: Editorial Cartoon

This cartoon celebrates the Chinese Exclusion Act, showing Uncle Sam washing America by expelling Chinese immigrants.

Nguồn chính: Biên tập phim hoạt hình

Phim hoạt hình này kỷ niệm Đạo luật Loại trừ Trung Quốc, cho thấy Bác Sam rửa nước Mỹ bằng cách trục xuất người nhập cư Trung Quốc.

But millions had already come. During the age when the **Statue of Liberty** beckoned the world’s “huddled masses yearning to breathe

Nhưng hàng triệu người đã đến. Trong thời đại khi Tượng Nữ thần Tự do vẫy gọi thế giới, đám đông cuồng nộ khao khát được thở tự do, đa dạng người Mỹ mọc lên như nấm. Mỗi người

free,” American diversity mushroomed. Each brought pieces of an old culture and made contributions to a new one. Although many former Europeans swore to their deaths to maintain their old ways of life, their children did not agree. Most enjoyed a higher standard of living than their parents, learned English easily, and sought American lifestyles. At least to that extent, America was a **melting pot**.

URBANIZATION

Urbanization, the process of shifting from a country in which most people live on farms, to one where most people live in cities, occurred rapidly in the second half of the 19th Century in the United States for a number of reasons. The new technologies of the time led to a massive leap in industrialization, requiring large numbers of workers. New electric lights and powerful machinery allowed factories to run 24 hours a day, seven days a week. Workers were forced into grueling twelve-hour shifts, requiring them to live close to the factories.

While the work was dangerous and difficult, many were willing to leave behind the declining prospects of preindustrial agriculture in the hope of better wages in industrial labor. Furthermore, many of the New Immigrants settled and found work near the cities where they first arrived. The nation’s cities became an invaluable economic and cultural resource for people who missed their homelands.

Although cities such as Philadelphia, Boston, and New York sprang up from the initial days of colonial settlement, the explosion in urban population growth did not occur until the mid-1800s.

At this time, the attractions of city life, and in particular, employment opportunities, grew exponentially due to rapid changes in industrialization. Before the mid-1800s, factories, such as the early textile mills, had to be located near rivers and seaports, both for the transport of goods and the necessary water power. Production was dependent upon seasonal water flow, with cold, icy winters all but stopping river transportation entirely. The development of the steam engine transformed this need, allowing businesses to locate their factories near urban centers. The factories moved to where the most workers could be found, and workers followed the jobs, leading to a rapid rise in city populations.

Eventually, cities developed their own unique characters based on the core industry that spurred their growth. In Pittsburgh it was steel, in Chicago it was meat packing, in New York the garment and financial industries, and Detroit the automobiles reigned. But all cities at this time, regardless of their industry, suffered from the universal problems that rapid expansion brought with it, including concerns over housing and living conditions, transportation, and communication. These issues were almost always rooted in deep class inequalities, shaped by racial divisions, religious differences, and ethnic strife, and distorted by corrupt local politics.

mang những mảnh ghép của một nền văn hóa cũ và đóng góp cho một nền văn hóa mới. Mặc dù nhiều người châu Âu trước đây đã thề với cái chết của họ để duy trì lối sống cũ, con cái họ không đồng ý. Hầu hết đều có mức sống cao hơn cha mẹ, học tiếng Anh dễ dàng và tìm kiếm lối sống của người Mỹ. Ít nhất là đến mức đó, nước Mỹ là một nồi nấu chảy.

ĐÔ THỊ

Đô thị hóa, quá trình chuyển từ một quốc gia mà hầu hết mọi người sống trong các trang trại, đến một nơi mà hầu hết mọi người sống ở các thành phố, xảy ra nhanh chóng trong nửa sau của Thế kỷ 19 tại Hoa Kỳ vì một số lý do. Các công nghệ mới của thời đại đã dẫn đến một bước nhảy vọt trong công nghiệp hóa, đòi hỏi số lượng lớn công nhân. Đèn điện mới và máy móc mạnh mẽ cho phép các nhà máy hoạt động 24 giờ một ngày, bảy ngày một tuần. Công nhân đã buộc phải làm việc mệt mỏi trong ca làm việc mười hai giờ, đòi hỏi họ phải sống gần các nhà máy.

Trong khi công việc là nguy hiểm và khó khăn, nhiều người sẵn sàng để lại đằng sau những triển vọng suy giảm của nông nghiệp tiền sản xuất với hy vọng có mức lương tốt hơn trong lao động công nghiệp. Hơn nữa, nhiều người nhập cư mới định cư và tìm thấy công việc gần các thành phố nơi họ đến lần đầu tiên. Các thành phố quốc gia thành phố trở thành một nguồn tài nguyên văn hóa và kinh tế vô giá cho những người bỏ lỡ quê hương.

Mặc dù các thành phố như Philadelphia, Boston và New York mọc lên từ những ngày đầu định cư thuộc địa, sự bùng nổ tăng trưởng dân số đô thị đã không xảy ra cho đến giữa những năm 1800.

Vào thời điểm này, những điểm hấp dẫn của cuộc sống thành phố, và đặc biệt là cơ hội việc làm, tăng theo cấp số nhân do những thay đổi nhanh chóng trong công nghiệp hóa. Trước giữa những năm 1800, các nhà máy, chẳng hạn như các nhà máy dệt sợi, phải được đặt gần sông và cảng biển, cả để vận chuyển hàng hóa và năng lượng nước cần thiết. Sản xuất phụ thuộc vào dòng nước theo mùa, với mùa đông lạnh, băng giá nhưng hoàn toàn dừng vận chuyển đường sông. Sự phát triển của động cơ hơi nước đã thay đổi nhu cầu này, cho phép các doanh nghiệp định vị các nhà máy của họ gần các trung tâm đô thị. Các nhà máy chuyển đến nơi có thể tìm thấy nhiều công nhân nhất và công nhân theo dõi công việc, dẫn đến sự gia tăng nhanh chóng trong dân số thành phố.

Cuối cùng, các thành phố đã phát triển các nhân vật độc đáo của riêng họ dựa trên ngành công nghiệp cốt lõi thúc đẩy sự phát triển của họ. Ở Pittsburgh, đó là thép, ở Chicago là đóng gói thịt, ở New York là ngành may mặc và tài chính, và Detroit là những chiếc ô tô trị vì. Nhưng tất cả các thành phố tại thời điểm này, bất kể ngành công nghiệp của họ, đều phải chịu những vấn đề phổ biến mà việc mở rộng nhanh chóng mang lại, bao gồm những lo ngại về nhà ở và điều kiện sống, giao thông và giao tiếp. Những vấn đề này hầu như luôn bắt nguồn từ sự bất bình đẳng giai cấp sâu sắc, được hình thành bởi sự phân chia chủng tộc, sự khác biệt tôn giáo và xung đột sắc tộc, và bị bóp méo bởi chính trị địa phương tham nhũng.

GROWING OUT AND GROWING UP

As cities grew and sprawled outward, a major challenge was efficient **mass transit** within the city, from home to factories or shops, and then back again. Most transportation infrastructure was used to connect cities to each other, typically by rail or canal. Prior to the 1880s, transportation within cities was the usually the **omnibus**. This was a large, horse-drawn carriage, often placed on iron or steel tracks to provide a smoother ride. While omnibuses worked adequately in smaller, less congested cities, they were not equipped to handle the larger crowds that developed at the close of the century. The horses had to stop and rest and horse manure became an ongoing problem.

In 1887, Frank Sprague invented the **electric trolley**, which worked along the same concept as the omnibus, with a large wagon on tracks, but was powered by electricity rather than horses. The electric trolley could run throughout the day and night, like the factories and the workers who fueled them. But it also modernized less important industrial centers, such as the southern city of Richmond, Virginia. As early as 1873, San Francisco engineers adopted pulley technology from the mining industry to introduce cable cars and turn the city's steep hills into elegant middle-class communities. However, as crowds continued to grow in the largest cities, such as Chicago and New York, trolleys were unable to move efficiently through the crowds of pedestrians. To avoid this challenge, city planners elevated the trolley lines above the streets, creating **elevated trains**, or **L-trains**, as early as 1868 in New York City, and quickly spreading to Boston in 1887 and Chicago in 1892. Transportation evolved one step further to move underground as **subways**. Boston's subway system began operating in 1897, and was quickly followed by New York and other cities.

With the development of efficient means of mass transportation, **suburbs** developed. Boston and New York spawned the first major suburbs. No metropolitan area in the world was as well served by railroad commuter lines at the turn of the twentieth century as New York, and it was the rail lines to Westchester from the Grand Central Terminal commuter hub that enabled its development. Westchester's true importance in the history of American suburbanization derives from the upper-middle class development of villages including Scarsdale, New Rochelle and Rye serving thousands of businessmen and executives from Manhattan.

The last limitation that large cities had to overcome was the ever-increasing need for space. Eastern cities, unlike their Midwestern counterparts, could not continue to grow outward, as the land surrounding them was already settled. Geographic limitations such as rivers or the coast also hampered sprawl. In all cities, citizens needed to be close enough to urban centers to conveniently access work, shops, and other core institutions of urban life. The increasing cost of real estate made upward growth attractive, and so did the

TĂNG TRƯỞNG VÀ TĂNG TRƯỞNG

Khi các thành phố phát triển và mở rộng ra bên ngoài, một thách thức lớn là vận chuyển hàng loạt hiệu quả trong thành phố, từ nhà đến các nhà máy hoặc cửa hàng, và sau đó trở lại. Hầu hết các cơ sở hạ tầng giao thông đã được sử dụng để kết nối các thành phố với nhau, thường là bằng đường sắt hoặc kênh. Trước những năm 1880, giao thông vận tải trong các thành phố thường là omnibus. Đây là một cỗ xe ngựa lớn, thường được đặt trên đường ray bằng sắt hoặc thép để mang lại một chuyến đi mượt mà hơn. Trong khi các loài ăn tạp hoạt động đầy đủ ở các thành phố nhỏ hơn, ít tắc nghẽn hơn, chúng không được trang bị để xử lý những đám đông lớn hơn phát triển vào cuối thế kỷ. Những con ngựa phải dừng lại và nghỉ ngơi và phân ngựa trở thành một vấn đề đang diễn ra.

Vào năm 1887, Frank Sprague đã phát minh ra xe đẩy điện, hoạt động theo cùng một khái niệm với loài ăn tạp, với một toa xe lớn trên đường ray, nhưng được cung cấp năng lượng bằng điện chứ không phải ngựa. Xe đẩy điện có thể chạy suốt ngày đêm, giống như các nhà máy và công nhân cung cấp nhiên liệu cho chúng. Nhưng nó cũng hiện đại hóa các trung tâm công nghiệp ít quan trọng hơn, chẳng hạn như thành phố phía nam của Richmond, Virginia. Đầu năm 1873, các kỹ sư của San Francisco đã áp dụng công nghệ ròng rọc từ ngành khai thác để giới thiệu cáp treo và biến thành phố đồi dốc thành một cộng đồng trung lưu thanh lịch. Tuy nhiên, khi đám đông tiếp tục phát triển ở các thành phố lớn nhất, như Chicago và New York, xe đẩy không thể di chuyển hiệu quả qua đám đông người đi bộ. Để tránh thách thức này, các nhà hoạch định thành phố đã nâng các đường xe đẩy phía trên đường phố, tạo ra các chuyến tàu trên cao hoặc tàu L, vào đầu năm 1868 tại thành phố New York và nhanh chóng lan rộng đến Boston vào năm 1887 và Chicago vào năm 1892. Giao thông vận tải tiến thêm một bước để di chuyển dưới lòng đất như tàu điện ngầm. Hệ thống tàu điện ngầm Boston, bắt đầu hoạt động vào năm 1897, và nhanh chóng được theo sau bởi New York và các thành phố khác.

Với sự phát triển của các phương tiện giao thông đại chúng hiệu quả, vùng ngoại ô phát triển. Boston và New York sinh ra các vùng ngoại ô lớn đầu tiên. Không có khu vực đô thị nào trên thế giới được phục vụ tốt bởi các tuyến đường sắt đi lại vào đầu thế kỷ XX như New York, và đó là các tuyến đường sắt đến Westchester từ trung tâm đi lại Grand Central Terminal cho phép phát triển. Tầm quan trọng thực sự của Westchester trong lịch sử ngoại ô Mỹ bắt nguồn từ sự phát triển của tầng lớp trung lưu thượng lưu bao gồm Scarsdale, New Rochelle và Rye phục vụ hàng ngàn doanh nhân và giám đốc điều hành từ Manhattan.

Hạn chế cuối cùng mà các thành phố lớn phải vượt qua là nhu cầu không gian ngày càng tăng. Các thành phố phía đông, không giống như các đối tác Trung Tây của họ, không thể tiếp tục phát triển ra bên ngoài, vì vùng đất xung quanh họ đã được định cư. Những hạn chế về địa lý như sông hay bờ biển cũng bị cản trở ngốn ngấu. Ở tất cả các thành phố, công dân cần phải đủ gần các trung tâm đô thị để thuận tiện tiếp cận công việc, cửa hàng và các tổ chức cốt lõi khác của cuộc sống đô thị. Chi phí bất động sản ngày càng tăng khiến cho sự tăng trưởng trở nên hấp dẫn, và uy tín mà các tòa nhà cao chót vót mang lại cho các doanh nghiệp chiếm đóng chúng. Các công nhân đã hoàn thành tòa nhà chọc trời đầu tiên ở

prestige that towering buildings carried for the businesses that occupied them. Workers completed the first **skyscraper** in Chicago, the ten-story Home Insurance Building, in 1885. Although engineers had the capability to go higher, thanks to new steel construction techniques, they required another vital invention in order to make taller buildings viable. In 1889, **Elisha Otis** delivered, with the invention of the safety elevator. This began the skyscraper craze, allowing developers in eastern cities to build and market prestigious real estate in the hearts of crowded metropolises.

Chicago, Tòa nhà Bảo hiểm Nhà mười tầng, vào năm 1885. Mặc dù các kỹ sư có khả năng cao hơn, nhờ các kỹ thuật xây dựng thép mới, họ đã yêu cầu một phát minh quan trọng khác để làm cho các tòa nhà cao hơn có thể tồn tại. Năm 1889, Elisha Otis giao hàng, với phát minh ra thang máy an toàn. Điều này đã bắt đầu cơn sốt nhà chọc trời, cho phép các nhà phát triển ở các thành phố phía đông xây dựng và tiếp thị bất động sản có uy tín trong trung tâm của các đô thị đông đúc.



Primary Source: Photograph

The Flatiron Building, one of the world's first skyscrapers which graces Fifth Avenue in New York City. It was completed in 1902.

Nguồn chính: Ảnh

Tòa nhà Flatiron, một trong những tòa nhà chọc trời đầu tiên trên thế giới có tên là Đại lộ số 5 ở thành phố New York. Nó được hoàn thành vào năm 1902.

CHALLENGES AND INOVATIONS

As the country grew, certain elements led some towns to morph into large urban centers, while others did not. The following four innovations proved critical in shaping urbanization at the turn of the century: electric lighting, communication improvements, transportation, and the rise of skyscrapers. As people migrated for

THỬ THÁCH VÀ ĐẦU TƯ

Khi đất nước phát triển, một số yếu tố đã khiến một số thị trấn biến thành các trung tâm đô thị lớn, trong khi những yếu tố khác thì không. Bốn sáng kiến sau đây đã chứng minh sự quan trọng trong việc định hình đô thị hóa vào đầu thế kỷ: chiếu sáng điện, cải thiện giao tiếp, giao thông và sự trỗi dậy của các tòa nhà chọc trời. Khi mọi người di cư cho các công việc mới, họ thường phải

the new jobs, they often struggled with the absence of these basic services. Even necessities, such as fresh water and proper sanitation, often taken for granted in the countryside, presented a greater challenge in urban life.

Thomas Edison patented the incandescent light bulb in 1879. This development quickly became common in homes as well as factories, transforming how all social classes lived. Although slow to arrive in rural areas of the country, electric power became readily available in cities when the first commercial power plants began to open in 1882. When **Nikola Tesla** subsequently developed the AC (alternating current) system for the Westinghouse Electric & Manufacturing Company, power supplies for lights and other factory equipment could extend for miles from the power source. AC power transformed the use of electricity, allowing urban centers to physically cover greater areas.

Gradually, cities began to illuminate the streets with electric lamps to allow the city to remain alight throughout the night. No longer did the pace of life and economic activity slow substantially at sunset, the way it had in smaller towns. The cities, following the factories that drew people there, stayed open all the time.

The telephone, patented in 1876 by **Alexander Graham Bell**, greatly transformed communication both regionally and nationally. The telephone rapidly supplanted the telegraph as the preferred form of communication. By 1900, over 1.5 million telephones were in use around the nation, whether as private lines in the homes of some middle- and upper-class Americans, or jointly used party lines in many rural areas.

In the same way that electric lights spurred greater factory production and economic growth, the telephone increased business through the more rapid pace of demand. With telephones, orders could come constantly, rather than via mail order. More orders generated greater production, which in turn required still more workers. This demand for additional labor played a key role in urban growth, as expanding companies sought workers to handle the increasing consumer demand for their products.

Lights and communication might have illuminated the cities, but much of the urban poor, including a majority of incoming immigrants, lived in horrible housing. If the skyscraper was the jewel of the American city, the tenement was its boil. In 1878, a publication offered \$500 to the architect who could provide the best design for mass housing. James Ware won the contest with his plan for a dumbbell **tenement**. This structure was thinner in the center than on its extremes to allow light to enter the building, no matter how tightly packed the tenements may be. Unfortunately, these vents were often filled with garbage. The air that managed to penetrate also allowed a fire to spread from one tenement to the next more easily.

vật lộn với sự vắng mặt của các dịch vụ cơ bản này. Ngay cả những thứ cần thiết, chẳng hạn như nước ngọt và vệ sinh đúng cách, thường được sử dụng ở nông thôn, đã đưa ra một thách thức lớn hơn trong cuộc sống đô thị.

Thomas Edison đã cấp bằng sáng chế cho bóng đèn sợi đốt vào năm 1879. Sự phát triển này nhanh chóng trở nên phổ biến trong các gia đình cũng như các nhà máy, làm thay đổi cách mọi tầng lớp xã hội sống. Mặc dù đến chậm ở các vùng nông thôn của đất nước, năng lượng điện đã có sẵn ở các thành phố khi các nhà máy điện thương mại đầu tiên bắt đầu mở cửa vào năm 1882. Khi Nikola Tesla sau đó phát triển hệ thống AC (dòng điện xoay chiều) cho Công ty Sản xuất & Điện Westinghouse, nguồn cung cấp điện cho đèn chiếu sáng và thiết bị nhà máy khác có thể kéo dài hàng dặm từ nguồn điện. Điện xoay chiều đã chuyển đổi việc sử dụng điện, cho phép các trung tâm đô thị bao phủ vật lý các khu vực lớn hơn.

Dần dần, các thành phố bắt đầu chiếu sáng đường phố bằng đèn điện để cho phép thành phố duy trì sự tỉnh táo suốt đêm. Không còn tốc độ của cuộc sống và hoạt động kinh tế chậm lại đáng kể vào lúc hoàng hôn, như cách nó đã có trong các thị trấn nhỏ hơn. Các thành phố, theo sau các nhà máy đã thu hút mọi người ở đó, luôn mở cửa.

Điện thoại, được cấp bằng sáng chế vào năm 1876 bởi Alexander Graham Bell, đã chuyển đổi rất nhiều thông tin liên lạc cả khu vực và quốc gia. Điện thoại nhanh chóng thay thế điện báo là hình thức liên lạc ưa thích. Đến năm 1900, hơn 1,5 triệu máy điện thoại đã được sử dụng trên toàn quốc, cho dù là đường dây riêng trong nhà của một số người Mỹ thuộc tầng lớp trung lưu và thượng lưu, hoặc các đường dây đảng được sử dụng chung ở nhiều vùng nông thôn.

Cũng giống như cách mà đèn điện thúc đẩy sản xuất nhà máy và tăng trưởng kinh tế lớn hơn, điện thoại đã tăng cường kinh doanh thông qua tốc độ nhanh hơn của nhu cầu. Với điện thoại, các đơn đặt hàng có thể đến liên tục, thay vì qua thư đặt hàng. Nhiều đơn đặt hàng tạo ra sản xuất lớn hơn, do đó đòi hỏi vẫn còn nhiều công nhân. Nhu cầu lao động bổ sung này đóng một vai trò quan trọng trong tăng trưởng đô thị, khi các công ty mở rộng tìm kiếm công nhân để xử lý nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng đối với các sản phẩm của họ.

Ánh sáng và thông tin liên lạc có thể đã chiếu sáng các thành phố, nhưng phần lớn người nghèo ở thành thị, bao gồm phần lớn người nhập cư đến, sống trong những ngôi nhà khủng khiếp. Nếu tòa nhà chọc trời là viên ngọc quý của thành phố Mỹ, thì chung cư là nơi sôi sục. Năm 1878, một ấn phẩm cung cấp 500 đô la cho kiến trúc sư có thể cung cấp thiết kế tốt nhất cho nhà ở đại chúng. James Ware đã giành chiến thắng trong cuộc thi với kế hoạch cho việc thuê quả tạ. Cấu trúc này mỏng hơn ở trung tâm so với các cực trị của nó để cho phép ánh sáng đi vào tòa nhà, bất kể các khu nhà có thể được đóng gói chặt chẽ như thế nào. Thật không may, những lỗ thông hơi này thường chứa đầy rác. Không khí có thể xâm nhập cũng cho phép một đám cháy lan từ khu nhà này sang khu nhà khác dễ dàng hơn.

The cities stank. The air stank, the rivers stank, the people stank. Although public sewers were improving, disposing of human waste was increasingly a problem. People used private cesspools, which overflowed with a long, hard rain. Old sewage pipes dumped the waste directly into the rivers or bays. These rivers were often the very same used as water sources.

Trash collection had not yet been systemized. Trash was dumped in the streets or in the waterways. Better sewers, water purification, and trash removal were some of the most pressing problems for city leadership. As the 20th Century dawned, many improvements were made, but the cities were far from sanitary.

Các thành phố bị dấm. Không khí dấm đuối, dòng sông dấm đuối, con người dấm đuối. Mặc dù hệ thống thoát nước công cộng đã được cải thiện, nhưng việc xử lý chất thải của con người ngày càng trở thành một vấn đề. Người ta đã sử dụng các bể tàu riêng, tràn qua một cơn mưa dài và khó khăn. Các ống nước thải cũ đổ chất thải trực tiếp xuống sông hoặc vịnh. Những con sông này thường được sử dụng giống như nguồn nước.

Bộ sưu tập rác chưa được hệ thống hóa. Thùng rác được đổ trên đường phố hoặc đường thủy. Cống thoát nước tốt hơn, lọc nước và loại bỏ rác là một trong những vấn đề cấp bách nhất đối với lãnh đạo thành phố. Khi Thế kỷ 20 bắt đầu, nhiều cải tiến đã được thực hiện, nhưng các thành phố không còn hợp vệ sinh.



Primary Source: Photograph

An example of a tenement building at the turn of the century. They were overcrowded, with many more people, and sometimes families, living in a single unit than the designers ever intended.

Nguồn chính: Ảnh

Một ví dụ về một tòa nhà chung cư vào đầu thế kỷ. Họ đã quá đông đúc, với nhiều người hơn, và đôi khi là gia đình, sống trong một đơn vị hơn những nhà thiết kế từng dự định.

Because of the massive overcrowding and poor sanitation, disease was widespread. **Cholera** and **Yellow Fever** epidemics swept through the slums on a regular basis. **Tuberculosis** was a huge killer. Infants suffered the most. Almost 25% of babies born in late-1800s cities died before reaching the age of one. **Sewer systems** and the development of clean water delivery were one some of the most important technological reforms of the time.

Poverty often breeds crime. Desperate people will often resort to theft or violence to put food on the family table when the factory wages would not suffice. Youths who dreaded a life of monotonous factory work and pauperism sometimes roamed the streets in gangs. Vices such as gambling, prostitution, and alcoholism were widespread. Gambling rendered the hope of getting rich quick. Prostitution provided additional income. Alcoholism furnished a

Do quá đông và vệ sinh kém, bệnh đã lan rộng. Bệnh dịch tả và bệnh sốt vàng da quét qua khu ổ chuột một cách thường xuyên. Lao là một kẻ giết người rất lớn. Trẻ sơ sinh phải chịu đựng nhiều nhất. Gần 25% trẻ sơ sinh được sinh ra ở cuối thành phố những năm 1800 đã chết trước khi đến một tuổi. Hệ thống thoát nước và phát triển cung cấp nước sạch là một trong những cải cách công nghệ quan trọng nhất thời bấy giờ.

Nghèo đói thường sinh ra tội ác. Những người tuyệt vọng thường sẽ dùng đến trộm cắp hoặc bạo lực để đặt thức ăn lên bàn ăn gia đình khi tiền lương của nhà máy không đủ. Những thanh niên sợ hãi một cuộc sống của công việc nhà máy đơn điệu và pauperism đôi khi lang thang trên đường phố trong các băng đảng. Những tệ nạn như cờ bạc, mại dâm và nghiện rượu đã lan rộng. Đánh bạc đưa ra hy vọng làm giàu nhanh chóng. Gái mại dâm cung cấp thêm thu nhập. Nghiện rượu trang bị một phương tiện trốn thoát giả. Hệ thống cảnh sát trưởng thị trấn cũ rở ràng không đủ cho cuộc

false means of escape. The old system of town sheriffs were clearly inadequate for city life. The development of professional police forces is a legacy of the age of urbanization. In tandem with police forces, fire departments grew to meet the demand of city life. While small towns might be able to rely on a team of volunteer firefighters, or simply a bucket brigade of townspeople, cities required firefighters on duty day and night.

As the population became increasingly centered in urban areas while the century drew to a close, some reformers began to question the wisdom of moving into an entirely built environment. Was it wise to live in a world without trees, without lakes, rivers, or anything green?



Primary Source: Photograph

The Polo Grounds, the first home of the New York Yankees baseball team. Professional baseball provided an inexpensive form of entertainment for the masses.

Nguồn chính: Ảnh

Sân Polo, ngôi nhà đầu tiên của đội bóng chày New York Yankees. Bóng chày chuyên nghiệp cung cấp một hình thức giải trí rẻ tiền cho công chúng.

Through the **City Beautiful Movement**, leaders such as **Frederick Law Olmsted** worked to bring nature back to the cities. Olmsted, one of the earliest and most influential designers of urban green space, and the original designer of **Central Park** in New York, worked to introduce the idea of the City Beautiful movement at the Columbian Exposition in 1893. From wide-open green spaces to brightly painted white buildings, connected with modern transportation services and appropriate sanitation, the White City of the Exposition set the stage for American urban city planning for the next generation. This model encouraged city planners to consider three principal tenets. First, create larger park areas inside cities. Second, build wider boulevards to decrease traffic congestion and allow for lines of trees and other greenery between lanes. And third, add more suburbs in order to mitigate congested living in the city itself. As each city adapted these principles in various ways, the City Beautiful movement became a cornerstone of urban development well into the twentieth century.

Thông qua Phong trào Đẹp Thành phố, các nhà lãnh đạo như Frederick Law Olmsted đã làm việc để đưa thiên nhiên trở lại các thành phố. Olmsted, một trong những nhà thiết kế sớm nhất và có ảnh hưởng nhất của không gian xanh đô thị, và là nhà thiết kế ban đầu của Công viên Trung tâm ở New York, đã làm việc để giới thiệu ý tưởng về phong trào Thành phố xinh đẹp tại Triển lãm Columbia năm 1893. Từ không gian xanh mở rộng đến Những tòa nhà màu trắng được sơn màu rực rỡ, kết nối với các dịch vụ giao thông hiện đại và vệ sinh phù hợp, Thành phố Trắng của Triển lãm đã tạo tiền đề cho quy hoạch thành phố đô thị của Mỹ cho thế hệ tiếp theo. Mô hình này khuyến khích các nhà hoạch định thành phố xem xét ba nguyên lý chính. Đầu tiên, tạo các khu vực công viên lớn hơn trong các thành phố. Thứ hai, xây dựng các đại lộ rộng hơn để giảm tắc nghẽn giao thông và cho phép các hàng cây và cây xanh khác giữa các làn đường. Và thứ ba, thêm nhiều vùng ngoại ô để giảm thiểu cuộc sống tắc nghẽn trong chính thành phố. Khi mỗi thành phố điều chỉnh các nguyên tắc này theo nhiều cách khác nhau, phong trào Thành phố xinh đẹp trở thành nền tảng phát triển đô thị vào thế kỷ XX.

ENJOYING URBAN LIFE

Americans in cities wanted something to take their minds off of the hardships of daily life, and Americas entertainers rose to the challenge. One form of popular entertainment was **vaudeville**, large stage variety shows that included everything from singing, dancing, and comedy acts to live animals and magic. The vaudeville circuit gave rise to several prominent performers, including magician **Harry Houdini**, who began his career in these variety shows before his fame propelled him to solo acts. Although the new film industry would eventually kill off vaudeville, many of the most successful vaudeville performers moved from stage to screen.

A major form of entertainment for the working class was professional baseball. Club teams transformed into professional baseball teams with the Cincinnati Red Stockings, now the Cincinnati Reds, in 1869. Soon, professional teams sprang up in several major American cities. Baseball games provided an inexpensive form of entertainment, where for less than a dollar, a person could enjoy a double-header, two hot dogs, and a beer. But more importantly, the teams became a way for newly relocated Americans and immigrants of diverse backgrounds to develop a unified civic identity, all cheering for one team. By 1876, the National League had formed, and soon after, cathedral-style ballparks began to spring up in many cities. Fenway Park in Boston, Forbes Field in Pittsburgh, and the Polo Grounds in New York all became touch points where working-class Americans came together to support a common cause.

Other popular sports included prize-fighting, which attracted a predominantly male, working- and middle-class audience who lived vicariously through the triumphs of the boxers during a time where opportunities for individual success were rapidly shrinking, and college football, which paralleled a modern corporation in its team hierarchy, divisions of duties, and emphasis on time management.

CONCLUSION

As is clear, the turn of the century also turned American into city dwellers, and that shift was anything but easy. Overcrowding, pollution, poor sanitation, a lack of transportation, crime, fire, and overt racism all challenged the Americans, and newly arrived Americans, who built our cities. But, as we have come to expect of ourselves, those who struggled also persevered and developed ingenious ways to overcome seemingly insurmountable challenges. They built skyscrapers, streetcars, sewers and suburbs. They learned English, became citizens and gave us new foods, music, art and entertainment.

But with urbanization also died Thomas Jefferson's dream of a nation built on yeoman farmers. Americans would never again be tied to the land. We would be a nation of people who lived among paved streets, brick high rises, and electric lights instead of being

THƯỜNG THỨC CUỘC ĐỜI

Người Mỹ ở các thành phố muốn một cái gì đó để tâm trí của họ thoát khỏi những khó khăn của cuộc sống hàng ngày, và các nghệ sĩ giải trí châu Mỹ đã vượt qua thách thức. Một hình thức giải trí phổ biến là vaudeville, các chương trình tạp kỹ trên sân khấu lớn bao gồm tất cả mọi thứ, từ ca hát, nhảy múa, và các hành động hài kịch đến động vật sống và ma thuật. Mạch vaudeville đã tạo ra một số người biểu diễn nổi bật, bao gồm cả ảo thuật gia Harry Houdini, người đã bắt đầu sự nghiệp của mình trong các chương trình tạp kỹ này trước khi sự nổi tiếng của anh ấy đẩy anh ấy đến với các hoạt động solo. Mặc dù ngành công nghiệp điện ảnh mới cuối cùng sẽ giết chết vaudeville, nhiều người biểu diễn vaudeville thành công nhất đã chuyển từ giai đoạn này sang màn ảnh khác.

Một hình thức giải trí chính cho tầng lớp lao động là bóng chày chuyên nghiệp. Các đội trong câu lạc bộ đã chuyển đổi thành các đội bóng chày chuyên nghiệp với Stockings Red của Cincinnati, giờ là Reds Cincinnati, vào năm 1869. Chẳng bao lâu, các đội chuyên nghiệp mọc lên ở một số thành phố lớn của Mỹ. Trò chơi bóng chày cung cấp một hình thức giải trí rẻ tiền, trong đó với giá chưa đến một đô la, một người có thể thưởng thức một cú đúp, hai con chó nóng và bia. Nhưng quan trọng hơn, các đội đã trở thành một cách để những người Mỹ mới nhập cư và những người nhập cư có nguồn gốc khác nhau phát triển một bản sắc công dân thống nhất, tất cả đều cổ vũ cho một đội. Đến năm 1876, Liên đoàn Quốc gia đã hình thành, và ngay sau đó, những quả bóng kiểu nhà thờ bắt đầu mọc lên ở nhiều thành phố. Công viên Fenway ở Boston, Forbes Field ở Pittsburgh và Sân Polo ở New York đều trở thành điểm tiếp xúc nơi người Mỹ thuộc tầng lớp lao động cùng nhau hỗ trợ cho một sự nghiệp chung.

Các môn thể thao phổ biến khác bao gồm chiến đấu giải thưởng, thu hút một đối tượng chủ yếu là nam giới, tầng lớp lao động và tầng lớp trung lưu sống luẩn quẩn qua chiến thắng của các võ sĩ trong thời gian mà cơ hội thành công cá nhân nhanh chóng bị thu hẹp và bóng đá đại học, song song với hiện đại tập đoàn trong hệ thống phân cấp nhóm, phân chia nhiệm vụ và nhấn mạnh vào quản lý thời gian.

PHẦN KẾT LUẬN

Như đã rõ, bước ngoặt của thế kỷ cũng biến người Mỹ thành cư dân thành phố, và sự thay đổi đó là bất cứ điều gì nhưng dễ dàng. Quá đông đúc, ô nhiễm, vệ sinh kém, thiếu phương tiện giao thông, tội phạm, hỏa hoạn và phân biệt chủng tộc công khai tất cả đã thách thức người Mỹ, và người Mỹ mới đến, những người xây dựng thành phố của chúng ta. Nhưng, như chúng ta đã mong đợi về bản thân, những người đấu tranh cũng kiên trì và phát triển những cách khéo léo để vượt qua những thách thức dường như không thể vượt qua. Họ xây dựng các tòa nhà chọc trời, xe điện, cổng rãnh và vùng ngoại ô. Họ học tiếng Anh, trở thành công dân và cho chúng tôi những món ăn, âm nhạc, nghệ thuật và giải trí mới.

Nhưng với quá trình đô thị hóa cũng đã chết Thomas Jefferson, giấc mơ về một quốc gia được xây dựng dựa trên những người nông dân người Anh. Người Mỹ sẽ không bao giờ bị ràng buộc với đất. Chúng ta sẽ là một quốc gia của những người sống giữa những con đường lát đá, những tòa nhà cao bằng gạch và đèn điện thay

regulated by the passing of the four seasons and the rising and setting of the sun.

What do you think? Was it beneficial or harmful for America to become a nation of cities?

vì được điều chỉnh bởi sự đi qua của bốn mùa và sự trở dậy và mặt trời.

Bạn nghĩ sao? Nó có lợi hay có hại cho nước Mỹ khi trở thành một quốc gia của các thành phố?

SUMMARY

Beginning in the 1880s, America experienced about four decades of massive immigration. These people are called the New Immigrants because they were different from earlier immigrants in important ways. First, they were poor and didn't come with many skills. They left their homelands to escape poverty, war, famine and persecution. They came in search of jobs, religious freedom, and opportunities for their children. Most came from Southern and Eastern Europe. They were Italian, Greek, Romanian, Polish and Russia. Also, Chinese immigration increased.

New York City's Ellis Island was a major immigration station and the city grew and expanded its reputation as multicultural melting pot. Immigrants tended to settle into neighborhoods with support systems in place that they could rely on. The growth of ethnic enclaves such as Chinatown or Little Italy was a hallmark of urban growth at this time.

Some Americans did not like these new immigrants. Nativism once again was common. Efforts to make English the official language expanded. Anti-Semitism grew. Eventually, the KKK embraced these anti-immigrant ideas. The Chinese Exclusion Act officially banned all immigration from China, a victory for nativists. In contrast, the Statue of Liberty stood as a sign of welcome and symbol of all that immigrants hoped for in their adopted country.

Immigrants and migration from the countryside drove urbanization. It was around the year 1900 that America became a nation where more people lived in cities than on farms. As cities grew, so did problems associated with urban areas. Garbage and polluted water, crime, fire, poverty, and overcrowding were issues. In response, city leaders created professional police and fire departments.

Mass transit was developed. Cities built the first subways and trolley systems. Mass transit made it possible for people to live in suburbs and commute to work, so cities expanded outward. Otis's safety elevator made skyscrapers possible, and cities expanded upward as well. Edison and Tesla's work on electricity resulted in electric lights both inside and out. Bell's telephone also revolutionized American city life.

Tenements were built to help house the poor. These low-rent apartments soon became overcrowded and emblematic of the problems with growing cities.

Cities built sewer systems to combat disease. The City Beautiful Movement encouraged the construction of parks such as Central Park in New York City. Americans went to baseball games for fun. Vaudeville performers travelled from place to place in the time before movies to entertain the masses.

TÓM LƯỢC

Bắt đầu từ những năm 1880, nước Mỹ trải qua khoảng bốn thập kỷ nhập cư ồ ạt. Những người này được gọi là Người nhập cư mới vì họ khác với những người nhập cư trước đó theo những cách quan trọng. Đầu tiên, họ nghèo và không có nhiều kỹ năng. Họ rời bỏ quê hương để thoát nghèo, chiến tranh, nạn đói và đàn áp. Họ đến để tìm kiếm việc làm, tự do tôn giáo và cơ hội cho con cái của họ. Hầu hết đến từ Nam và Đông Âu. Họ là người Ý, Hy Lạp, Rumani, Ba Lan và Nga. Ngoài ra, nhập cư Trung Quốc tăng.

Thành phố New York, Đảo Ellis là một trạm nhập cư lớn và thành phố đã phát triển và mở rộng danh tiếng của nó như là nơi nấu chảy đa văn hóa. Người nhập cư có xu hướng định cư vào các khu phố với hệ thống hỗ trợ tại chỗ mà họ có thể dựa vào. Sự phát triển của các vùng dân tộc như Khu phố Tàu hay Tiểu Ý là một dấu hiệu tăng trưởng đô thị vào thời điểm này.

Một số người Mỹ không thích những người nhập cư mới này. Nativism một lần nữa là phổ biến. Nỗ lực để làm cho tiếng Anh trở thành ngôn ngữ chính thức mở rộng. Chủ nghĩa bài Do Thái phát triển. Cuối cùng, KKK chấp nhận những ý tưởng chống người nhập cư này. Đạo luật Loại trừ Trung Quốc chính thức cấm tất cả người nhập cư từ Trung Quốc, một chiến thắng cho những người theo chủ nghĩa tự nhiên. Ngược lại, Tượng Nữ thần Tự do là dấu hiệu của sự chào đón và là biểu tượng của tất cả những người nhập cư hy vọng ở đất nước được nhận nuôi của họ.

Người nhập cư và di cư từ nông thôn đã thúc đẩy quá trình đô thị hóa. Đó là vào khoảng năm 1900, nước Mỹ đã trở thành một quốc gia nơi có nhiều người sống ở các thành phố hơn là các trang trại. Khi các thành phố phát triển, các vấn đề liên quan đến khu vực đô thị cũng vậy. Rác và nước ô nhiễm, tội phạm, hỏa hoạn, nghèo đói và quá tải là những vấn đề. Đáp lại, lãnh đạo thành phố đã tạo ra cảnh sát chuyên nghiệp và sở cứu hỏa.

Vận chuyển khối lượng lớn đã được phát triển. Các thành phố đã xây dựng các tàu điện ngầm và hệ thống xe đẩy đầu tiên. Vận chuyển hàng loạt khiến mọi người có thể sống ở vùng ngoại ô và đi làm, vì vậy các thành phố mở rộng ra bên ngoài. Thang máy an toàn Otis sườn làm cho các tòa nhà chọc trời có thể, và các thành phố cũng mở rộng lên. Edison và Tesla, làm việc về điện dẫn đến đèn điện cả trong lẫn ngoài. Chuông điện thoại cũng cách mạng hóa cuộc sống thành phố Mỹ.

Chung cư được xây dựng để giúp đỡ người nghèo. Những căn hộ cho thuê giá rẻ này nhanh chóng trở nên quá đông đúc và là biểu tượng của những vấn đề với các thành phố đang phát triển.

Thành phố xây dựng hệ thống cống rãnh để chống lại bệnh tật. Phong trào Thành phố xinh đẹp khuyến khích xây dựng các công viên như Công viên Trung tâm ở Thành phố New York. Người Mỹ đã đến các trận bóng chày để giải trí. Những người biểu diễn Vaudeville đã đi từ nơi này sang nơi khác trong thời gian trước khi phim để giải trí cho công chúng.



KEY CONCEPTS

Push Factors: Reasons to leave a place. In the time of the New Immigrants these included religious persecution, war, famine and poverty.

Pull Factors: Reasons to come to a place. In the time of the New Immigrants these included jobs, religious freedom, education and land.

Nativism: A belief that people born in the United States are superior to immigrants.

Melting Pot: The idea that America is made up of a blending of many diverse cultural influences.

Urbanization: The process of developing cities.

City Beautiful Movement: A movement at the turn of the century to build parks in major cities. It was driven by the idea that humans should not live in an environment built of stone and concrete. Frederick Law Olmstead who designed Central Park in New York City was the most famous proponent of this idea.

Vaudeville: A form of entertainment popular in the early 1900s. It featured groups of travelling performers who put on played music, acted, or performed magic and similar acts. This form of entertainment died out as movies became popular.



LOCATIONS

Ellis Island: Major immigration station in New York Harbor.

Angel Island: Major immigration station in San Francisco Harbor.

Ethnic Neighborhoods: Areas in major cities where groups of immigrants concentrated. They usually had restaurants, grocery stores, newspapers, support organizations and churches that served the neighborhood's immigrant population.

Statue of Liberty: Symbol of the pull factors that attracted the New Immigrants. It stands on an island in New York Harbor.

Suburbs: Cities built around a larger city. These developed because mass transit made it possible to live far from where a person worked.

Central Park: Famous park in Manhattan in New York City designed by Frederick Law Olmstead.



LAWS

Chinese Exclusion Act: Law passed in 1882 ending immigration from China and preventing Chinese immigrants already in the United States from applying for citizenship.



PEOPLE AND GROUPS

New Immigrants: The name for the immigrants who arrived in the United States in the late 1800s and early 1900s. They were different from the "Old Immigrants" in that they were often from Southern and Eastern Europe, were Catholic, Orthodox Christian or Jewish instead of Protestant. Unlike earlier groups of immigrants, they were also often poor and uneducated with few skills.

Joshiah Strong: A leading nativist in the late 1800s. He disliked the New Immigrants and argued for literacy tests. He eventually helped end the waves of immigration that characterized the turn of the century.

Elisha Otis: Inventor of a safe electric elevator. His invention made skyscrapers possible.

Thomas Edison: Prolific American inventor. His creations included the electric lightbulb, phonograph (record player) and movie camera.

Nikola Tesla: Electrical engineer and inventor who developed alternating current that powers all of our electrical systems today.

Alexander Graham Bell: Inventor of the telephone and founder of the various Bell Telephone Companies.

Frederick Law Olmsted: Champion of the City Beautiful Movement and designer of many famous city parks including Central Park in New York City.

Harry Houdini: Famous vaudeville magician.



SCIENCE & TECHNOLOGY

Mass Transit: Any form of transportation in cities designed to move many people. These include busses, subways, trolley cars and elevated trains.

Omnibus: A forerunner to the modern city bus. It was a carriage that ran on railroad tracks that was pulled by horses.

Electric Trolley: A trolley that ran on electricity.

Elevated Train: Similar to a subway, these trains ran on tracks built on bridges above city streets. The most famous is in Chicago and nicknamed the "L."

Subway: A form of mass transit that has trains running in tunnels underground. The first in the United States was in Boston, but the most famous is in New York City.

Skyscraper: Tall buildings in cities. They made it possible for many more people to live and work in a smaller area.

Tenement: Public housing designed to provide inexpensive places to live in cities. Designed by James Ware, they were usually overcrowded, dirty, and places where disease was common.

Cholera: A disease common in major cities at the turn of the century caused by drinking polluted water. Sewer systems helped eliminate the disease.

Yellow Fever: A disease common in major cities at the turn of the century caused by the bite of mosquitos who bred in puddles of standing water. Paved streets and sewer systems reduced both the mosquitos and the disease.

Tuberculosis: A lung disease that spread in overcrowded cities at the turn of the century.

Sewer Systems: Major public works at the turn of the century designed to clean wastewater and provide clean drinking water.

2

S E C O N D Q U E S T I O N CAN WRITERS MAKE THE WORLD A BETTER PLACE?

I S T H E
**AMERICAN
DREAM**
ACHIEVABLE?

INTRODUCTION

In modern times, our media world revolves around video, formerly on television or the movie theaters, but increasingly on small screens, and even more so, in video we produce ourselves with smartphones. Before the advent of video, however, the information travelled in print, and the Gilded Age was great time to be a reader or writer. Millions of Americans wanted something to read and newspapers, magazines and books sold like wildfire.

Of course, not everything that was written back then was worth reading, just as not everything that is posted online now is worth watching. However, in the same way that our cameras today can capture and expose wrongdoing, the writers of the Gilded Age put pen to paper and tried to effect change.

What do you think? Can writers make the world a better place?

GIỚI THIỆU

Trong thời hiện đại, thế giới truyền thông của chúng ta xoay quanh video, trước đây là trên truyền hình hoặc rạp chiếu phim, nhưng ngày càng xuất hiện trên màn hình nhỏ, và thậm chí nhiều hơn, trong video chúng ta tự sản xuất bằng điện thoại thông minh. Tuy nhiên, trước khi video ra đời, thông tin đã được in ra và Thời đại mạ vàng là thời gian tuyệt vời để trở thành độc giả hoặc nhà văn. Hàng triệu người Mỹ muốn một cái gì đó để đọc và báo, tạp chí và sách được bán như lửa.

Tất nhiên, không phải tất cả những gì được viết lại sau đó đều đáng đọc, cũng như không phải mọi thứ được đăng trực tuyến bây giờ đều đáng xem. Tuy nhiên, giống như cách mà các máy ảnh của chúng ta ngày nay có thể ghi lại và phơi bày những hành động sai trái, các nhà văn của Thời đại mạ vàng đã đặt bút lên giấy và cố gắng thay đổi hiệu ứng.

Bạn nghĩ sao? Các nhà văn có thể làm cho thế giới tốt đẹp hơn?

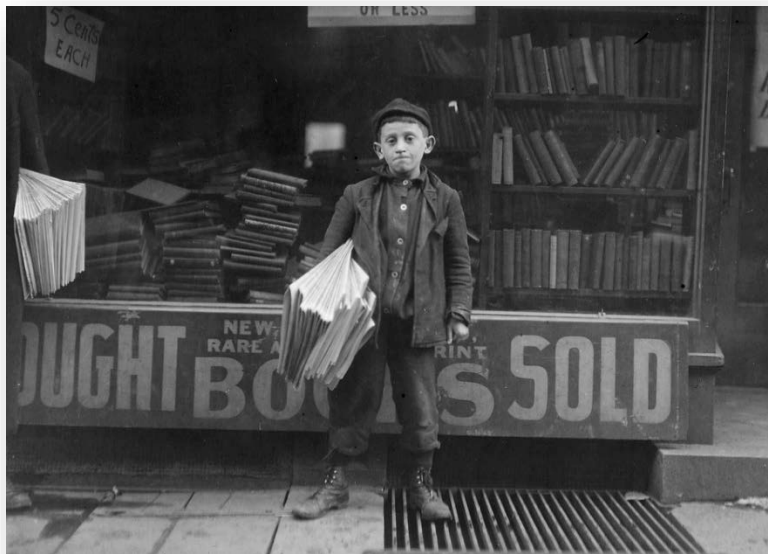
2 CAN WRITERS MAKE THE WORLD A BETTER PLACE?

THE PRINT REVOLUTION

In a time before the Internet, smart phones, television and even radio, paper was the way Americans communicated and found out what was happening in the world. Even very small towns had at least one newspaper, and large cities had dozens. Many newspapers published morning and evening editions and when breaking news happened, news boys in the street could be heard hawking, “Extra! Extra! Read all about it!” as papers put out special editions.

The mail carried magazines, pamphlets, flyers and Americans flocked to newsstands and bookstores. In a time of print, publishing was an enormous business. As Americans streamed into cities from small towns and overseas, **journalists** realized the economic potential. If half of Boston’s citizens would buy a newspaper three times a week, a publisher could become a millionaire.

The **linotype machine**, invented in 1883, allowed for much faster printing of many more papers. The market was there. The technology was there. All that was necessary was a group of entrepreneurs bold enough to seize the opportunity. Anybody with a modest sum to invest could buy a printing press and make newspapers. The result was an American revolution in print.



The modern American newspaper took its familiar form during the Gilded Age. To capitalize on those who valued Sunday leisure time, the Sunday newspaper was expanded and divided into supplements. The subscription of women was courted for the first time by including fashion and beauty tips. For Americans who followed the emerging professional sports scene, a sports page was added.

CÁCH MẠNG IN

Trong thời đại trước Internet, điện thoại thông minh, truyền hình và thậm chí cả đài phát thanh, giấy là cách người Mỹ giao tiếp và tìm hiểu những gì đang xảy ra trên thế giới. Ngay cả những thị trấn rất nhỏ cũng có ít nhất một tờ báo và các thành phố lớn có hàng tá. Nhiều tờ báo xuất bản các ấn bản buổi sáng và buổi tối và khi tin tức nóng hổi xảy ra, những chàng trai tin tức trên đường phố có thể nghe thấy tiếng điều hâu, thêm Extra! Thêm! Đọc tất cả về nó! Một khi các bài báo đưa ra các phiên bản đặc biệt.

Các thư mang tạp chí, tờ rơi, tờ rơi và người Mỹ đổ xô đến các quầy bán báo và nhà sách. Trong thời gian in ấn, xuất bản là một doanh nghiệp lớn. Khi người Mỹ chảy vào các thành phố từ các thị trấn nhỏ và nước ngoài, các nhà báo nhận ra tiềm năng kinh tế. Nếu một nửa số công dân Boston sẽ mua một tờ báo ba lần một tuần, một nhà xuất bản có thể trở thành triệu phú.

Máy linotype, được phát minh vào năm 1883, cho phép in nhanh hơn nhiều giấy tờ hơn. Thị trường đã ở đó. Công nghệ đã ở đó. Tất cả những gì cần thiết là một nhóm các doanh nhân đủ táo bạo để nắm bắt cơ hội. Bất cứ ai có một khoản tiền khiêm tốn để đầu tư đều có thể mua báo in và làm báo. Kết quả là một cuộc cách mạng của Mỹ trong in ấn.

Primary Source: Photograph

One of the many newsboys who hawked newspapers in the cities at the turn of the century. This was a common form of child labor.

Nguồn chính: Ảnh

Một trong số nhiều người bán báo đã đi lang thang trên các tờ báo ở các thành phố vào đầu thế kỷ. Đây là một hình thức phổ biến của lao động trẻ em.

Tờ báo hiện đại của Mỹ có hình thức quen thuộc trong Thời đại mạ vàng. Để tận dụng những người coi trọng thời gian giải trí Chủ nhật, tờ báo Chủ nhật được mở rộng và chia thành các bổ sung. Việc đăng ký của phụ nữ lần đầu tiên được tán tỉnh bằng cách bao gồm các mẹo thời trang và làm đẹp. Đối với những người Mỹ theo dõi môn thể thao chuyên nghiệp mới nổi, một trang thể thao đã được thêm vào.

Dorothea Dix, the pen name of Elizabeth Gilmer, became the nation's first advice columnist for the New Orleans Picayune in 1896. To appeal to those completely disinterested in politics and world events, Charles Dana of the New York Sun invented the **human interest story**. These articles often retold a heart-warming everyday event like it was national news.

THE YELLOW PRESS

Competition for readers was fierce, especially in New York. The two titans of American publishing were Joseph Pulitzer and William Randolph Hearst. These men stopped at nothing to increase their readership. If a news story was too boring, why not twist the facts to make it more interesting? If the truth was too bland, why not spice it up with some innocent fiction? If all else failed, the printer could always increase the size of the headlines to make a story seem more important.

This kind of sensationalism was denounced by veteran members of the press corps. Labeled **Yellow Journalism** by its critics, this practice was prevalent in late-19th century news. At its most harmless, it bent reality to add a little extra excitement to everyday life. At its most dangerous, it fired up public opinion and helped push America into war with Spain.

Nevertheless, as a business strategy, it worked. Pulitzer increased the daily circulation of the Journal from 20,000 to 100,000 in one year. By 1900, it had increased to over a million.

Joseph Pulitzer purchased the New York World in 1883 after making the St. Louis Post-Dispatch the dominant daily in that city. Pulitzer strove to make the New York World an entertaining read, and filled his paper with pictures, games and contests that drew in new readers. Crime stories filled many of the pages, with headlines like "Was He a Suicide?" and "Screaming for Mercy." In addition, Pulitzer charged readers only two cents per issue but gave readers eight and sometimes 12 pages of information. The only other two cent paper in the city never exceeded four pages.

While there were many sensational stories in the New York World, they were by no means the only pieces, or even the dominant ones. Pulitzer believed that newspapers were public institutions with a duty to improve society, and he put the World in the service of social reform.

Just two years after Pulitzer bought it, the World became the highest circulation newspaper in New York. Older publishers, envious of Pulitzer's success, began criticizing the World, harping on its crime stories and stunts while ignoring its more serious reporting. Charles Dana, editor of the New York Sun, attacked The World and said Pulitzer was "deficient in judgment and in staying power."

Pulitzer's approach made an impression on **William Randolph Hearst**, a mining heir in California who acquired the San Francisco Examiner from

Dorothea Dix, bút danh của Elizabeth Gilmer, trở thành chuyên gia tư vấn đầu tiên của quốc gia cho New Orleans Picayune vào năm 1896. Để thu hút những người hoàn toàn không quan tâm đến chính trị và các sự kiện thế giới, Charles Dana của New York Sun đã phát minh ra câu chuyện về con người. Những bài báo này thường kể lại một sự kiện hàng ngày ấm lòng như nó là tin tức quốc gia.

ÁP LỰC VÀNG

Cạnh tranh cho độc giả rất khốc liệt, đặc biệt là ở New York. Hai người khổng lồ của xuất bản Mỹ là Joseph Pulitzer và William Randolph Hearst. Những người đàn ông dừng lại ở không có gì để tăng độc giả của họ. Nếu một câu chuyện tin tức đã quá nhàm chán, tại sao không xoắn các sự kiện để làm cho nó thú vị hơn? Nếu sự thật quá nhạt nhẽo, tại sao bạn không thêm gia vị cho một số tiểu thuyết vô tội? Nếu vẫn thất bại, máy in luôn có thể tăng kích thước của tiêu đề để làm cho câu chuyện có vẻ quan trọng hơn.

Chủ nghĩa giật gân này đã bị các thành viên kỳ cựu của quân đoàn báo chí lên án. Được các nhà phê bình dán nhãn màu vàng, thông lệ này là phổ biến trong các tin tức cuối thế kỷ 19. Ở mức vô hại nhất, nó bẻ cong thực tế để thêm một chút phấn khích cho cuộc sống hàng ngày. Ở mức nguy hiểm nhất, nó đã đốt cháy dư luận và giúp đẩy Mỹ vào cuộc chiến với Tây Ban Nha.

Tuy nhiên, như một chiến lược kinh doanh, nó đã làm việc. Pulitzer tăng số lượng phát hành hàng ngày của Tạp chí từ 20.000 lên 100.000 trong một năm. Đến năm 1900, nó đã tăng lên hơn một triệu.

Joseph Pulitzer đã mua Thế giới New York vào năm 1883 sau khi biến St. Louis Post-Dispatch trở thành thống trị hàng ngày tại thành phố đó. Pulitzer cố gắng biến Thế giới New York thành một tác phẩm giải trí, và lấp đầy bài báo của ông bằng những hình ảnh, trò chơi và cuộc thi thu hút người đọc mới. Những câu chuyện tội phạm tràn ngập nhiều trang, với các tiêu đề như Hồi có phải là tự tử không? Hai tờ giấy khác trong thành phố không bao giờ vượt quá bốn trang.

Mặc dù có nhiều câu chuyện giật gân ở Thế giới New York, nhưng chúng không phải là những tác phẩm duy nhất, hoặc thậm chí là những câu chuyện nổi trội. Pulitzer tin rằng các tờ báo là các tổ chức công cộng có nghĩa vụ cải thiện xã hội, và ông đã đưa Thế giới vào phục vụ cải cách xã hội.

Chỉ hai năm sau khi Pulitzer mua nó, Thế giới đã trở thành tờ báo lưu hành cao nhất ở New York. Các nhà xuất bản cũ, ghen tị với thành công của Pulitzer, bắt đầu chỉ trích Thế giới, nói về những câu chuyện tội phạm và các pha nguy hiểm của nó trong khi bỏ qua báo cáo nghiêm trọng hơn. Charles Dana, biên tập viên của tờ New York Sun, đã tấn công Thế giới và cho biết Pulitzer là người thiếu phán đoán và giữ quyền lực.

Cách tiếp cận Pulitzer xông đã gây ấn tượng với William Randolph Hearst, một người thừa kế khai thác ở California,

2 CAN WRITERS MAKE THE WORLD A BETTER PLACE?

his father in 1887. Hearst read the World while studying at Harvard University and resolved to make the Examiner as bright as Pulitzer's paper.

Under his leadership, the Examiner devoted 24 percent of its space to crime, presenting the stories as morality plays, and sprinkled adultery and risqué illustrations on the front page. A month after Hearst took over the paper, the Examiner ran this story about a hotel fire:

"HUNGRY, FRANTIC FLAMES. They Leap Madly Upon the Splendid Pleasure Palace by the Bay of Monterey, Encircling Del Monte in Their Ravenous Embrace From Pinnacle to Foundation. Leaping Higher, Higher, Higher, With Desperate Desire. Running Madly Riotous Through Cornice, Archway and Facade. Rushing in Upon the Trembling Guests with Savage Fury. Appalled and Panic-Stricken the Breathless Fugitives Gaze Upon the Scene of Terror. The Magnificent Hotel and Its Rich Adornments Now a Smoldering heap of Ashes. The Examiner Sends a Special Train to Monterey to Gather Full Details of the Terrible Disaster. Arrival of the Unfortunate Victims on the Morning's Train — A History of Hotel del Monte — The Plans for Rebuilding the Celebrated Hostelry — Particulars and Supposed Origin of the Fire."

It was classic yellow press style.

Hearst could be hyperbolic in his crime coverage; one of his early pieces, regarding a "band of murderers," attacked the police for forcing Examiner reporters to do their work for them. However, while indulging in these stunts, the Examiner also increased its space for international news, and sent reporters out to uncover municipal corruption and inefficiency.

The work of the reporters and the popularity of newspapers could result in more than just interesting reading. In one well-remembered story, Examiner reporter Winifred Black was admitted into a San Francisco hospital and discovered that indigent women were treated with "gross cruelty." The entire hospital staff was fired the morning the piece appeared.

With the success of the Examiner established by the early 1890s, Hearst began looking for a New York newspaper to purchase, and acquired the New York Journal in 1895, a penny paper which Pulitzer's brother Albert had sold to a Cincinnati publisher the year before.

Metropolitan newspapers started going after department store advertising in the 1890s, and discovered the larger the circulation base, the better. This drove Hearst; following Pulitzer's earlier strategy, he kept the Journal's price at one cent (compared to The World's two cent price) while providing as much information as rival newspapers. The approach worked, and as the Journal's circulation jumped to 150,000, Pulitzer cut his price to a penny, hoping to drive his young competitor into bankruptcy.

người đã mua San Francisco Examiner từ cha mình vào năm 1887. Hearst đọc Thế giới khi học tại Đại học Harvard và quyết tâm làm cho Examiner sáng như tờ giấy Pulitzer.

Dưới sự lãnh đạo của mình, Examiner dành 24 phần trăm không gian cho tội ác, trình bày những câu chuyện như những vở kịch đạo đức, và rắc những hình ảnh ngoại tình và risqué lên trang nhất. Một tháng sau khi Hearst tiếp quản bài báo, Examiner đã thực hiện câu chuyện này về một vụ cháy khách sạn:

Cúc HUNGRY, HOA HỒNG. Họ nhảy điên cuồng trên cung điện khoái lạc tráng lệ bên vịnh Monterey, bao quanh Del Monte trong vòng tay cuồng nhiệt của họ từ đỉnh cao đến nền tảng. Lên cao hơn, cao hơn, cao hơn, với mong muốn tuyệt vọng. Chạy Madly Riotous Through Cornice, Archway và Facade. Lao vào những vị khách run rẩy với cơn giận dữ man rợ. Kinh hoàng và hoảng loạn tấn công những kẻ chạy trốn khó thở Nhìn vào cảnh khủng bố. Khách sạn Magnificent và Trang sức phong phú của nó Bây giờ là một đồng tro tàn âm ỉ. Giám khảo gửi một chuyến tàu đặc biệt đến Monterey để thu thập đầy đủ thông tin chi tiết về thảm họa khủng khiếp. Sự xuất hiện của những nạn nhân không may trên chuyến tàu buổi sáng - Lịch sử của khách sạn del Monte - Kế hoạch xây dựng lại nhà trọ nổi tiếng - Một phần và nguồn gốc của đám cháy.

Đó là phong cách báo chí màu vàng cổ điển.

Hearst có thể là cường điệu trong phạm vi bảo hiểm tội phạm của mình; một trong những tác phẩm đầu tiên của anh ta, liên quan đến một nhóm tội phạm giết người, đã tấn công cảnh sát vì buộc các phóng viên Examiner phải làm việc cho họ. Tuy nhiên, trong khi thường thức những pha nguy hiểm này, Examiner cũng tăng không gian cho tin tức quốc tế, và gửi phóng viên ra để khám phá tham nhũng và không hiệu quả của thành phố.

Công việc của các phóng viên và sự phổ biến của các tờ báo có thể dẫn đến nhiều hơn là chỉ đọc thú vị. Trong một câu chuyện được nhớ đến, phóng viên Examiner Winifred Black đã được đưa vào một bệnh viện ở San Francisco và phát hiện ra rằng những người phụ nữ nghèo khổ được đối xử với sự tàn nhẫn thô bạo.

Với thành công của Examiner được thành lập vào đầu những năm 1890, Hearst bắt đầu tìm kiếm một tờ báo ở New York để mua, và mua Tạp chí New York vào năm 1895, một tờ giấy mà anh trai Pulitzer, Albert đã bán cho một nhà xuất bản ở Cincinnati vào năm trước.

Báo chí Metropolitan bắt đầu đi sau quảng cáo của cửa hàng bách hóa vào những năm 1890, và phát hiện ra cơ sở lưu thông càng lớn thì càng tốt. Điều này đã lái Hearst; Theo chiến lược trước đó của Pulitzer, ông giữ giá Tạp chí ở mức một xu (so với giá Thế giới hai xu) trong khi cung cấp nhiều thông tin như các tờ báo đối thủ. Cách tiếp cận có hiệu quả, và khi lưu hành Tạp chí Tạp chí nhảy vọt lên 150.000, Pulitzer đã giảm giá của mình xuống một xu, với hy vọng đẩy đối thủ cạnh tranh trẻ của mình vào phá sản.

2 CAN WRITERS MAKE THE WORLD A BETTER PLACE?

In a counterattack, Hearst raided the staff of the World in 1896. While most sources say that Hearst simply offered more money, Pulitzer, who had grown increasingly abusive to his employees, had become an extremely difficult man to work for, and many World employees were willing to jump at the chance to get away from him.

Trong một cuộc phản công, Hearst đã đột kích các nhân viên của Thế giới vào năm 1896. Trong khi hầu hết các nguồn tin nói rằng Hearst chỉ đơn giản cung cấp nhiều tiền hơn, Pulitzer, người ngày càng lạm dụng nhân viên của mình, đã trở thành một người cực kỳ khó làm việc và nhiều nhân viên của Thế giới sẵn sàng nhảy vào cơ hội để tránh xa anh ta.

Primary Source: Newspaper

A classic example of the Yellow Press style, featuring bold, sensational headlines.

Nguồn chính: Báo

Một ví dụ kinh điển về phong cách Yellow Press, nổi bật với các tiêu đề táo bạo, giật gân.



Although the competition between the World and the Journal was fierce, the papers were temperamentally alike. Both supported Democrats, both were sympathetic to labor and immigrants and both invested enormous resources in their Sunday publications, which functioned like weekly magazines, going beyond the normal scope of daily journalism.

Their Sunday entertainment features included the first color comic strip pages, and some theorize that the term yellow journalism originated there. Hogan's Alley, a comic strip revolving around a bald child in a yellow nightshirt, nicknamed The Yellow Kid, became exceptionally popular when cartoonist Richard F. Outcault began drawing it in the World in early 1896. When Hearst predictably hired Outcault away, Pulitzer asked artist George Luks to continue the strip with his characters, giving the city two Yellow Kids. The use of yellow journalism as a synonym for over-the-top sensationalism apparently started with more serious newspapers commenting on the excesses of "the Yellow Kid papers."

Mặc dù sự cạnh tranh giữa Thế giới và Tạp chí rất khốc liệt, các bài báo về mặt khí chất giống nhau. Cả hai đều ủng hộ đảng Dân chủ, cả hai đều thông cảm với lao động và người nhập cư và cả hai đã đầu tư nguồn lực khổng lồ vào các ấn phẩm Chủ nhật của họ, có chức năng như các tạp chí hàng tuần, vượt ra ngoài phạm vi báo chí hàng ngày.

Các tính năng giải trí chủ nhật của họ bao gồm các trang truyện tranh màu đầu tiên, và một số giả thuyết cho rằng thuật ngữ báo chí màu vàng bắt nguồn từ đó. Hogan's Alley, một bộ truyện tranh xoay quanh một đứa trẻ đầu trọc trong một chiếc váy ngủ màu vàng, có biệt danh là Cậu bé vàng, trở nên đặc biệt nổi tiếng khi họa sĩ truyện tranh Richard F. Outcault bắt đầu vẽ nó ở Thế giới vào đầu năm 1896. Khi nghe tin rằng ông đã thuê Outcault, George Luks tiếp tục lột xác với các nhân vật của mình, mang đến cho thành phố hai đứa trẻ màu vàng. Việc sử dụng báo chí màu vàng như một từ đồng nghĩa với chủ nghĩa giật gân quá mức rõ ràng đã bắt đầu với những tờ báo nghiêm túc hơn bình luận về sự thừa thãi của các bài báo của Kid the Yellow Kid.

2 CAN WRITERS MAKE THE WORLD A BETTER PLACE?

Perhaps ironically, the **Pulitzer Prize**, which was established by Pulitzer in his will, is awarded every year to recognize outstanding journalism in such categories as Breaking News, Investigative Reporting, and Editorial Cartoons.

MUCKRAKERS

Journalists at the turn of the century were powerful. The print revolution enabled publications to increase their subscriptions dramatically. Writing to Congress in hopes of correcting abuses was slow and rarely produced results. Publishing a series of articles had a much more immediate impact. Collectively called **muckrakers**, a brave cadre of reporters exposed injustices so grave they made the blood of the average American run cold.

The first to strike was **Lincoln Steffens**. In 1902, he published an article in McClure's magazine called "Tweed Days in St. Louis." Steffens exposed how city officials used the city's public tax dollars to make deals with big business in order to maintain power. More articles followed, and soon Steffens published the collection as a book entitled **The Shame of the Cities**. Public outcry from outraged readers led to reform of city government and gave strength to the progressive ideas of a city commission or city manager system.

Ida Tarbell struck next. One month after Lincoln Steffens launched his assault on urban politics, Tarbell began her McClure's series entitled "History of the Standard Oil Company." She outlined and documented the cutthroat business practices behind John Rockefeller's meteoric rise. Tarbell's motives may also have been personal. Her own father had been driven out of business by Rockefeller.

John Spargo's 1906 "The Bitter Cry of the Children" exposed hardships suffered by child laborers, such as these coal miners. "From the cramped position [the boys] have to assume," wrote Spargo, "most of them become more or less deformed and bent-backed like old men..."

Once other publications saw how profitable these exposés had been, they courted muckrakers of their own. In 1905, Thomas Lawson brought the inner workings of the stock market to light in "Frenzied Finance." John Spargo unearthed the horrors of child labor in "The Bitter Cry of the Children" in 1906. That same year, David Phillips linked 75 senators to big business interests in "The Treason of the Senate." In 1907, William Hard went public with industrial accidents in the steel industry in the blistering "Making Steel and Killing Men." Ray Stannard Baker revealed the oppression of Southern blacks in "Following the Color Line" in 1908.

Có lẽ trở trêu thay, Giải thưởng Pulitzer, được thành lập bởi Pulitzer theo ý muốn của ông, được trao hàng năm để công nhận báo chí xuất sắc trong các thể loại như Tin tức mới nhất, Báo cáo điều tra và Phim hoạt hình biên tập.

MucksRAKERS

Các nhà báo ở đầu thế kỷ đã mạnh mẽ. Cuộc cách mạng in ấn cho phép các ấn phẩm tăng số lượng đăng ký của họ đáng kể. Viết thư cho Quốc hội với hy vọng sửa chữa các hành vi lạm dụng là chậm và hiếm khi tạo ra kết quả. Xuất bản một loạt các bài báo có tác động ngay lập tức hơn nhiều. Gọi chung là muckrakers, một cán bộ phóng viên dũng cảm vạch trần những bất công nên nghiêm trọng đến nỗi họ khiến máu của người Mỹ trung bình trở nên lạnh lẽo.

Người đầu tiên đình công là Lincoln Steffens. Năm 1902, ông đã xuất bản một bài báo trên tạp chí McClure, có tên là Tw Tweed Days ở St. Louis. Steffens đã tiết lộ cách các quan chức thành phố sử dụng đô la thuế công cộng của thành phố để thực hiện các giao dịch với doanh nghiệp lớn nhằm duy trì quyền lực. Nhiều bài báo tiếp theo, và ngay sau đó Steffens đã xuất bản bộ sưu tập dưới dạng một cuốn sách có tựa đề Sự xấu hổ của các thành phố. Sự phản đối của công chúng từ những độc giả bị xúc phạm đã dẫn đến cải cách chính quyền thành phố và tiếp thêm sức mạnh cho những ý tưởng tiến bộ của một ủy ban thành phố hoặc hệ thống quản lý thành phố.

Ida Tarbell đánh tiếp. Một tháng sau khi Lincoln Steffens phát động cuộc tấn công của mình vào chính trị đô thị, Tarbell bắt đầu loạt bài McClure của mình mang tên Lịch sử của Công ty Dầu tiêu chuẩn. Cô đã phanh thảo và ghi lại các hoạt động kinh doanh khốc liệt đằng sau sự gia tăng thiên thạch của John Rockefeller. Động cơ Tarbell xông cũng có thể là cá nhân. Cha của cô đã bị Rockefeller đuổi ra khỏi doanh nghiệp.

John Spargo, 1906, Tiếng khóc cay đắng của trẻ em, đã phải đối mặt với những khó khăn của những người lao động trẻ em, chẳng hạn như những người khai thác than. Từ vị trí chật chội [các chàng trai] phải đảm nhận, ông đã viết Spargo, hầu hết trong số họ trở nên ít nhiều bị biến dạng và bị bẻ cong như những người đàn ông cũ

Một khi các ấn phẩm khác thấy được những lợi nhuận này đã mang lại lợi nhuận như thế nào, họ đã tán tỉnh những kẻ nhạo báng của chính họ. Năm 1905, Thomas Lawson đã đưa hoạt động nội bộ của thị trường chứng khoán ra ánh sáng trong Tài chính điên cuồng. John John Spargo đã khai quật được nỗi kinh hoàng của lao động trẻ em ở The Bitter Cry of the Children, năm 1906. Cùng năm đó, David Phillips đã liên kết 75 thượng nghị sĩ Đối với các mối quan tâm kinh doanh lớn ở Hội giáo Sự phản bội của Thượng viện. Năm 1907, William Hard đã công khai với các vụ tai nạn công nghiệp trong ngành thép trong vụ nổ rách thép Making Making and Killing Men. Sau đó, Ray Ray Stannard Baker tiết lộ sự áp bức của người da đen phương Nam Dòng màu năm 1908.



Primary Source: Photograph

One of the many photographs taken by Jacob Riis in the slums of New York City. Photographs like this one of three homeless boys helped foster sympathy among middle and upper class Americans and foster the progressive agenda to address the problems faced by the urban poor.

Nguồn chính: Ảnh

Một trong nhiều bức ảnh được Jacob Riis chụp tại khu ổ chuột của thành phố New York. Những bức ảnh như thế này là một trong ba cậu bé vô gia cư đã giúp thúc đẩy sự cảm thông giữa những người Mỹ thuộc tầng lớp trung lưu và thượng lưu và thúc đẩy chương trình nghị sự tiến bộ để giải quyết các vấn đề mà người nghèo thành thị phải đối mặt.

Jacob Riis was a Danish immigrant who moved to New York, and after experiencing poverty and joblessness first-hand, ultimately built a career as a police reporter. In the course of his work, he spent much of his time in the slums and tenements of New York's working poor. Appalled by what he found there, Riis began documenting these scenes of squalor and sharing them through lectures and ultimately through the publication of his book, **How the Other Half Lives**, in 1890.

By most contemporary accounts, Riis was an effective storyteller, using drama and racial stereotypes to tell his stories of the ethnic slums he encountered. While his racial thinking was very much a product of his time, he was also a reformer. He felt strongly that upper and middle-class Americans could and should care about the living conditions of the poor. In his book and lectures, he argued against the immoral landlords and useless laws that allowed dangerous living conditions and high rents. He also suggested remodeling existing tenements or building new ones. While other reporters and activists had already brought the issue into the public eye, Riis's photographs added a new element to the story.

Perhaps no muckraker caused as great a stir as **Upton Sinclair**. An avowed Socialist, Sinclair hoped to illustrate the horrible effects of capitalism on workers in the Chicago meatpacking industry. His bone-chilling account, **The Jungle**, detailed workers sacrificing their fingers and nails by working with acid, losing limbs, catching diseases, and toiling long hours in cold, cramped conditions. He hoped the public outcry would be so fierce that reforms would soon follow.

Jacob Riis là một người nhập cư Đan Mạch đã chuyển đến New York, và sau khi trải qua nghèo đói và thất nghiệp, cuối cùng đã xây dựng một sự nghiệp như một phóng viên cảnh sát. Trong quá trình làm việc, anh dành phần lớn thời gian trong khu ổ chuột và khu nhà ở New York, làm việc rất kém. Kinh hoàng trước những gì anh tìm thấy ở đó, Riis bắt đầu ghi lại những cảnh này và chia sẻ chúng qua các bài giảng và cuối cùng thông qua việc xuất bản cuốn sách của anh, *How the Other Half Lives*, vào năm 1890.

Theo hầu hết các tài khoản đương thời, Riis là một người kể chuyện hiệu quả, sử dụng kịch tính và định kiến chủng tộc để kể những câu chuyện về khu ổ chuột dân tộc mà anh gặp phải. Trong khi tư duy chủng tộc của anh ta rất giống một sản phẩm của thời đại anh ta, anh ta cũng là một nhà cải cách. Ông cảm thấy mạnh mẽ rằng người Mỹ thuộc tầng lớp trung lưu và thượng lưu có thể và nên quan tâm đến điều kiện sống của người nghèo. Trong cuốn sách và bài giảng của mình, ông đã lập luận chống lại chủ nhà vô đạo đức và những luật lệ vô dụng cho phép điều kiện sống nguy hiểm và giá thuê cao. Ông cũng đề nghị tu sửa các khu nhà hiện có hoặc xây dựng những khu mới. Trong khi các phóng viên và nhà hoạt động khác đã đưa vấn đề ra mắt công chúng, các bức ảnh của Riis, đã thêm một yếu tố mới vào câu chuyện.

Có lẽ không có muckraker nào gây ra sự khuấy động lớn như Upton Sinclair. Một nhà xã hội chủ nghĩa được thừa nhận, Sinclair hy vọng sẽ minh họa những tác động khủng khiếp của chủ nghĩa tư bản đối với những người lao động trong ngành công nghiệp đóng gói thịt ở Chicago. Tài khoản lạnh thấu xương của anh ta, *The Jungle*, công nhân chi tiết hy sinh ngón tay và móng tay của họ bằng cách làm việc với axit, mất chân tay, mắc bệnh và làm việc nhiều giờ trong điều kiện lạnh lẽo, chật chội. Ông hy vọng sự phản đối của công chúng sẽ rất quyết liệt để những cải cách sẽ sớm theo sau.

2 CAN WRITERS MAKE THE WORLD A BETTER PLACE?

The clamor that rang throughout America was not, however, a response to the workers' plight. Sinclair also uncovered the contents of the products being sold to the general public. Spoiled meat was covered with chemicals to hide the smell. Skin, hair, stomach, ears, and nose were ground up and packaged as head cheese. Rats climbed over warehouse meat, leaving piles of excrement behind.

Sinclair said that he aimed for America's heart and instead hit its stomach. Even President Roosevelt, who had coined the derisive term *muckraker*, was propelled to act. Within months, Congress passed the **Pure Food and Drug Act** and the **Meat Inspection Act** to curb these sickening abuses. Today, the **Food and Drug Administration** within the Department of Health and Human Services is responsible for monitoring the nation's food and pharmaceutical supply in order to prevent the problems Sinclair so grotesquely chronicled.

MAGAZINES

Along with newspapers and books, magazines provided Americans with news, information and commentary.

The weekly magazine **Puck** was founded by Joseph Keppler in St. Louis. It began publishing English and German language editions in March 1871. Five years later, the German edition of Puck moved to New York City, where the first magazine was published in 1876. The English language edition soon followed. The English language magazine continued in operation for more than 40 years under several owners and editors. A typical 32-page issue contained a full-color political cartoon on the front cover and a color non-political cartoon or comic strip on the back cover. There was always a double-page color centerfold, usually on a political topic. Each issue also included numerous black-and-white cartoons used to illustrate humorous anecdotes. A page of editorials commented on the issues of the day, and the last few pages were devoted to advertisements.

Founded by S. S. McClure and John Sanborn Phillips in 1893, **McClure's** magazine featured both political and literary content, publishing serialized novels-in-progress, a chapter at a time. In this way, McClure's published such writers as Willa Cather, Arthur Conan Doyle, Herminie T. Kavanagh, Rudyard Kipling, Jack London, Lincoln Steffens, Robert Louis Stevenson, and Mark Twain. McClure's published Ida Tarbell's series in 1902 exposing the monopoly abuses of John D. Rockefeller's Standard Oil Company, and Ray Stannard Baker's earlier look at the United States Steel Corporations. From January 1907 to June 1908, McClure's published the first detailed history of Christian Science and the story of its founder, Mary Baker Eddy.

Collier's was another magazine of the time that featured both muckraking journalism and outstanding literary content. In May 1906, the editors commissioned Jack London to cover the San Francisco earthquake, a report accompanied by 16 pages of pictures. Collier's published the work of investigative journalists such as Samuel Hopkins

Tuy nhiên, tiếng kêu vang khắp nước Mỹ không phải là một phản ứng với hoàn cảnh của người lao động. Sinclair cũng phát hiện ra nội dung của các sản phẩm được bán cho công chúng. Thịt hư được phủ hóa chất để che giấu mùi hôi. Da, tóc, dạ dày, tai và mũi đã được nghiền nát và đóng gói như pho mai đầu. Chuột trèo qua kho thịt, để lại đống phân phía sau.

Sinclair nói rằng anh ta nhắm vào trái tim của Mỹ và thay vào đó là đánh vào bụng của nó. Ngay cả Tổng thống Roosevelt, người đã đặt ra thuật ngữ *muckraker* nhạo báng, đã bị buộc phải hành động. Trong vài tháng, Quốc hội đã thông qua Đạo luật về Thực phẩm và Dược phẩm Nguyên chất và Đạo luật Thanh tra Thịt để hạn chế những lạm dụng gây bệnh này. Hôm nay, Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm thuộc Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh chịu trách nhiệm theo dõi việc cung cấp thực phẩm và dược phẩm của quốc gia nhằm ngăn chặn các vấn đề mà Sinclair ghi chép một cách kỹ cục.

TẠP CHÍ

Cùng với báo và sách, tạp chí cung cấp cho người Mỹ tin tức, thông tin và bình luận.

Tạp chí hàng tuần Puck được thành lập bởi Joseph Keppler tại St. Louis. Nó bắt đầu xuất bản các phiên bản tiếng Anh và tiếng Đức vào tháng 3 năm 1871. Năm năm sau, phiên bản tiếng Đức của Puck chuyển đến thành phố New York, nơi tạp chí đầu tiên được xuất bản vào năm 1876. Phiên bản tiếng Anh đã sớm xuất hiện. Tạp chí tiếng Anh tiếp tục hoạt động trong hơn 40 năm dưới một số chủ sở hữu và biên tập viên. Một vấn đề 32 trang điển hình có một phim hoạt hình chính trị đầy màu sắc ở bìa trước và một phim hoạt hình phi chính trị màu hoặc dài truyện tranh ở bìa sau. Luôn luôn có một trung tâm màu hai trang, thường là về một chủ đề chính trị. Mỗi vấn đề cũng bao gồm nhiều phim hoạt hình đen trắng được sử dụng để minh họa cho những giai thoại hài hước. Một trang của các bài xã luận đã bình luận về các vấn đề trong ngày, và một vài trang cuối được dành cho quảng cáo.

Được thành lập bởi S. S. McClure và John Sanborn Phillips vào năm 1893, tạp chí McClure, có cả nội dung chính trị và văn học, xuất bản các cuốn tiểu thuyết đang thực hiện, từng chương một. Bằng cách này, McClure, đã xuất bản các nhà văn như Willa Cather, Arthur Conan Doyle, Herminie T. Kavanagh, Rudyard Kipling, Jack London, Lincoln Steffens, Robert Louis Stevenson và Mark Twain. McClure đã xuất bản sê-ri Ida Tarbell vào năm 1902 phơi bày sự lạm dụng độc quyền của Công ty Dầu Tiêu chuẩn John D. Rockefeller, và Ray Stannard Baker, trước đó nhìn vào Tập đoàn Thép Hoa Kỳ. Từ tháng 1 năm 1907 đến tháng 6 năm 1908, McClure đã xuất bản lịch sử chi tiết đầu tiên của Christian Science và câu chuyện về người sáng lập của nó, Mary Baker Eddy.

Collier cảm là một tạp chí khác của thời đại có cả báo chí muckraking và nội dung văn học xuất sắc. Vào tháng 5 năm 1906, các biên tập viên đã ủy quyền cho Jack London bao quát trận động đất ở San Francisco, một báo cáo kèm theo 16 trang hình ảnh. Collier đã xuất bản tác phẩm của các nhà báo điều tra như Samuel Hopkins Adams, Ray Stannard Baker, C.P. Connolly, Upton Sinclair và Ida Tarbell. Công việc của các nhà

2 CAN WRITERS MAKE THE WORLD A BETTER PLACE?

Adams, Ray Stannard Baker, C.P. Connolly, Upton Sinclair and Ida Tarbell. The work of the writers and editors at Collier's helped pass reform of child labor laws, slum clearance, food safety and women's suffrage. Starting October 7, 1905, Collier's startled readers with "The Great American Fraud," analyzing the contents of popular patent medicines. The author, Samuel Hopkins Adams, pointed out that the companies producing many of the nation's medicines were making false claims about their products and some were health hazards.

văn và biên tập viên tại Collier, đã giúp vượt qua cải cách luật lao động trẻ em, giải phóng mặt bằng khu ổ chuột, an toàn thực phẩm và quyền bầu cử của phụ nữ. Bắt đầu từ ngày 7 tháng 10 năm 1905, Collier đã khiến độc giả giật mình với Trò lừa đảo vĩ đại của Mỹ, Hồi phân tích nội dung của các loại thuốc sáng chế phổ biến. Tác giả, Samuel Hopkins Adams, đã chỉ ra rằng các công ty sản xuất nhiều loại thuốc trên toàn quốc đang đưa ra tuyên bố sai về sản phẩm của họ và một số là mối nguy hại cho sức khỏe.

Primary Source: Magazine Cover

The Saturday Evening Post was known for featuring illustrated covers highlighting everyday life.

Nguồn chính: Bìa tạp chí

The Saturday evening Post được biết đến với các trang bìa minh họa làm nổi bật cuộc sống hàng ngày.



The Saturday Evening Post was founded in 1821 and grew to become the most widely circulated weekly magazine in America. Like its competitors, the magazine published current event articles, editorials, human interest pieces, humor, illustrations, a letter column, poetry and stories by the leading writers of the time. It was known for commissioning lavish illustrations and original works of fiction.

The Saturday evening Post được thành lập vào năm 1821 và phát triển để trở thành tạp chí hàng tuần được lưu hành rộng rãi nhất ở Mỹ. Giống như các đối thủ cạnh tranh, tạp chí đã xuất bản các bài báo sự kiện hiện tại, các bài xã luận, các tác phẩm về con người, sự hài hước, minh họa, một cột thư, thơ và các câu chuyện của các nhà văn hàng đầu thời đó. Nó được biết đến với việc đưa vào hoạt hình minh họa xa hoa và các tác phẩm hư cấu nguyên bản. Minh họa đã được đặc trưng

2 CAN WRITERS MAKE THE WORLD A BETTER PLACE?

Illustrations were featured on the cover and embedded in stories and advertising. Some Post illustrations became popular and continue to be reproduced as posters or prints, especially those by Norman Rockwell. The Post published stories and essays by Ray Bradbury, Agatha Christie, William Faulkner, F. Scott Fitzgerald, Vonnegut, Louis L'Amour, Sinclair Lewis, Edgar Allan Poe, and John Steinbeck. It also published poetry by such noted poets as Carl Sandburg, Ogden Nash, Dorothy Parker and Hannah Kahn. Jack London's best-known novel *The Call of the Wild* was first published, in serialized form, in the *Saturday Evening Post* in 1903.

Weekly magazines such as *Puck*, *McClures*, *Collier's* and *The Saturday Evening Post* flourished at the turn of the century, and for nearly half a century. It was not until the 1950s when they lost popularity as Americans turned to a new form of entertainment: television.

CONCLUSION

The printed word in the Gilded Age captured the imagination of America. Sometimes it made us cry, or laugh, or become outraged. But whatever the effect, the editors, illustrators, investigators, and authors of the Gilded Age made a difference. They brought down corrupt politicians and exposed crooked businessmen. They gave us some of America's great literature.

On the other hand, incendiary headlines fanned war-fever and exaggerated truths in the pursuit of profits.

What do you think? Can writers make the world a better place?

trên trang bìa và được nhúng trong các câu chuyện và quảng cáo. Một số hình minh họa Post trở nên phổ biến và tiếp tục được sao chép dưới dạng áp phích hoặc bản in, đặc biệt là những bức tranh của Norman Rockwell. The Post đã xuất bản những câu chuyện và bài tiểu luận của Ray Bradbury, Agatha Christie, William Faulkner, F. Scott Fitzgerald, Vonnegut, Louis L'mour, Sinclair Lewis, Edgar Allan Poe và John Steinbeck. Nó cũng xuất bản thơ của các nhà thơ nổi tiếng như Carl Sandburg, Ogden Nash, Dorothy Parker và Hannah Kahn. Cuốn tiểu thuyết nổi tiếng nhất của Jack London *The Call of the Wild* được xuất bản lần đầu tiên, dưới dạng nổi tiếp, trên tờ *Saturday Saturday Post* năm 1903.

Các tạp chí hàng tuần như *Puck*, *McClures*, *Collier* từ và *The Saturday evening Post* phát triển mạnh vào đầu thế kỷ, và trong gần nửa thế kỷ. Mãi đến những năm 1950, họ mới mất đi sự nổi tiếng khi người Mỹ chuyển sang một hình thức giải trí mới: truyền hình.

PHẦN KẾT LUẬN

Chữ in trong Thời đại Gilded chiếm được trí tưởng tượng của nước Mỹ. Đôi khi nó làm chúng tôi khóc, hoặc cười, hoặc trở nên tức giận. Nhưng cho dù hiệu ứng là gì, các biên tập viên, họa sĩ minh họa, nhà điều tra và tác giả của Thời đại mạ vàng đã tạo ra sự khác biệt. Họ hạ bệ các chính trị gia tham nhũng và vạch trần các doanh nhân quanh co. Họ đã cho chúng tôi một số tài liệu tuyệt vời của Mỹ.

Mặt khác, các tiêu đề gây cháy nổ đã xua tan cơn sốt chiến tranh và những sự thật phóng đại trong việc theo đuổi lợi nhuận.

Bạn nghĩ sao? Các nhà văn có thể làm cho thế giới tốt đẹp hơn?

2 CAN WRITERS MAKE THE WORLD A BETTER PLACE?

SUMMARY

The beginning of the 1900s was a time of growth in the print industry. Before the Internet, radio or television, most people got their news from newspapers, and even small cities had multiple newspapers that were printed twice a day. Two great publishers, Pulitzer and Hearst competed for subscribers and developed a style of sensational journalism that exaggerated the truth and used flashy headlines to catch potential readers' attention. Called Yellow Journalism, it was both good and bad.

The Yellow Journalists loved publishing stories that exposed wrongdoing by politicians and business leaders. These muckrakers did America a great service by showing the wrongs of city life, the meat packing industry, robber baron practices, and government corruption. Some of their work led directly to changes in laws that made American better. The best-known example is the connection between Upton Sinclair's *The Jungle* and the passage of the Meat Inspection and Pure Food and Drug Acts.

This was a time period of growth in magazines as well. Weekly publications such as *Puck*, *McLure's*, *Collier's*, and the *Saturday Evening Post* grew in popularity and remained a staple of American life until after World War II when television replaced reading as a favored pastime.

TÓM LƯỢC

Đầu những năm 1900 là thời điểm phát triển của ngành in. Trước Internet, đài phát thanh hoặc truyền hình, hầu hết mọi người đều nhận được tin tức từ các tờ báo và ngay cả các thành phố nhỏ cũng có nhiều tờ báo được in hai lần một ngày. Hai nhà xuất bản lớn, Pulitzer và Hearst đã cạnh tranh cho các thuê bao và phát triển một phong cách báo chí giật gân, phóng đại sự thật và sử dụng các tiêu đề hào nhoáng để thu hút sự chú ý của độc giả. Được gọi là Báo vàng, nó vừa tốt vừa xấu.

Các nhà báo Vàng thích xuất bản những câu chuyện phơi bày những hành động sai trái của các chính trị gia và lãnh đạo doanh nghiệp. Những người muckrakers này đã làm cho Mỹ một dịch vụ tuyệt vời bằng cách cho thấy những sai trái của cuộc sống thành phố, ngành công nghiệp đóng gói thịt, thực hành cướp baron và tham nhũng của chính phủ. Một số công việc của họ dẫn trực tiếp đến những thay đổi trong luật làm cho người Mỹ tốt hơn. Ví dụ nổi tiếng nhất là mối liên hệ giữa Upton Sinclair Từ *The Jungle* và việc thông qua Thanh tra Thịt và Thực phẩm Nguyên chất và Ma túy.

Đây là một khoảng thời gian tăng trưởng trong các tạp chí là tốt. Các ấn phẩm hàng tuần như *Puck*, *McLure*, *Collier*, và *Saturday Saturday Post* đã trở nên phổ biến và vẫn là một yếu tố chính của cuộc sống Mỹ cho đến sau Thế chiến II khi truyền hình thay thế việc đọc như một trò tiêu khiển ưa thích.



KEY CONCEPTS

Human Interest Story: A type of news story that focused on emotional stories rather than breaking news.

Yellow Journalism: A style of newspaper writing pioneered by Joseph Pulitzer and William Randolph Hearst at the turn of the century featuring bold headlines, images and sensational stories designed to capture readers' attention and sell papers. This style is generally credited with inflaming public opinion in the lead up to the Spanish-American War.

Pulitzer Prize: An annual award for excellence in journalism, ironically named after one of the trade's most notorious promoters of the yellow press.



BOOKS & MAGAZINES

The Shame of the Cities: Lincoln Steffens' book about corruption in major American cities at the turn of the century.

How the Other Half Lives: Jacob Riis's book of photographs about life in city slums at the turn of the century.

The Jungle: Upton Sinclair's book about working and sanitary conditions in meat packing plants in Chicago at the turn of the century.

Puck: Weekly magazine popular at the turn of the century. It was originally published in St. Louis in German.

McClure's: Weekly magazine popular at the turn of the century that featured literature by famous authors and ran the work of muckrakers including Ida Tarbell's expose of Standard Oil.

Collier's: Weekly magazine popular at the turn of the century. It ran numerous stories by muckrakers including The Great American Fraud which exposed abuses in the pharmaceutical industry.

The Saturday Evening Post: Weekly magazine popular at the turn of the century and well into the 1950s. It featured paintings on the cover depicting scenes of daily life, most notably by the artist Norman Rockwell.



PEOPLE AND GROUPS

Journalist: A person who researches, interviews and then writes stories for newspapers, magazines, radio, television, or online publications.

Dorothea Dix: Turn of the century social reformer and journalist. She invented the advice column for newspapers.

Joseph Pulitzer: American newspaper publisher who helped pioneer the style of yellow journalism. His primary rival was William Randolph Hearst.

William Randolph Hearst: American newspaper publisher who helped pioneer the style of yellow journalism. His primary rival was Joseph Pulitzer.

Muckraker: A journalist at the turn of the century who research and published stories and books uncovering political or business scandal. The term was coined by President Theodore Roosevelt.

Lincoln Steffens: Muckraker and author of The Shame of the Cities about corruption in city governments.

Ida Tarbell: Muckraker and author of a tell-all book about John D. Rockefeller and the rise of Standard Oil.

Jacob Riis: Muckraker, photographer and author of the book How the Other Half Lives about the life in city slums.

Nellie Bly: Muckraker who wrote about corruption in New York government and business and traveled around the world in 72 days.

Upton Sinclair: Muckraker and author of The Jungle about working and sanitary conditions in meat packing plants in Chicago at the turn of the century.



GOVERNMENT AGENCIES

Food and Drug Administration: Organization in the federal government charged with monitoring the food and pharmaceutical industries.



TECHNOLOGY

Linotype Machine: An 1883 invention that allowed for fast printing of newspapers. It helped lead to a boom in newspaper publishing at the turn of the century.



LAWS

Pure Food and Drug Act: Law passed in 1906 providing public inspection of food and pharmaceutical production. It was inspired in part by Upton Sinclair's book The Jungle.

Meat Inspection Act: Law passed in 1906 providing regulation of the meat industry. It was inspired in part by Upton Sinclair's book The Jungle.

3

T H I R D Q U E S T I O N W H A T D O E S I T M E A N T O B E P R O G R E S S I V E ?

I S T H E
**AMERICAN
D R E A M**
ACHIEVABLE?

INTRODUCTION

As you probably have already come to understand, the Gilded Age was a time of extremes. On one hand, there were some Americans who through their ingenuity and determination, and probably a fair amount of luck, became fabulously rich. On the other hand, there were so many more who struggled everyday to earn enough to feed their families. Americans were farmers, but were quickly becoming city dwellers.

Amid all this change, reformers worked to improve the lives of those around them. Like the muckrakers, or the Progressive Presidents, many everyday Americans worked in thousands of small ways to make America a better place.

Some worked to improve the lives of farmers, or laborers, or children, or immigrants. Some wanted political change. Others just wanted to help a fellow citizens find a job.

The people who worked to make that change were known as the Progressives. What do you think? What does it mean to be progressive?

GIỚI THIỆU

Như bạn có thể đã hiểu, Thời đại mạ vàng là thời kỳ cực đoan. Một mặt, có một số người Mỹ thông qua sự khéo léo và quyết tâm của họ, và có lẽ là một số lượng lớn may mắn, đã trở nên giàu có một cách tuyệt vời. Mặt khác, có rất nhiều người phải vật lộn hàng ngày để kiếm đủ tiền nuôi sống gia đình. Người Mỹ là nông dân, nhưng đã nhanh chóng trở thành cư dân thành phố.

Trong tất cả những thay đổi này, các nhà cải cách đã làm việc để cải thiện cuộc sống của những người xung quanh. Giống như những người muckrakers, hay Chủ tịch tiến bộ, nhiều người Mỹ hàng ngày đã làm việc theo hàng ngàn cách nhỏ để biến nước Mỹ thành một nơi tốt đẹp hơn.

Một số làm việc để cải thiện cuộc sống của nông dân, hoặc người lao động, hoặc trẻ em hoặc người nhập cư. Một số muốn thay đổi chính trị. Những người khác chỉ muốn giúp đỡ một công dân tìm việc làm.

Những người đã làm việc để tạo ra sự thay đổi đó được gọi là những người cấp tiến. Bạn nghĩ sao? Nó có nghĩa là gì để tiến bộ?

3 WHAT DOES IT MEAN TO BE PROGRESSIVE?

THE POPULISTS

Like the oppressed laboring classes of the East, it was only a matter of time before Western farmers would attempt to use their numbers to effect positive change. In 1867, the first such national organization was formed. Led by Oliver Kelley, the **Patrons of Husbandry**, also known as the **Grange**, organized to address the social isolation of farm life. Like other secret societies, such as the Masons, Grangers had local chapters with secret passwords and rituals.

The local Grange sponsored dances and gatherings to attack the doldrums of daily life. It was only natural that politics and economics were discussed in these settings, and the Grangers soon realized that their individual problems were common.

Identifying the railroads as the chief villains, Grangers lobbied state legislatures for regulation of the industry. By 1874, several states passed the Granger laws, establishing maximum shipping rates. Grangers also pooled their resources to buy grain elevators of their own so that members could enjoy a break on grain storage.

Farmers' alliances went a step further. Beginning in 1889, Northern and Southern Farmers' Alliances championed the same issues as the Grangers, but also entered the political arena. Members of these alliances won seats in state legislatures across the Great Plains to strengthen the agrarian voice in politics.

What did all the farmers seem to have in common? The answer was simple: debt. Looking for solutions to this condition, farmers began to attack the nation's monetary system. As of 1873, Congress declared that all federal money must be backed by gold. This limited the nation's money supply and benefited the wealthy.

The farmers wanted to create inflation. Inflation actually helps debtors. The economics are simple. If a farmer owes \$3,000 and can earn \$1 for every bushel of wheat sold at harvest, he needs to sell 3,000 bushels to pay off the debt. If inflation could push the price of a bushel of wheat up to \$3, he needs to sell only 1,000 bushels. Of course, inflation is bad for the bankers who made the loans.

To create inflation, farmers suggested that the money supply be expanded to include dollars not backed by gold. First, farmers attempted was to encourage Congress to print Greenback Dollars like the ones issued during the Civil War. Since the greenbacks were not backed by gold, more dollars could be printed, creating an inflationary effect.

The Greenback Party and the Greenback-Labor Party each ran candidates for President in 1876, 1880, and 1884 under this platform.

Dân trí

Giống như các tầng lớp lao động bị áp bức ở phương Đông, vấn đề chỉ là thời gian trước khi nông dân phương Tây cố gắng sử dụng số lượng của họ để tạo ra sự thay đổi tích cực. Năm 1867, tổ chức quốc gia đầu tiên như vậy được thành lập. Dẫn đầu bởi Oliver Kelley, những người bảo trợ chăn nuôi, còn được gọi là Grange, được tổ chức để giải quyết sự cô lập xã hội của cuộc sống nông trại. Giống như các xã hội bí mật khác, như Masons, Grangers có các chương địa phương với mật khẩu và nghi lễ bí mật.

Grange địa phương đã tài trợ cho các điệu nhảy và các cuộc tụ họp để tấn công sự ảm đạm của cuộc sống hàng ngày. Chỉ có điều tự nhiên là chính trị và kinh tế đã được thảo luận trong các thiết lập này và Grangers sớm nhận ra rằng các vấn đề cá nhân của họ là phổ biến.

Xác định các tuyến đường sắt là nhân vật phản diện chính, Grangers vận động các cơ quan lập pháp nhà nước để điều chỉnh ngành công nghiệp. Đến năm 1874, một số bang đã thông qua luật Granger, thiết lập mức giá vận chuyển tối đa. Grangers cũng gom tài nguyên của họ để mua thang máy hạt của riêng họ để các thành viên có thể tận hưởng thời gian nghỉ ngơi trong việc lưu trữ ngũ cốc.

Các liên minh nông dân đã tiến thêm một bước. Bắt đầu từ năm 1889, Nông dân miền Bắc và miền Nam Đồng minh đã đấu tranh với các vấn đề tương tự như Người lạ, nhưng cũng tham gia vào lĩnh vực chính trị. Các thành viên của các liên minh này đã giành được ghế trong các cơ quan lập pháp nhà nước trên khắp Đại Bình nguyên để tăng cường tiếng nói công nông trong chính trị.

Tất cả những người nông dân dường như có điểm gì chung? Câu trả lời rất đơn giản: nợ. Tìm kiếm giải pháp cho tình trạng này, nông dân bắt đầu tấn công hệ thống tiền tệ quốc gia. Kể từ năm 1873, Quốc hội tuyên bố rằng tất cả tiền liên bang phải được hỗ trợ bằng vàng. Điều này đã hạn chế nguồn cung tiền quốc gia và mang lại lợi ích cho những người giàu có.

Nông dân muốn tạo ra lạm phát. Lạm phát thực sự giúp các con nợ. Kinh tế rất đơn giản. Nếu một nông dân nợ 3.000 đô la và có thể kiếm được 1 đô la cho mỗi gia lúa mì được bán khi thu hoạch, anh ta cần bán 3.000 gia để trả nợ. Nếu lạm phát có thể đẩy giá một gia lúa mì lên tới 3 đô la, anh ta chỉ cần bán 1.000 gia. Tất nhiên, lạm phát là xấu cho các ngân hàng thực hiện các khoản vay.

Để tạo ra lạm phát, nông dân đề nghị cung tiền được mở rộng để bao gồm đô la không được hỗ trợ bởi vàng. Đầu tiên, nông dân đã cố gắng khuyến khích Quốc hội in Đô la Greenback giống như những gì được ban hành trong Nội chiến. Vì đồng bạc xanh không được hỗ trợ bởi vàng, nên có thể in thêm đô la, tạo ra hiệu ứng lạm phát.

Đảng Greenback và Đảng Lao động Greenback từng điều hành các ứng cử viên cho Tổng thống vào năm 1876, 1880 và 1884 trong nền tảng này. Không có ứng cử viên nào có thể tập hợp

3 WHAT DOES IT MEAN TO BE PROGRESSIVE?

No candidate was able to muster national support for the idea, and farmers turned to another strategy.

Inflation could also be created by printing money that was backed by silver as well as gold. This idea was more popular because people were more confident in their money if they knew it was backed by a precious metal. Also, America had coined money backed by silver until 1873.

Out of the ashes of the Greenback-Labor Party grew the **Populist Party**. In addition to demanding the **free coinage of silver**, the Populists called for a host of other reforms. They demanded a **graduated income tax**, whereby individuals earning a higher income paid a higher percentage in taxes.

They wanted Constitutional reforms as well. Up until this point, Senators were still not elected by the people directly. They were chosen by state legislatures. The Populists demanded a constitutional amendment allowing for the direct election of Senators.

They demanded democratic reforms such as the **initiative**, where citizens could directly introduce debate on a topic in the legislatures. The **referendum** would allow citizens, rather than their representatives, to vote a proposed law. **Recall** would allow the people to end an elected official's term before it expired. They also called for the secret ballot and a one-term limit for the president.

In 1892, the Populists ran James Weaver for president on this ambitious platform. He poled over a million popular votes and 22 electoral votes. Although he came far short of victory, Populist ideas gained traction at the national level. When the financial Panic of 1893 hit the following year, an increased number of unemployed and dispossessed Americans gave momentum to the Populist movement. A great showdown was in place for 1896.

THE ELECTION OF 1896

All the elements for political success seemed to be falling into place for the Populists. James Weaver made an impressive showing in 1892, and Populist ideas were being discussed across the nation. The **Panic of 1893** was the worst financial crisis to date in American history. As the soup lines grew larger, so did voters' anger.

When **Jacob S. Coxey** of Ohio marched his 200 supporters, dubbed **Coxey's Army**, into the nation's capital to demand reforms in the spring of 1894, many thought a revolution was brewing. The climate seemed to ache for change. All that the Populists needed was a winning Presidential candidate in 1896.

hỗ trợ quốc gia cho ý tưởng này, và nông dân đã chuyển sang một chiến lược khác.

Lạm phát cũng có thể được tạo ra bằng cách in tiền được hỗ trợ bởi bạc cũng như vàng. Ý tưởng này phổ biến hơn vì mọi người tin tưởng vào tiền của họ hơn nếu họ biết rằng nó được hỗ trợ bởi một kim loại quý. Ngoài ra, nước Mỹ đã đúc tiền bằng bạc cho đến năm 1873.

Từ đồng tro tàn của Đảng Lao động Greenback đã phát triển Đảng Dân túy. Ngoài việc đòi hỏi tiền bạc miễn phí, những người theo chủ nghĩa dân túy kêu gọi một loạt các cải cách khác. Họ yêu cầu thuế thu nhập tót nghiệp, theo đó các cá nhân có thu nhập cao hơn sẽ trả phần trăm cao hơn trong thuế.

Họ muốn cải cách Hiến pháp là tốt. Cho đến thời điểm này, Thượng nghị sĩ vẫn không được người dân bầu trực tiếp. Họ đã được lựa chọn bởi các cơ quan lập pháp nhà nước. Những người theo chủ nghĩa dân túy yêu cầu sửa đổi hiến pháp cho phép bầu cử trực tiếp Thượng nghị sĩ.

Họ yêu cầu cải cách dân chủ như sáng kiến, nơi công dân có thể trực tiếp đưa ra tranh luận về một chủ đề trong các cơ quan lập pháp. Cuộc trưng cầu dân ý sẽ cho phép công dân, thay vì đại diện của họ, bỏ phiếu một luật đề xuất. Việc thu hồi sẽ cho phép người dân kết thúc một nhiệm kỳ bầu cử chính thức trước khi hết hạn. Họ cũng kêu gọi bỏ phiếu kín và giới hạn một nhiệm kỳ cho tổng thống.

Năm 1892, những người theo chủ nghĩa dân túy đã điều hành James Weaver làm tổng thống trên nền tảng đầy tham vọng này. Ông đã tranh luận hơn một triệu phiếu phổ biến và 22 phiếu đại cử tri. Mặc dù ông đã đi rất xa chiến thắng, những ý tưởng dân túy đã đạt được sức hút ở cấp quốc gia. Khi cơn hoảng loạn tài chính năm 1893 xảy ra vào năm sau, ngày càng nhiều người Mỹ thất nghiệp và bị phế truất đã tạo động lực cho phong trào Dân túy. Một cuộc thách đấu tuyệt vời đã diễn ra vào năm 1896.

BẦU CỬ năm 1896

Tất cả các yếu tố cho thành công chính trị dường như đang rơi vào vị trí cho những người theo chủ nghĩa dân túy. James Weaver đã thực hiện một chương trình ấn tượng vào năm 1892 và các ý tưởng dân túy đang được thảo luận trên toàn quốc. Panic năm 1893 là cuộc khủng hoảng tài chính tồi tệ nhất cho đến nay trong lịch sử nước Mỹ. Khi các dòng soup ngày càng lớn, các cử tri giận dữ cũng vậy.

Khi Jacob S. Coxey ở Ohio hành quân 200 người ủng hộ, được đặt tên là Quân đội Coxey, vào thủ đô của đất nước để yêu cầu cải cách vào mùa xuân năm 1894, nhiều người nghĩ rằng một cuộc cách mạng đang diễn ra. Khí hậu dường như nhức nhối vì sự thay đổi. Tất cả những gì dân túy cần là một ứng cử viên tổng thống chiến thắng năm 1896.

3 WHAT DOES IT MEAN TO BE PROGRESSIVE?



Primary Source: Photograph

Coxey's Army in Washington, DC

Nguồn chính: Ảnh

Quân đội Coxey tại Washington, DC

Ironically, the person who defended the Populist platform that year came from the Democratic Party. **William Jennings Bryan** was the unlikely candidate. An attorney from Lincoln, Nebraska, Bryan's speaking skills were among the best of his generation. Known as the "Great Commoner," Bryan developed a reputation as defender of the farmer.

When Populist ideas began to spread, Democratic voters of the South and West gave enthusiastic endorsement. At the Chicago Democratic convention in 1896, Bryan delivered a speech that made his career. Demanding the free coinage of silver, Bryan shouted, "You shall not crucify mankind upon a **cross of gold!**" Thousands of delegates roared their approval, and at the age of thirty-six, the "Boy Orator" received the Democratic nomination.

Faced with a difficult choice between surrendering their identity and hurting their own cause, the Populist Party nominated Bryan as their candidate as well, effectively merging the Populist and Democratic Parties.

The Republican competitor was **William McKinley**, the governor of Ohio. He had the support of the moneyed eastern establishment. Behind the scenes, a wealthy Cleveland industrialist named Marc Hanna was determined to see McKinley elected. He, like many of his class, believed that the free coinage of silver would bring financial ruin to America, or at least financial ruin to the pocketbooks of the wealthy.

Trớ trêu thay, người bảo vệ nền tảng dân túy năm đó đến từ Đảng Dân chủ. William Jennings Bryan là ứng cử viên không thể ngờ tới. Một luật sư từ Lincoln, Nebraska, Bryan, kỹ năng nói là một trong những người giỏi nhất trong thế hệ của anh ta. Được biết đến như là một người bình dân vĩ đại của người Viking, ông Bryan đã phát triển danh tiếng là người bảo vệ người nông dân.

Khi những ý tưởng dân túy bắt đầu lan rộng, các cử tri Dân chủ ở miền Nam và miền Tây đã ủng hộ nhiệt tình. Tại hội nghị Dân chủ Chicago năm 1896, Bryan đã có bài phát biểu làm nên sự nghiệp của mình. Yêu cầu tiền bạc miễn phí, Bryan hét lên, Bạn sẽ không đóng đinh nhân loại trên cây thánh giá vàng! Hàng ngàn đại biểu đã ồn ào tán thành, và ở tuổi ba mươi sáu, Cậu bé Orator trộm đã nhận được đề cử của Dân chủ.

Đối mặt với một lựa chọn khó khăn giữa việc từ bỏ danh tính của họ và làm tổn thương chính họ, Đảng Dân túy đã đề cử Bryan là ứng cử viên của họ, sáp nhập một cách hiệu quả các Đảng Dân chủ và Dân chủ.

Đối thủ của đảng Cộng hòa là William McKinley, thống đốc bang Ohio. Ông có sự hỗ trợ của các cơ sở đông tiền. Đảng sau hậu trường, một nhà công nghiệp giàu có ở Cleveland tên là Marc Hanna đã quyết tâm nhìn thấy McKinley được bầu. Anh ta, giống như nhiều người trong lớp, tin rằng đồng bạc miễn phí sẽ mang lại sự hủy hoại tài chính cho nước Mỹ, hoặc ít nhất là sự hủy hoại tài chính đối với túi tiền của những người giàu có.

3 WHAT DOES IT MEAN TO BE PROGRESSIVE?

Using his vast resources and power, Hanna directed a campaign based on fear of a Bryan victory. McKinley campaigned from his home, leaving the politicking for the party hacks. Bryan revolutionized campaign politics by launching a nationwide **whistle-stop** effort, making twenty to thirty speeches per day from the back of a train as it stopped in each town along a rail line.

Sử dụng nguồn lực và sức mạnh to lớn của mình, Hanna chỉ đạo một chiến dịch dựa trên nỗi sợ chiến thắng của Bryan. McKinley vận động từ nhà của mình, để lại chính trị cho các vụ đột nhập đảng. Bryan đã cách mạng hóa chính trị chiến dịch bằng cách phát động nỗ lực ngừng còi trên toàn quốc, thực hiện hai mươi đến ba mươi bài phát biểu mỗi ngày từ phía sau tàu khi nó dừng lại ở mỗi thị trấn dọc theo tuyến đường sắt.



Primary Source: Photograph

William Jennings Bryan speaking during the Election of 1896. He was known as a dynamic speaker.

Nguồn chính: Ảnh

William Jennings Bryan phát biểu trong cuộc bầu cử năm 1896. Ông được biết đến như một diễn giả năng động.

When the results were finally tallied, McKinley beat Bryan by an electoral vote margin of 271 to 176. The popular vote was much closer. McKinley won 51% of the vote to Bryan's 47%.

Khi kết quả cuối cùng đã được kiểm tra, McKinley đã đánh bại Bryan bằng tỷ lệ phiếu bầu cử từ 271 đến 176. Cuộc bỏ phiếu phổ biến đã gần hơn rất nhiều. McKinley giành được 51% phiếu bầu cho Bryan Lần 47%.

Many factors led to Bryan's defeat. He was unable to win a single state in the populous and industrial Northeast. Laborers feared the free silver idea as much as their bosses. While inflation would help the debt-ridden, mortgage-paying farmers, it could hurt the wage-earning, rent-paying factory workers. In a sense, the election came down to a clash

Nhiều yếu tố dẫn đến thất bại của Bryan. Anh ta đã không thể giành được một nhà nước duy nhất ở vùng Đông Bắc đông dân và công nghiệp. Người lao động sợ ý tưởng bạc miễn phí nhiều như ông chủ của họ. Trong khi lạm phát sẽ giúp những người nông dân nợ nần, trả nợ, nó có thể làm tổn hại đến công nhân nhà máy kiếm tiền lương, trả tiền thuê nhà. Theo một nghĩa nào đó, cuộc bầu cử đã xảy ra xung đột giữa lợi ích của

3 WHAT DOES IT MEAN TO BE PROGRESSIVE?

between the interests of the city versus country and by 1896, the urban forces won. Bryan's campaign marked the last time a major party attempted to win the White House by exclusively courting the rural vote.

The economy in 1896 was also on the upswing. Had the election occurred in the heart of the Panic of 1893, the results may have been different. Farm prices were rising by 1896, albeit slowly and the Populist Party fell apart with Bryan's loss. Although they continued to nominate candidates, most of their membership reverted to the major parties.

The ideas, however, did endure. Although the free silver issue died, the graduated income tax, direct election of senators, initiative, referendum, recall, and the secret ballot were all later enacted. These issues were kept alive by the next standard bearers of reform, the Progressives.

THE PROGRESSIVES

The turn of the 20th Century was an age of reform. Urban reformers and Populists had already done much to raise attention to the nation's most pressing problems.

America in 1900 looked nothing like America in 1850, yet those in power seemed to be applying the same old strategies to complex new problems. The Populists had tried to effect change by capturing the presidency in 1896 but had failed. The Progressives would succeed where the Populists could not.

The **Progressives** were urban, northeaster, educated, middle-class, Protestant reform-minded men and women. There was no official **Progressive Party** until 1912, but progressivism had already swept the nation.

It was more of a movement than a political party, and there were adherents to the philosophy in each major party. There were three progressive presidents: Theodore Roosevelt, William Howard Taft, and Woodrow Wilson. Roosevelt and Taft were Republicans and Wilson was a Democrat. What united the movement was a belief that the **laissez faire, Social Darwinist** outlook of the Gilded Age was morally and intellectually wrong. Progressives believed that people and government had the power to correct abuses produced by nature and the free market.

The results were astonishing. Seemingly every aspect of society was touched by progressive reform. Worker and consumer issues were addressed, conservation of natural resources was initiated, and the plight of the urban poor was confronted. National political movements such as temperance and women's suffrage found allies in the progressive movement. The era produced a host of national and state regulations, plus four amendments to the Constitution.

thành phố so với đất nước và đến năm 1896, các lực lượng đô thị đã giành chiến thắng. Chiến dịch Bryan, đánh dấu lần cuối cùng một đảng lớn cố gắng giành được Nhà Trắng bằng cách độc quyền tán thành cuộc bỏ phiếu ở nông thôn.

Nền kinh tế vào năm 1896 cũng đang trên đà phát triển. Nếu cuộc bầu cử xảy ra ở trung tâm của Panic năm 1893, kết quả có thể khác. Giá nông sản đã tăng lên vào năm 1896, mặc dù chậm và Đảng Dân túy đã sụp đổ với sự mất mát của Bryan. Mặc dù họ tiếp tục đề cử các ứng cử viên, hầu hết các thành viên của họ đã trở lại các đảng lớn.

Các ý tưởng, tuy nhiên, đã chịu đựng. Mặc dù vấn đề bạc miễn phí đã chết, thuế thu nhập tốt nghiệp, bầu cử trực tiếp thượng nghị sĩ, sáng kiến, trưng cầu dân ý, thu hồi và bỏ phiếu kín đều được ban hành sau đó. Những vấn đề này được duy trì bởi những người mang tiêu chuẩn tiếp theo của cải cách, những người tiến bộ.

CHƯƠNG TRÌNH

Bước ngoặt của Thế kỷ 20 là một thời đại cải cách. Các nhà cải cách đô thị và những người theo chủ nghĩa dân túy đã làm nhiều việc để gây sự chú ý cho các vấn đề cấp bách nhất của quốc gia.

Nước Mỹ năm 1900 trông không giống nước Mỹ năm 1850, nhưng những người nắm quyền lực dường như đang áp dụng các chiến lược cũ tương tự cho các vấn đề mới phức tạp. Những người theo chủ nghĩa dân túy đã cố gắng thực hiện thay đổi bằng cách nắm giữ chức tổng thống vào năm 1896 nhưng đã thất bại. Những người cấp tiến sẽ thành công ở nơi mà những người theo chủ nghĩa dân túy không thể.

Những người cấp tiến là thành thị, đông bắc, có học thức, trung lưu, đàn ông và phụ nữ có tư tưởng cải cách Tin lành. Không có Đảng Tiến bộ chính thức cho đến năm 1912, nhưng chủ nghĩa tiến bộ đã càn quét cả quốc gia.

Đó là một phong trào nhiều hơn là một đảng chính trị, và có những người tuân thủ triết lý trong mỗi đảng lớn. Có ba tổng thống tiến bộ: Theodore Roosevelt, William Howard Taft và Woodrow Wilson. Roosevelt và Taft là những người Cộng hòa và Wilson là một đảng Dân chủ. Những gì hợp nhất phong trào là một niềm tin rằng các *laissez faire*, quan điểm của Darwin về xã hội của thời đại mạ vàng là sai về mặt đạo đức và trí tuệ. Những người cấp tiến tin rằng người dân và chính phủ có quyền sửa chữa những lạm dụng do thiên nhiên và thị trường tự do sản xuất.

Kết quả thật đáng kinh ngạc. Dường như mọi khía cạnh của xã hội đều bị ảnh hưởng bởi cải cách tiến bộ. Các vấn đề của người lao động và người tiêu dùng đã được giải quyết, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên đã được bắt đầu và hoàn cảnh của người nghèo thành thị phải đối mặt. Các phong trào chính trị quốc gia như sự ôn hòa và quyền bầu cử của phụ nữ đã tìm thấy các đồng minh trong phong trào tiến bộ. Thời đại đã tạo

3 WHAT DOES IT MEAN TO BE PROGRESSIVE?

The single greatest factor that fueled the progressive movement in America was urbanization. For years, educated, middle-class women had begun the work of reform in the nation's cities.

Underlying this new era of reform was a fundamental shift in philosophy away from Social Darwinism. Why accept hardship and suffering as simply the result of natural selection? Humans can and have adapted their physical environments to suit their purposes. Individuals need not accept injustices as the law of nature if they can think of a better way. Philosopher William James called this new way of thinking, **pragmatism**. His followers came to believe that an activist government could be the agent of the public to pursue the betterment of social ills.

THE SOCIAL GOSPEL

Protestant churches during the Gilded Age were afraid of losing influence over changes in society. Although the population of America was growing rapidly, there were many empty seats in the pews of urban Protestant churches. Middle-class churchgoers were faithful, but large numbers of workers were starting to lose faith in their local church. The old-style heaven and hell sermons seemed irrelevant to those who toiled long hours for inadequate pay.

Meanwhile, immigration swelled the ranks of Roman Catholic churches. Eastern Orthodox churches and Jewish synagogues were sprouting up everywhere. Many cities reported the loss of Protestant congregations.

Out of this concern grew the **Social Gospel Movement**. Progressive-minded preachers began to tie the teachings of Christianity with contemporary problems. Christian virtue, they declared, demanded a redress of poverty and despair on earth.

Many ministers became politically active. Washington Gladden, the most prominent of the social gospel ministers, supported the workers' right to strike in the wake of the Great Upheaval of 1877. Ministers called for an end to child labor, the enactment of temperance laws, and civil service reform. Liberal churches such as the Congregationalists and the Unitarians led the way, but the movement spread to many sects.

The **Young Men's Christian Association (YMCA)** and the **Young Women's Christian Association (YWCA)** were founded by Christian Progressives to address the challenges faced by urban youth.

ra một loạt các quy định quốc gia và nhà nước, cộng với bốn sửa đổi Hiến pháp.

Yếu tố lớn nhất duy nhất thúc đẩy phong trào tiến bộ ở Mỹ là đô thị hóa. Trong nhiều năm, những người phụ nữ có học thức, trung lưu đã bắt đầu công việc cải cách ở các thành phố công gia.

Dưới thời đại cải cách mới này là một sự thay đổi cơ bản trong triết học khỏi Chủ nghĩa Darwin xã hội. Tại sao chấp nhận khó khăn và đau khổ chỉ đơn giản là kết quả của chọn lọc tự nhiên? Con người có thể và đã điều chỉnh môi trường vật lý của mình cho phù hợp với mục đích của họ. Cá nhân không cần phải chấp nhận sự bất công là quy luật tự nhiên nếu họ có thể nghĩ ra một cách tốt hơn. Triết gia William James gọi cách suy nghĩ mới này, chủ nghĩa thực dụng. Những người theo ông đã tin rằng một chính phủ hoạt động có thể là tác nhân của công chúng để theo đuổi việc cải thiện các bệnh xã hội.

GOSPEL XÃ HỘI

Các nhà thờ Tin lành trong Thời đại mạ vàng đã sợ mất ảnh hưởng đối với những thay đổi trong xã hội. Mặc dù dân số của nước Mỹ đang tăng nhanh, nhưng có rất nhiều ghế trống trong các nhà thờ của các nhà thờ Tin lành thành thị. Những người đi nhà thờ trung lưu rất trung thành, nhưng một số lượng lớn công nhân bắt đầu mất niềm tin vào nhà thờ địa phương của họ. Các bài giảng thiên đường và địa ngục kiểu cũ dường như không liên quan đến những người làm việc nhiều giờ với mức lương không đủ.

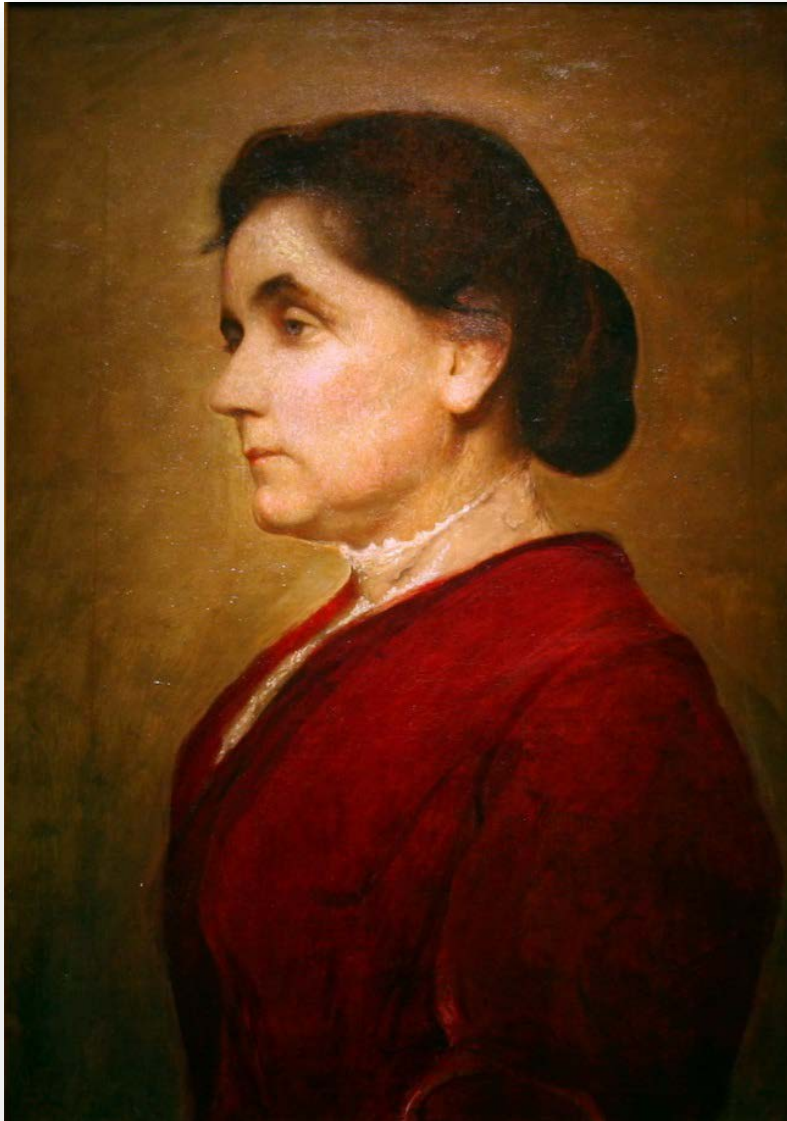
Trong khi đó, nhập cư đã làm tăng hàng ngũ của các nhà thờ Công giáo La Mã. Các nhà thờ Chính thống Đông phương và các giáo đường Do Thái đang mọc lên khắp nơi. Nhiều thành phố báo cáo sự mất mát của các hội thánh Tin lành.

Từ mối quan tâm này đã phát triển Phong trào Tin Mừng xã hội. Các nhà truyền giáo có đầu óc tiến bộ bắt đầu gắn kết các giáo lý của Kitô giáo với các vấn đề đương đại. Đức Kitô giáo, họ tuyên bố, yêu cầu khắc phục nghèo đói và tuyệt vọng trên trái đất.

Nhiều bộ trưởng trở nên tích cực về chính trị. Washington Gladden, người nổi tiếng nhất trong số các bộ trưởng phúc âm xã hội, đã ủng hộ công nhân quyền đình công sau vụ Đại chiến năm 1877. Các bộ trưởng kêu gọi chấm dứt lao động trẻ em, ban hành luật ôn hòa và cải cách chế độ công vụ. Các nhà thờ tự do như Công Phụng và Đơn vị dẫn đầu, nhưng phong trào lan rộng ra nhiều giáo phái.

Hiệp hội Christian Men Young Christian (YMCA) và Hiệp hội phụ nữ trẻ Christian Young (YWCA) được thành lập bởi Christian Progressive để giải quyết những thách thức mà giới trẻ thành thị phải đối mặt.

3 WHAT DOES IT MEAN TO BE PROGRESSIVE?



Primary Source: Painting

A contemporary painting of Jane Addams who founded Hull House in Chicago and launched the Settlement House Movement.

Nguồn chính: Tranh

Một bức tranh đương đại của Jane Addams, người đã thành lập Hull House ở Chicago và phát động Phong trào Giải quyết Nhà.

Two new sects formed. Mary Baker Eddy founded the **Christian Science**, a new variation of Christianity whose followers tried to reconcile religion and science. She preached that faith was a means to cure evils such as disease. The **Salvation Army** crossed the Atlantic from England and provided free soup for the hungry. More of a service organization than a church, the Salvation Army remains a potent force for good in many American cities.

Middle class women who had time and financial resources became particularly active in the arena of progressive social reform. The Settlement House Movement spread across the country. Women organized and built **Settlement Houses** in urban centers where

Hai giáo phái mới hình thành. Mary Baker Eddy đã thành lập Khoa học Kitô giáo, một biến thể mới của Kitô giáo mà những người theo ông đã cố gắng hòa giải tôn giáo và khoa học. Cô giảng rằng đức tin là một phương tiện để chữa các tệ nạn như bệnh tật. Quân đội Cứu quốc đã vượt Đại Tây Dương từ Anh và cung cấp súp miễn phí cho người đói. Không chỉ là một tổ chức phục vụ hơn là một nhà thờ, Đội quân Cứu thế vẫn là một thế lực tốt cho nhiều thành phố ở Mỹ.

Phụ nữ trung lưu có thời gian và nguồn lực tài chính trở nên đặc biệt tích cực trong lĩnh vực cải cách xã hội tiến bộ. Phong trào giải quyết nhà ở lan rộng khắp đất nước. Phụ nữ đã tổ chức và xây dựng những ngôi nhà định cư ở các trung tâm đô thị nơi những người nhập cư nghèo khổ có thể đến khi họ

3 WHAT DOES IT MEAN TO BE PROGRESSIVE?

destitute immigrants could go when they had nowhere else to turn. Settlement houses provided family-style cooking, lessons in English, and tips on how to adapt to American culture.

The first settlement house began in 1889 in Chicago and was called **Hull House**. Its organizer, **Jane Addams**, intended Hull House to serve as a prototype for other settlement houses. By 1900 there were nearly 100 settlement houses in the nation's cities. Jane Addams was considered the founder of social work, a new profession.

The changes were profound. Many historians call this period in the history of American religion the **Third Great Awakening**. Like the first two awakenings, it was characterized by revival and reform. The temperance movement and the settlement house movement were both affected by church activism. The chief difference between this movement and those of an earlier era was location. These changes in religion transpired because of urban realities, underscoring the social impact of the new American city.



THE TRIANGLE SHIRTWAIST FIRE

The **Triangle Shirtwaist Factory fire** on March 25, 1911, was the deadliest industrial disaster in the history of New York City and resulted in the fourth-highest loss of life from an industrial accident in American history. The fire caused the deaths of 146 garment workers, who died from the fire, smoke inhalation, or falling or jumping to their deaths. Most of the victims were recent Jewish and Italian immigrant women aged 16 to 23. Of the victims whose ages are known, the oldest victim was 43, and the youngest were just 14.

Because the managers had locked the doors to the stairwells and exits — a common practice at the time to prevent pilferage and

không còn nơi nào để rẽ. Những ngôi nhà định cư cung cấp nấu ăn theo kiểu gia đình, những bài học bằng tiếng Anh và những lời khuyên về cách thích nghi với văn hóa Mỹ.

Ngôi nhà định cư đầu tiên bắt đầu vào năm 1889 tại Chicago và được gọi là Hull House. Người tổ chức của nó, Jane Addams, dự định Hull House sẽ phục vụ như một nguyên mẫu cho các nhà định cư khác. Đến năm 1900 đã có gần 100 ngôi nhà định cư tại các thành phố quốc gia. Jane Addams được coi là người sáng lập công tác xã hội, một nghề mới.

Những thay đổi là sâu sắc. Nhiều nhà sử học gọi thời kỳ này trong lịch sử tôn giáo Mỹ là sự thức tỉnh vĩ đại thứ ba. Giống như hai sự thức tỉnh đầu tiên, nó được đặc trưng bởi sự hồi sinh và cải cách. Phong trào ôn hòa và phong trào nhà định cư đều bị ảnh hưởng bởi hoạt động của nhà thờ. Sự khác biệt chính giữa phong trào này và phong trào của thời kỳ trước là vị trí. Những thay đổi trong tôn giáo đã xảy ra vì thực tế đô thị, nhấn mạnh tác động xã hội của thành phố mới của Mỹ.

Primary Source: Photograph

Horrific images from the Triangle Shirtwaist Fire such as this one were published around the nation and spurred workplace safety reforms.

Nguồn chính: Ảnh

Những hình ảnh khủng khiếp từ vụ cháy Triangle Shirtwaist như bức ảnh này đã được công bố trên toàn quốc và thúc đẩy cải cách an toàn tại nơi làm việc.

CHIA SẺ TRÍ TUỆ

Vụ nổ Nhà máy Triangle Shirtwaist vào ngày 25 tháng 3 năm 1911, là thảm họa công nghiệp nguy hiểm nhất trong lịch sử thành phố New York và dẫn đến thiệt hại cao thứ tư về một vụ tai nạn công nghiệp trong lịch sử Hoa Kỳ. Vụ hỏa hoạn đã khiến 146 công nhân may mặc tử vong vì hỏa hoạn, hít phải khói thuốc hoặc ngã hoặc nhảy xuống đất tử vong. Hầu hết các nạn nhân là phụ nữ nhập cư Do Thái và Ý gần đây từ 16 đến 23. Trong số các nạn nhân được biết đến tuổi, nạn nhân lớn tuổi nhất là 43, và người trẻ nhất mới chỉ 14 tuổi.

Bởi vì các nhà quản lý đã khóa cửa ra vào cầu thang và lối thoát hiểm - một thông lệ vào thời điểm đó để ngăn chặn sự ăn cắp và phá vỡ trái phép - nhiều công nhân không thể

3 WHAT DOES IT MEAN TO BE PROGRESSIVE?

unauthorized breaks — many of the workers who could not escape the burning building jumped to the streets below from the eighth, ninth, and tenth floors. The fire led to legislation requiring improved factory safety standards and helped spur the growth of the International Ladies' Garment Workers' Union, which fought for better working conditions for sweatshop workers.

In New York City, a Committee on Public Safety was formed, headed by noted social worker Frances Perkins, to identify specific problems and lobby for new legislation. The subsequent reforms shortened work weeks, instituted mandatory fire escapes, and generally led to safer working conditions. Similar reforms were instituted all around the nation.

CHILD LABOR

One of the most important reforms of the Progressive Era was the elimination of child labor. After its conception in 1904, the **National Child Labor Committee** (NCLC) focused its attacks on child labor and endorsed the first national anti-child labor bill. Although the bill was defeated, it convinced many opponents of child labor that a solution lay in the cooperation and solidarity between the states.

The NCLC called for the establishment of a federal children's bureau that would investigate and report on the circumstances of all American children. In 1912, the NCLC succeeded in passing an act establishing a United States Children's Bureau in the Department of Commerce and Labor. On April 9, President William Taft signed the act into law. Over the next thirty years, the Children's Bureau would work closely with the NCLC to promote child labor reforms on both the state and national level.

In 1915, Pennsylvania Congressman A. Mitchell Palmer, who would go on to be Attorney General, introduced a bill to end child labor in most American mines and factories. President Wilson found it constitutionally unsound and after the House voted 232 to 44 in favor on February 15, 1915, he allowed it to die in the Senate. Nevertheless, Arthur Link has called it "a turning point in American constitutional history" because it attempted to establish for the first time "the use of the Commerce Clause commerce power to justify almost any form of federal control over working conditions and wages."

In 1916, Senator Robert L. Owen of Oklahoma and Representative Edward Keating of Colorado introduced the NCLC backed **Keating-Owen Act** which prohibited shipment in interstate commerce of goods manufactured or processed by child labor. The bill passed by a margin of 337 to 46 in the House and 50 to 12 in the Senate and was signed into law by President Woodrow Wilson. However, in 1918 the law was deemed unconstitutional by the Supreme Court in a five-to-four decision in *Hammer v. Dagenhart*. The court, while acknowledging child labor as a social evil, felt that the Keating-Owen Act overstepped congress' power to regulate trade.

thoát khỏi tòa nhà đang cháy đã nhảy xuống các đường phố bên dưới từ thứ tám, thứ chín và thứ mười sân nhà. Vụ hỏa hoạn đã dẫn đến luật pháp đòi hỏi phải cải thiện các tiêu chuẩn an toàn của nhà máy và giúp thúc đẩy sự phát triển của Liên minh Công nhân May mặc Quốc tế Ladies, nơi đấu tranh cho các điều kiện làm việc tốt hơn cho công nhân nhà mồ hôi.

Tại thành phố New York, một Ủy ban về An toàn công cộng đã được thành lập, đứng đầu là nhân viên xã hội nổi tiếng Frances Perkins, để xác định các vấn đề cụ thể và vận động hành lang cho luật pháp mới. Các cải cách tiếp theo đã rút ngắn tuần làm việc, đặt ra các lối thoát lửa bắt buộc và thường dẫn đến các điều kiện làm việc an toàn hơn. Cải cách tương tự đã được thiết lập trên toàn quốc.

LAO ĐỘNG TRẺ EM

Một trong những cải cách quan trọng nhất của Thời đại Tiến bộ là xóa bỏ lao động trẻ em. Sau khi được thành lập vào năm 1904, Ủy ban Lao động Trẻ em Quốc gia (NCLC) đã tập trung vào các cuộc tấn công vào lao động trẻ em và tán thành dự luật chống lao động trẻ em quốc gia đầu tiên. Mặc dù dự luật đã bị đánh bại, nhưng nó đã thuyết phục nhiều người phản đối lao động trẻ em rằng một giải pháp nằm trong sự hợp tác và đoàn kết giữa các bang.

NCLC kêu gọi thành lập một văn phòng trẻ em liên bang, tổ chức điều tra và báo cáo về hoàn cảnh của tất cả trẻ em Mỹ. Năm 1912, NCLC đã thành công trong việc thông qua một đạo luật thành lập Cục Trẻ em Hoa Kỳ tại Bộ Thương mại và Lao động. Vào ngày 9 tháng 4, Tổng thống William Taft đã ký đạo luật thành luật. Trong ba mươi năm tới, Cục Trẻ em sẽ hợp tác chặt chẽ với NCLC để thúc đẩy cải cách lao động trẻ em ở cả cấp tiểu bang và quốc gia.

Năm 1915, Nghị sĩ Pennsylvania A. Mitchell Palmer, người sẽ trở thành Tổng chưởng lý, đã đưa ra một dự luật chấm dứt lao động trẻ em ở hầu hết các nhà máy và mỏ của Mỹ. Tổng thống Wilson thấy nó không hợp lý về mặt hiến pháp và sau khi Hạ viện bỏ phiếu ủng hộ 232 đến 44 vào ngày 15 tháng 2 năm 1915, ông đã cho phép nó chết tại Thượng viện. Tuy nhiên, Arthur Link đã gọi nó là một bước ngoặt trong lịch sử lập hiến của Mỹ vì nó đã cố gắng thiết lập lần đầu tiên lịch sử dụng sức mạnh thương mại của Điều khoản thương mại để biện minh cho hầu hết mọi hình thức kiểm soát liên bang đối với điều kiện làm việc và tiền lương.

Năm 1916, Thượng nghị sĩ Robert L. Owen của Oklahoma và Đại diện Edward Keat ở Colorado đã giới thiệu Đạo luật Keat-Owen được NCLC ủng hộ, cấm giao hàng trong thương mại hàng hóa giữa các bang được sản xuất hoặc chế biến bởi lao động trẻ em. Dự luật được thông qua với mức chênh lệch từ 336 đến 46 tại Hạ viện và 50 đến 12 tại Thượng viện và được Tổng thống Woodrow Wilson ký thành luật. Tuy nhiên, vào năm 1918, luật này đã bị Tòa án tối cao coi là vi hiến trong một quyết định năm đến bốn trong *Hammer v. Dagenhart*. Tòa án, trong khi thừa nhận lao động trẻ em là một tệ nạn xã hội, cảm thấy rằng Đạo luật Keat-Owen đã vượt qua quyền lực của quốc hội để điều chỉnh thương mại.

3 WHAT DOES IT MEAN TO BE PROGRESSIVE?

The NCLC then switched its strategy to passing of a federal constitutional amendment. In 1924 Congress passed the Child Labor Amendment, however, by 1932 only six states had voted for ratification while twenty-four had rejected the measure. Today, the amendment is technically still-pending and has been ratified by a total of twenty-eight states, requiring the ratification of ten more for its incorporation into the Constitution.



Primary Source: Photograph

One of the iconic images from the Gilded Age, this photograph of a young girl working at the Lancaster Mills has come to symbolize the thousands of children who worked in factories around the turn of the century rather than attending school.

Nguồn chính: Ảnh

Một trong những hình ảnh mang tính biểu tượng từ Thời đại Gilded, bức ảnh này của một cô gái trẻ làm việc tại Lancaster Mills đã trở thành biểu tượng cho hàng ngàn trẻ em làm việc trong các nhà máy vào đầu thế kỷ thay vì đi học.

In 1938, the National Child Labor Committee threw its support behind the **Fair Labor Standards Act (FLSA)** which included child labor provisions designed by the NCLC. The act prohibits any interstate commerce of goods produced through oppressive child labor. The act defines “oppressive child labor” as any form of employment for children under age sixteen and any particularly hazardous occupation for children ages sixteen to eighteen. This definition excludes agricultural labor and instances in which the child is employed by his or her guardians, such as in a family shop. On June 25, 1938, after the approval of Congress, President Franklin D. Roosevelt signed the bill into law; the FLSA remains the primary federal child labor law to this day. Students who want to work during the school year must first apply for a **work permit** from their school. Although they may see this as an inconvenience, it is in fact and important protection against the child labor abuses of the past.

EDUCATION REFORM

The Progressives embraced education reform. Employers wanted a better educated workforce to fill ever increasingly technical jobs. Classical liberals believed that public education was the cornerstone of

Năm 1938, Ủy ban Lao động Trẻ em Quốc gia đã hỗ trợ đằng sau Đạo luật Tiêu chuẩn Lao động Công bằng (FLSA) bao gồm các điều khoản lao động trẻ em do NCLC thiết kế. Đạo luật nghiêm cấm mọi hoạt động buôn bán hàng hóa giữa các tiểu bang được sản xuất thông qua lao động trẻ em áp bức. Đạo luật định nghĩa lao động trẻ em áp bức của Hồi giáo là bất kỳ hình thức việc làm nào cho trẻ em dưới mười sáu tuổi và bất kỳ nghề nghiệp đặc biệt nguy hiểm nào đối với trẻ em từ mười sáu đến mười tám tuổi. Định nghĩa này không bao gồm lao động nông nghiệp và các trường hợp mà đứa trẻ được thuê bởi những người giám hộ của mình, chẳng hạn như trong một cửa hàng gia đình. Vào ngày 25 tháng 6 năm 1938, sau khi được Quốc hội phê chuẩn, Tổng thống Franklin D. Roosevelt đã ký dự luật thành luật; FLSA vẫn là luật lao động trẻ em liên bang chính cho đến ngày nay. Học sinh muốn làm việc trong năm học trước tiên phải xin giấy phép làm việc từ trường của họ. Mặc dù họ có thể coi đây là một sự bất tiện, nhưng thực tế và đây là sự bảo vệ quan trọng chống lại sự lạm dụng lao động trẻ em trong quá khứ.

CẢI CÁCH GIÁO DỤC

Những người tiến bộ chấp nhận cải cách giáo dục. Các nhà tuyển dụng muốn có một lực lượng lao động được giáo dục tốt hơn để lấp đầy các công việc ngày càng kỹ thuật. Những người tự do cổ điển tin rằng giáo dục công cộng là nền tảng của bất kỳ nền dân chủ nào. Một chính phủ dựa trên sự tham

3 WHAT DOES IT MEAN TO BE PROGRESSIVE?

any democracy. A government based on public participation would be imperiled if large numbers of uneducated masses voted unwisely.

Church leaders and modern liberals who were concerned for the welfare of children believed that a strong education was not only appropriate, but an inalienable right. Critics of child labor practices wanted longer mandatory school years. After all, if a child was in school, he or she would not be in the factory.

In 1870, about half of the nation's children received no formal education whatsoever. Although many states provided for a free public education for children between the ages of 5 and 21, economic realities kept many children working in mines, factories, or on the farm. Only six states had compulsory education laws at this point, and most were for only several weeks per year.

Massachusetts was the leader in tightening laws. By 1890, all children in Massachusetts between the ages of 6 and 10 were required to attend school at least twenty weeks per year. These laws were much simpler to enact than to enforce. truant officers were necessary to chase down offenders. Private and religious schools had to be monitored to ensure quality standards similar to public schools. Despite resistance, acceptance of mandatory elementary education began to spread. By the turn of the century, such laws were universal throughout the North and West, with only the South lagging behind. There, under the laws of Jim Crow, the public schools in operation in the South were entirely segregated by race in 1900. Mississippi became the last state to require elementary education in 1918.

Other reforms began to sweep the nation. Influenced by German immigrants, kindergartens sprouted in urban areas, beginning with St. Louis in 1873.

The most famous reformer of the time was **John Dewey**. Dewey applied pragmatic thinking to education. Rather than having students memorize facts or formulas, Dewey proposed "learning by doing." He emphasized the importance of free, public education in promoting democracy. Dewey also championed the development of **normal schools**, colleges that specialized in preparation of future teachers. By 1900, one in five public school teachers had a college degree.

More and more **high schools** were built in the last three decades of the 1800s. During that period, the number of public high schools increased from 160 to 6,000, and the nation's illiteracy rate was cut nearly in half. Despite the expansion of high schools, still only 4% of American children between the ages of 14 and 17 actually attended a high school. For most Americans, an eighth grade education was sufficient.

Higher education was changing as well. In general, the number of colleges increased, owing to the creation of public land-grant colleges by

gia của công chúng sẽ không hoàn hảo nếu một số lượng lớn quần chúng vô học bỏ phiếu không chính đáng.

Các nhà lãnh đạo nhà thờ và những người tự do hiện đại, những người quan tâm đến phúc lợi của trẻ em tin rằng một nền giáo dục mạnh mẽ không chỉ phù hợp, mà còn là quyền không thể thay đổi. Các nhà phê bình thực hành lao động trẻ em muốn năm học bắt buộc lâu hơn. Rốt cuộc, nếu một đứa trẻ ở trường, nó sẽ không ở trong nhà máy.

Vào năm 1870, khoảng một nửa số trẻ em quốc gia không được giáo dục chính thức. Mặc dù nhiều tiểu bang cung cấp một nền giáo dục công cộng miễn phí cho trẻ em trong độ tuổi từ 5 đến 21, nhưng thực tế kinh tế khiến nhiều trẻ em làm việc trong các hầm mỏ, nhà máy hoặc trong trang trại. Chỉ có sáu tiểu bang có luật giáo dục bắt buộc vào thời điểm này, và hầu hết chỉ trong vài tuần mỗi năm.

Massachusetts là người đi đầu trong việc thắt chặt luật pháp. Đến năm 1890, tất cả trẻ em ở Massachusetts trong độ tuổi từ 6 đến 10 được yêu cầu đi học ít nhất hai mươi tuần mỗi năm. Những luật này được ban hành đơn giản hơn nhiều so với thi hành. Sĩ quan trốn học là cần thiết để đuổi theo những kẻ phạm tội. Các trường tư thục và tôn giáo phải được giám sát để đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng tương tự như các trường công lập. Mặc dù kháng cự, chấp nhận giáo dục tiểu học bắt buộc bắt đầu lan rộng. Bước sang thế kỷ, những luật lệ như vậy đã phổ biến khắp miền Bắc và miền Tây, chỉ có miền Nam tụt lại phía sau. Ở đó, theo luật pháp của Jim Crow, các trường công lập đang hoạt động ở miền Nam hoàn toàn bị tách biệt bởi chủng tộc vào năm 1900. Mississippi trở thành tiểu bang cuối cùng yêu cầu giáo dục tiểu học vào năm 1918.

Những cải cách khác bắt đầu cán quét cả quốc gia. Bị ảnh hưởng bởi những người nhập cư Đức, các trường mẫu giáo mọc lên ở các khu vực đô thị, bắt đầu với St. Louis vào năm 1873.

Nhà cải cách nổi tiếng nhất thời bấy giờ là John Dewey. Dewey áp dụng tư duy thực dụng vào giáo dục. Thay vì yêu cầu học sinh ghi nhớ các sự kiện hoặc công thức, Dewey đề xuất việc học tập bằng cách thực hiện. Ông đã nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo dục công cộng, tự do trong việc thúc đẩy nền dân chủ. Dewey cũng vô địch sự phát triển của các trường bình thường, cao đẳng chuyên đào tạo giáo viên tương lai. Đến năm 1900, một trong năm giáo viên trường công lập có bằng đại học.

Ngày càng có nhiều trường trung học được xây dựng trong ba thập kỷ cuối của thập niên 1800. Trong thời gian đó, số trường trung học công lập tăng từ 160 lên 6.000 và tỷ lệ mù chữ của quốc gia đã giảm gần một nửa. Mặc dù mở rộng các trường trung học, nhưng vẫn chỉ có 4% trẻ em Mỹ trong độ tuổi từ 14 đến 17 thực sự học tại một trường trung học. Đối với hầu hết người Mỹ, một nền giáo dục lớp tám là đủ.

Giáo dục đại học cũng đang thay đổi. Nhìn chung, số lượng các trường đại học tăng lên, do các tiểu bang và các trường đại học tư được tài trợ bởi các nhà hảo tâm, như Stanford và Vanderbilt.

3 WHAT DOES IT MEAN TO BE PROGRESSIVE?

the states and private universities sponsored by philanthropists, such as Stanford and Vanderbilt.

Opportunities for women to attend college were also on the rise. Mt. Holyoke, Smith, Vassar, Wellesley, and Bryn Mawr Colleges provided a liberal arts education equivalent to their males-only counterparts. By 1910, 40% of the nation's college students were female, despite the fact that many professions were still closed to women.

Although nearly 47% of the nation's colleges accepted women, African American attendance at white schools was virtually nonexistent. Black colleges such as Howard, Fisk, and Atlanta University rose to meet this need.

POLITICAL REFORM

The Populist movement influenced progressivism, especially in the promotion of political reform. While rejecting the call for free silver, the progressives embraced the political reforms of secret ballot, initiative, referendum, and recall. Most of these reforms were on the state level. Under the governorship of **Robert La Follette**, Wisconsin became a laboratory for many of these reforms, enacting them first so other states could see an example to copy.

The Populist ideas of an income tax and direct election of senators became the **16th Amendment** and **17th Amendment** to the United States Constitution under progressive direction.

Reformers went further by trying to root out urban corruption by introducing new models of city government. The **city commission** and the **city manager** systems removed important decision making from politicians and placed it in the hands of skilled technicians. Such reforms did a great deal to reduce the power of political machines like New York's Tammany Hall.

ENVIRONMENTALISM

As America grew, Americans were destroying its natural resources. Farmers were depleting the nutrients of the overworked soil. Miners removed layer after layer of valuable topsoil, leading to catastrophic erosion. Everywhere forests were shrinking and wildlife was becoming scarcer.

The growth of cities brought a new interest in preserving the old lands for future generations. Dedicated to saving the wilderness, the **Sierra Club** formed in 1892. **John Muir**, the president of the Sierra Club, worked valiantly to stop the sale of public lands to private developers. At first, most of his efforts fell on deaf ears. Then Theodore Roosevelt moved into the Oval Office, and his voice was finally heard.

Cơ hội cho phụ nữ theo học đại học cũng tăng lên. Mt. Holyoke, Smith, Vassar, Wellesley và Bryn Mawr College cung cấp một nền giáo dục nghệ thuật tự do tương đương với các đồng nghiệp chỉ dành cho nam giới của họ. Đến năm 1910, 40% sinh viên đại học trên toàn quốc là nữ, mặc dù thực tế là nhiều ngành nghề vẫn đóng cửa đối với phụ nữ.

Mặc dù gần 47% các trường cao đẳng quốc gia đã chấp nhận phụ nữ, người Mỹ gốc Phi tham dự các trường học trắng hầu như không có. Các trường đại học đen như Howard, Fisk và Đại học Atlanta đã tăng để đáp ứng nhu cầu này.

CẢI CÁCH CHÍNH TRỊ

Phong trào dân túy ảnh hưởng đến chủ nghĩa tiến bộ, đặc biệt là trong việc thúc đẩy cải cách chính trị. Trong khi từ chối lời kêu gọi bạc miễn phí, những người cấp tiến chấp nhận cải cách chính trị về bỏ phiếu kín, sáng kiến, trưng cầu dân ý và thu hồi. Hầu hết các cải cách này là ở cấp tiểu bang. Dưới sự điều hành của Robert La Follette, Wisconsin đã trở thành một phòng thí nghiệm cho nhiều cải cách này, ban hành chúng trước tiên để các quốc gia khác có thể thấy một ví dụ để sao chép.

Các ý tưởng dân túy về thuế thu nhập và bầu cử thượng nghị sĩ trực tiếp đã trở thành Sửa đổi thứ 16 và Sửa đổi thứ 17 đối với Hiến pháp Hoa Kỳ theo định hướng tiến bộ.

Các nhà cải cách đã đi xa hơn bằng cách cố gắng thoát khỏi tham nhũng đô thị bằng cách giới thiệu các mô hình mới của chính quyền thành phố. Ủy ban thành phố và các hệ thống quản lý thành phố đã loại bỏ việc ra quyết định quan trọng từ các chính trị gia và đặt nó trong tay của các kỹ thuật viên lành nghề. Những cải cách như vậy đã làm rất nhiều để giảm sức mạnh của các bộ máy chính trị như Hội trường Tammany New York.

MÔI TRƯỜNG

Khi nước Mỹ phát triển, người Mỹ đang phá hủy tài nguyên thiên nhiên của nó. Nông dân đang cạn kiệt chất dinh dưỡng của đất làm việc quá sức. Các thợ mỏ đã loại bỏ lớp này sau lớp đất mặt có giá trị, dẫn đến xói mòn thảm khốc. Ở khắp mọi nơi rừng bị thu hẹp và động vật hoang dã ngày càng khan hiếm.

Sự phát triển của các thành phố mang lại một mối quan tâm mới trong việc bảo tồn các vùng đất cũ cho các thế hệ tương lai. Dành riêng để cứu lấy vùng hoang dã, Câu lạc bộ Sierra được thành lập vào năm 1892. John Muir, chủ tịch Câu lạc bộ Sierra, đã làm việc dũng cảm để ngăn chặn việc bán đất công cho các nhà phát triển tư nhân. Lúc đầu, hầu hết những nỗ lực của anh rơi vào tai điếc. Sau đó Theodore Roosevelt chuyển đến Phòng Bầu dục, và giọng nói của anh cuối cùng cũng được nghe thấy.

3 WHAT DOES IT MEAN TO BE PROGRESSIVE?



Primary Source: Photograph

President Theodore Roosevelt and John Muir at Yosemite National Park in California. The two leaders had a shared interest in conservation and became friends.

Nguồn chính: Ảnh

Tổng thống Theodore Roosevelt và John Muir tại Công viên quốc gia Yosemite ở California. Hai nhà lãnh đạo đã có chung sở thích bảo tồn và trở thành bạn bè.

Roosevelt was an avid outdoorsman. He hunted, hiked, and camped whenever possible. He believed that living in nature was good for the body and soul. Although he proved willing to compromise with Republican conservatives on many issues, he was dedicated to protecting the nation's public lands.

The first measure he backed was the Newlands Reclamation Act of 1902. This law encouraged developers and homesteaders to inhabit lands that were useless without massive irrigation works. The lands were sold at a cheap price if the buyer assumed the cost of irrigation and lived on the land for at least five years. The government then used the revenue to irrigate additional lands. Over a million barren acres were rejuvenated under this program.

John Muir and Teddy Roosevelt were more than political acquaintances. In 1903, Roosevelt took a vacation by camping with Muir in Yosemite National Park. The two agreed that making efficient use of public lands was not enough. Certain wilderness areas should simply be left undeveloped.

Under an 1891 law that empowered the President to declare national forests and withdraw public lands from development, Roosevelt began to preserve wilderness areas. By the time he left office 150,000,000 acres had been deemed national forests, forever safe from the ax and saw. This amounted to three times the total protected lands since the law was enacted.

Roosevelt là một người nhiệt tình ngoài trời. Anh săn bắn, leo núi và cắm trại bất cứ khi nào có thể. Ông tin rằng sống trong tự nhiên là tốt cho cơ thể và tâm hồn. Mặc dù anh ta tỏ ra sẵn sàng thỏa hiệp với những người bảo thủ của đảng Cộng hòa trong nhiều vấn đề, anh ta vẫn tận tâm bảo vệ quốc gia.

Biện pháp đầu tiên mà ông ủng hộ là Đạo luật cải tạo Newlands năm 1902. Luật này khuyến khích các nhà phát triển và người ở nhà sống trên những vùng đất vô dụng nếu không có các công trình thủy lợi lớn. Các khu đất được bán với giá rẻ nếu người mua chịu chi phí tưới tiêu và sống trên đất ít nhất năm năm. Chính phủ sau đó sử dụng nguồn thu để tưới thêm đất. Hơn một triệu mẫu đất cằn cỗi đã được trẻ hóa theo chương trình này.

John Muir và Teddy Roosevelt không chỉ là những người quen biết chính trị. Năm 1903, Roosevelt đi nghỉ bằng cách cắm trại với Muir ở Công viên quốc gia Yosemite. Hai người đồng ý rằng sử dụng hiệu quả đất công là không đủ. Một số khu vực hoang dã chỉ đơn giản là không được phát triển.

Theo luật năm 1891 trao quyền cho Tổng thống tuyên bố rừng quốc gia và rút đất công khỏi sự phát triển, Roosevelt bắt đầu bảo tồn các khu vực hoang dã. Vào thời điểm ông rời văn phòng, 150.000 mẫu Anh đã được coi là rừng quốc gia, mãi mãi an toàn khỏi rìu và cưa. Số tiền này gấp ba lần tổng số đất được bảo vệ kể từ khi luật được ban hành.

3 WHAT DOES IT MEAN TO BE PROGRESSIVE?

In 1907, Congress passed a law blocking the President from protecting additional territory in six western states. In typical Roosevelt fashion, he signed the bill into law — but not before protecting 16 million additional acres in those six states.

Conservation fever spread among urban intellectuals. By 1916, there were sixteen national parks with over 300,000 annual visitors. The **Boy Scouts** and **Girl Scouts**, groups originally founded in England, formed to give urban youths a greater appreciation of nature. Memberships in conservation and wildlife societies soared.

Teddy Roosevelt distinguished himself as the greatest Presidential advocate of the environment since Thomas Jefferson. Much damage had been done, but America's beautiful, abundant resources were given a new lease on life.

CONCLUSION

When the United States became involved in the First World War, attention was diverted from domestic issues and progressivism went into decline. While unable to solve the problems of every American, the Progressive Era set the stage for the 20th Century trend of an activist government trying to assist its people.

The Progressives were involved in so many different areas of life, that sometimes it can be hard to pin down a definition. Based on what the Progressives of history did, what do you think? What does it mean to be progressive?

Năm 1907, Quốc hội đã thông qua một đạo luật ngăn Tổng thống bảo vệ lãnh thổ bổ sung ở sáu quốc gia phương Tây. Theo kiểu Roosevelt điển hình, ông đã ký dự luật thành luật - nhưng không phải trước khi bảo vệ 16 triệu mẫu Anh tại sáu tiểu bang đó.

Cơn sốt bảo tồn lan rộng trong giới trí thức thành thị. Đến năm 1916, đã có mười sáu công viên quốc gia với hơn 300.000 du khách hàng năm. Hướng đạo sinh và Hướng đạo nữ, các nhóm ban đầu được thành lập ở Anh, được thành lập để mang đến cho giới trẻ thành thị sự đánh giá cao hơn về thiên nhiên. Thành viên trong các xã hội bảo tồn và động vật hoang dã tăng vọt.

Teddy Roosevelt nổi bật là người ủng hộ tổng thống vĩ đại nhất của môi trường kể từ Thomas Jefferson. Nhiều thiệt hại đã được thực hiện, nhưng tài nguyên dồi dào, đẹp đẽ của Mỹ Mỹ đã được cho thuê một cuộc sống mới.

PHẦN KẾT LUẬN

Khi Hoa Kỳ tham gia vào Chiến tranh thế giới thứ nhất, sự chú ý đã bị chuyển hướng khỏi các vấn đề trong nước và chủ nghĩa tiến bộ đi xuống. Mặc dù không thể giải quyết các vấn đề của mọi người Mỹ, Kỷ nguyên tiến bộ đã tạo tiền đề cho xu hướng Thế kỷ 20 của một chính phủ hoạt động đang cố gắng hỗ trợ người dân.

Những người cấp tiến đã tham gia vào rất nhiều lĩnh vực khác nhau của cuộc sống, mà đôi khi thật khó để xác định một định nghĩa. Dựa trên những gì Tiến bộ của lịch sử đã làm, bạn nghĩ gì? Nó có nghĩa là gì để tiến bộ?

3 WHAT DOES IT MEAN TO BE PROGRESSIVE?

SUMMARY

Farmers in the West were upset with the railroad in the late 1800s. They needed railroads to carry their crops to the East where they could be sold to hungry people in growing cities. However, railroads were the only way to move these products, and they were charging enormous rates, so the farmers wanted government to take over the railroads and lower prices. The farmers also wanted inflation which would make it easier for them to repay loans more easily. Thus, they wanted the government to start minting silver money. These two key political goals led to the creation of the Populist Party. A group of farmers led by Jacob Coxey even marched to Washington, DC to demand change. William Jennings Bryan championed these ideas. Although he never won the presidency, Bryan's Cross of Gold Speech captured the Populists' grievances. Government regulation of the railroads and free coinage of silver didn't become law, and eventually, the Democratic Party took on these issues and absorbed the Populist voters.

Other reformers around 1900 were more pragmatic. They looked for small changes they could achieve. These were the Progressives.

Some political reforms did become law. Initiatives, referendums and recalls became law, making it easier for the people to get rid of corrupt politicians and pass laws that politicians might be unwilling to vote for on their own. City commissioners became common as a way to stop political machines. The 17th Amendment provided for the direct election of senators. Before this, the state legislatures had elected senators.

Americans passed the 16th Amendment to make an income tax legal. The graduated income tax required the wealthy to pay a higher percentage of their income than the poor.

Some progressives were inspired by religion. The Social Gospel Movement encouraged people to serve others the way they believed Jesus would have done. They created the YMCA and YWCA. They built settlement houses to help the waves of new immigrants. They opened the Salvation Army to serve the poor. This era of service-minded Christianity is sometimes called the Third Great Awakening.

Other Progressives tried to improve working conditions. The Triangle Shirtwaist Fire showed just how bad working conditions were. These reformers were especially concerned with children who had to work instead of attending school. Although the Keating-Owen Act that was passed at the time was later declared unconstitutional, the Fair Labor Standards Act still stands as protection against exploitation of children as workers.

Progressives worked to improve public education and the first free, public high schools were built.

TÓM LƯỢC

Nông dân ở phương Tây buồn bã với đường sắt vào cuối những năm 1800. Họ cần đường sắt để mang cây trồng của họ đến phương Đông, nơi họ có thể được bán cho những người đói ở các thành phố đang phát triển. Tuy nhiên, đường sắt là cách duy nhất để di chuyển các sản phẩm này và họ đang tính mức giá rất lớn, vì vậy nông dân muốn chính phủ tiếp quản đường sắt và giảm giá. Nông dân cũng muốn lạm phát sẽ giúp họ dễ dàng trả nợ dễ dàng hơn. Vì vậy, họ muốn chính phủ bắt đầu đúc tiền bạc. Hai mục tiêu chính trị quan trọng này đã dẫn đến việc thành lập Đảng Dân túy. Một nhóm nông dân do Jacob Coxey dẫn đầu thậm chí đã tuần hành đến Washington, DC để yêu cầu thay đổi. William Jennings Bryan đã vô địch những ý tưởng này. Mặc dù ông không bao giờ giành được chức chủ tịch, Bryan Vượt qua vàng của bài phát biểu đã bắt được những người theo chủ nghĩa dân túy. Chính phủ quy định về đường sắt và tiền bạc miễn phí đã trở thành luật, và cuối cùng, Đảng Dân chủ đã đảm nhận những vấn đề này và tiếp tục thu hút cử tri Dân túy.

Những nhà cải cách khác vào khoảng năm 1900 đã thực dụng hơn. Họ tìm kiếm những thay đổi nhỏ mà họ có thể đạt được. Đây là những người cấp tiến.

Một số cải cách chính trị đã trở thành luật. Các sáng kiến, trưng cầu dân ý và thu hồi đã trở thành luật, giúp người dân dễ dàng thoát khỏi các chính trị gia tham nhũng và thông qua luật mà các chính trị gia có thể không sẵn sàng bỏ phiếu cho chính họ. Các ủy viên thành phố trở nên phổ biến như một cách để ngăn chặn các bộ máy chính trị. Điều sửa đổi thứ 17 quy định về bầu cử thượng nghị sĩ trực tiếp. Trước đó, các cơ quan lập pháp bang đã bầu thượng nghị sĩ.

Người Mỹ đã thông qua Sửa đổi thứ 16 để làm cho thuế thu nhập hợp pháp. Thuế thu nhập tốt nghiệp yêu cầu người giàu phải trả phần trăm thu nhập cao hơn người nghèo.

Một số người cấp tiến được truyền cảm hứng từ tôn giáo. Phong trào Tin Mừng xã hội khuyến khích mọi người phục vụ người khác theo cách họ tin rằng Chúa Giêsu sẽ làm. Họ đã tạo ra YMCA và YWCA. Họ xây dựng những ngôi nhà định cư để giúp đỡ làn sóng người nhập cư mới. Họ đã mở đội quân Cứu quốc để phục vụ người nghèo. Thời đại Cơ đốc giáo có đầu óc phục vụ này đôi khi được gọi là Sự thức tỉnh vĩ đại thứ ba.

Tiến bộ khác đã cố gắng cải thiện điều kiện làm việc. The Triangle Shirtwaist Fire cho thấy điều kiện làm việc tồi tệ như thế nào. Những nhà cải cách này đặc biệt quan tâm đến những đứa trẻ phải làm việc thay vì đi học. Mặc dù Đạo luật Keat-Owen được thông qua vào thời điểm đó sau đó đã được tuyên bố là vi hiến, Đạo luật Tiêu chuẩn Lao động Công bằng vẫn bảo vệ chống lại việc bóc lột trẻ em là công nhân.

Những người tiến bộ đã làm việc để cải thiện giáo dục công cộng và các trường trung học công lập miễn phí đầu tiên được xây dựng.

3 WHAT DOES IT MEAN TO BE PROGRESSIVE?

The first environmentalists emerged. President Theodore Roosevelt helped launch the National Park Service as a means of protecting America's natural wonders. The Boy Scouts and Girl Scouts were founded, as was the Sierra Club.

Các nhà môi trường đầu tiên xuất hiện. Tổng thống Theodore Roosevelt đã giúp khởi động Dịch vụ Công viên Quốc gia như một phương tiện bảo vệ các kỳ quan thiên nhiên của Mỹ. Hướng đạo sinh và Hướng đạo nữ được thành lập, cũng như Câu lạc bộ Sierra.



KEY CONCEPTS

Free Coinage of Silver: Objective of the Populist Party. They wanted inflation to ease loan repayments and asked the government to go off the gold standard. This was the topic of William Jennings Bryan's famous "Cross of Gold" speech.

Graduated Income Tax: An income tax system in which wealthy individuals pay a higher percentage of their income in taxes than lower class individuals.

Initiative: When citizens can gather signatures and force their legislature to vote on an issue.

Referendum: When citizens can gather signatures and have a proposed law put on a ballot so everyone can vote. This was a way to enact legislation that might otherwise have been prevented by business interests who could pay off elected officials.

Recall: When citizens can gather signatures and force a vote to remove an elected official. This was enacted to curb corruption in government.

Whistle-Stop: Short campaign speeches given from the back of a train car as it stopped in small towns. They were a way spreading a candidate's message in the days before radio, television or the internet.

Laissez Faire: A government policy toward business that favored low taxes and regulation.

Social Darwinism: An idea common at the turn of the century applying the survival of the fittest concept to human experiences. It argued that people and nations that succeed did so because they were inherently superior to those who lost or were less successful.

Pragmatism: A way of approaching problems developed by William James at the turn of the century. It advocated that people did not need to accept life as it was, but could work for change.

Social Gospel Movement: A movement at the turn of the century based on the belief that helping the poor was a Christian virtue. Members of the movement built settlement houses, formed the YMCA and YWCA and founded the Salvation Army.

Settlement House: A place in large cities where new immigrants could come to learn English, job skills, and find childcare while they worked. The most famous was Hull House in Chicago.

Work Permit: Permission granted from a school for a teenager to work. It is one of the effects of the Fair Labor Standards Act and is designed to protect young Americans from the abuses of child labor.

Normal School: A form of college that would train future teachers. They were especially promoted by John Dewey at the turn of the century.

High School: Free public schools for students after 8th grade. They first became common around the turn of the century.

City Commission: A legislative body for a city. Sometimes called a council, this form of government was a progressive reform and limited the influence of corrupt political machines by allowing voters to select city leaders.

City Manager: A professional selected by a city government who executes policy. This was a progressive reform and sought to separate the decision to spend public money from the awarding of contracts, thus reducing corruption.



LOCATIONS

Hull House: The most famous settlement house. It was founded by Jane Addams in Chicago in 1889.



LAWS

Keating-Owen Act: Law passed in 1916 prohibiting the shipment of products across state lines created with child labor. It was struck down as unconstitutional by the Supreme Court in Hammer v. Dagenhart in 1918. It was replaced by the Fair Labor Standards Act.

Fair Labor Standards Act: Law passed in 1938 protecting workers, and effectively ending child labor in America.

16th Amendment: Constitutional amendment that made a federal income tax legal.

17th Amendment: Constitutional amendment that provided for the direct election of senators.



GOVERNMENT AGENCIES

National Child Labor Committee (NCLC): Government organization established in 1904 and charged with finding ways to reduce child labor.



PEOPLE AND GROUPS

Patrons of Husbandry/Grange: Organization of farmers in the late 1800s who, suffering from high shipping costs and debt, advocated for government regulation or railroad rates and the free coinage of silver.

Populist Party: Political party formed in the late 1800s out of the Grange Movement. They advocated for the free coinage of silver, a graduated income tax and government regulation of business. Their leader was William Jennings Bryan. Eventually their members mostly joined the Democratic Party.

Jacob Coxey: The leader of a group of Populist farmers who marched to Washington, DC in 1894 demanding reform.

Coxey's Army: A group of Populist farmers who marched to Washington, DC in 1894 demanding reform.

William Jennings Bryan: Populist, Progressive, and later democratic leader who championed the rights of farmers. His "Cross of Gold" speech catapulted him to national fame. He ran four times for president but never won.

William McKinley: Republican President first elected in 1896. He defeated William Jennings Bryan. Reelected in 1900, he led the nation through the Spanish-American War, but was assassinated.

Progressives: Groups of people at the turn of the century interested in making change in society, business and government. They were often urban, northeastern, educated, middle class, and protestant.

Progressive Party: A minor political party formed in 1912 to champion progressive issues.

Young Men's Christian Association (YMCA): Organization founded by members of the Social Gospel Movement to give young men a place to improve physical fitness and moral character.

Young Women's Christian Association (YWCA): Organization founded by members of the Social Gospel Movement to give young women a place to improve physical fitness and moral character.

Christian Science: Religious group founded at the turn of the century which tried to find a balance between traditional Christian teaching and new discoveries in science and technology.

Salvation Army: British service organization that was transplanted to America as part of the Social Gospel Movement. They serve the needy by providing shelters for the homeless and soup kitchens.

Jane Addams: Founder of the Settlement House movement.

John Dewey: Advocate for education reform at the turn of the century. He championed the development of normal schools, which were colleges that prepared future teachers.

Robert La Follette: Progressive governor of Wisconsin. He led the way in promoting many reforms in state government.

John Muir: Environmentalist at the turn of the century who became friends with President Theodore Roosevelt and founded the Sierra Club.

Sierra Club: Environmental organization formed in 1892 by John Muir.

Boy Scouts: Organization for boys founded in Britain and brought to America at the turn of the century to promote citizenship and stewardship of the environment.

Girl Scouts: Organization for girls founded in Britain and brought to America at the turn of the century to promote citizenship and stewardship of the environment.



EVENTS

Panic of 1893: Financial crisis in the 1893.

Third Great Awakening: Term for the general increase in religious practice at the turn of the century. It included the Social Gospel Movement and establishment of organizations such as the Salvation Army, YMCA, YWCA, and Christian Science Church.

Triangle Shirtwaist Fire: A well-publicized fire in New York City in which young women chose to jump to their deaths to escape the flames. Public outrage led to important workplace safety reforms.



SPEECHES

Cross of Gold Speech: 1896 speech by William Jennings Bryan at the Democratic National convention arguing for the free coinage of silver.

4

F O U R T H Q U E S T I O N WAS SUFFRAGE ESSENTIAL TO IMPROVE THE LIVES OF WOMEN?

IS THE
**AMERICAN
DREAM**
ACHIEVABLE?

INTRODUCTION

The story of American women can be told as a series of bursts of activity and reform, and the Progressive Era is one such time. Many of the post active progressive reformers were women, and many of the issues the progressives addressed related directly to the needs and interests of women. Mostly White, upper-middle-class women, many had received a college education and felt obliged to put it to use. About half of these women group never married, choosing independence instead.

For women who did not attend college, life was much different. Many single, middle-class women took jobs in the new cities. Clerical jobs opened as typewriters became indispensable to the modern corporation. The telephone service required switchboard operators and the new department store required sales positions.

For others, life was less glamorous. Wives of immigrants often took extra tenants called boarders into their already crowded tenement homes. By providing food and laundry service at a fee, they generated necessary extra income for the families. Many did domestic work for the middle class to supplement income.

Of all the changes these women Progressives achieved, perhaps none was greater than the right to vote. Long denied to them, women had been fighting for suffrage for over 100 years and the final passage of the 19th Amendment in 1920 was the crowning jewel of their work.

But did women have to win the right to vote in order to make a difference? Was suffrage essential to improve the lives of women?

GIỚI THIỆU

Câu chuyện về phụ nữ Mỹ có thể được kể dưới dạng một loạt các hoạt động và cải cách, và Thời đại tiến bộ là một trong những thời điểm như vậy. Nhiều người trong số các nhà cải cách tiến bộ tích cực là phụ nữ, và nhiều vấn đề mà những người tiến bộ đề cập liên quan trực tiếp đến nhu cầu và lợi ích của phụ nữ. Chủ yếu là phụ nữ da trắng, thuộc tầng lớp trung lưu, nhiều người đã được giáo dục đại học và cảm thấy bắt buộc phải sử dụng nó. Khoảng một nửa nhóm phụ nữ này không bao giờ kết hôn, thay vào đó là sự độc lập.

Đối với những phụ nữ không theo học đại học, cuộc sống sẽ khác đi nhiều. Nhiều phụ nữ độc thân, trung lưu nhận việc ở các thành phố mới. Công việc văn thư được mở ra khi máy chữ trở thành không thể thiếu đối với tập đoàn hiện đại. Dịch vụ điện thoại yêu cầu nhà điều hành tổng đài và cửa hàng bách hóa mới yêu cầu vị trí bán hàng.

Đối với những người khác, cuộc sống đã bớt quyến rũ. Những người vợ của những người nhập cư thường đưa thêm những người thuê nhà được gọi là người nội trú vào nhà chung cư vốn đã rất đông đúc của họ. Bằng cách cung cấp thực phẩm và dịch vụ giặt ủi với một khoản phí, họ đã tạo thêm thu nhập cần thiết cho các gia đình. Nhiều người đã làm việc trong nước cho tầng lớp trung lưu để bổ sung thu nhập.

Trong tất cả những thay đổi mà những người phụ nữ mà Tiến bộ đạt được, có lẽ không có gì lớn hơn quyền bầu cử. Từ chối với họ, phụ nữ đã chiến đấu vì quyền bầu cử trong hơn 100 năm và đoạn cuối của Bản sửa đổi thứ 19 năm 1920 là viên ngọc quý của tác phẩm của họ.

Nhưng phụ nữ có phải giành quyền bầu cử để tạo sự khác biệt không? Là quyền bầu cử cần thiết để cải thiện cuộc sống của phụ nữ?

4 WAS SUFFRAGE ESSENTIAL TO IMPROVE THE LIVES OF WOMEN?

VICTORIAN VALUES

The 1800s are often referred to as the Victorian Age, named after Queen Victoria of Great Britain who ruled for 1837 to 1901. The time was one of conservative social rules, especially related to women. As was true in much of Europe, Victorian values dominated American social life. The notion of separate spheres of life for men and women was commonplace. The male sphere included wage work and politics, while the female sphere involved childrearing and domestic work. In the United States, historians have dubbed this idea the **Cult of Domesticity**.

Industrialization and urbanization challenged Victorian values. Men grew weary of toiling tireless hours and yearned for the blossoming leisure opportunities of the age. Women were becoming more educated, but upon graduation found themselves shut out of many professions. Immigrants had never been socialized in the Victorian mindset.

At the vanguard of a social revolt were the young, single, middle-class women who worked in the cities. Attitudes toward sex were loosening in private, yet few were brave enough to discuss the changes publicly.

One exception was **Victoria Woodhull**. In 1871, she declared the right to love the person of her choice as inalienable. Indeed, she professed the right to free love. She and her sister, Tennessee Claflin, published their beliefs in the periodical Woodhull and Claflin's Weekly.

Woodhull's support of free love likely started after she discovered the infidelity of her first husband, Canning. Women who married in the United States during the 1800s were bound into the unions, even if loveless, with few options to escape. Divorce was limited by law and considered socially scandalous. Women who divorced were stigmatized and often ostracized by society. Victoria Woodhull concluded that women should have the choice to leave unbearable marriages.

Woodhull believed in monogamous relationships, although she also said she had the right to change her mind. In her view, the choice to have sex or not was, in every case, the woman's choice, since this would place her in an equal status to the man, who had the capacity to rape and physically overcome a woman, whereas a woman did not have that capacity with respect to a man.

In 1871, Woodhull declared, "To woman, by nature, belongs the right of sexual determination. When the instinct is aroused in her, then and then only should commerce follow. When woman rises from sexual slavery to sexual freedom, into the ownership and control of her sexual organs, and man is obliged to respect this freedom, then will this instinct become pure and holy; then will woman be raised from the iniquity and morbidity in

GIÁ TRỊ NẠN NHÂN

Những năm 1800 thường được gọi là Thời đại Victoria, được đặt theo tên Nữ hoàng Victoria của Vương quốc Anh cai trị từ năm 1837 đến 1901. Thời gian là một trong những quy tắc xã hội bảo thủ, đặc biệt liên quan đến phụ nữ. Như đã đúng ở phần lớn châu Âu, các giá trị Victoria thống trị đời sống xã hội Mỹ. Khái niệm về các lĩnh vực riêng biệt của cuộc sống cho nam giới và phụ nữ là phổ biến. Lĩnh vực nam bao gồm công việc tiền lương và chính trị, trong khi lĩnh vực nữ liên quan đến việc sinh con và công việc gia đình. Tại Hoa Kỳ, các nhà sử học đã đặt tên cho ý tưởng này là Sùng bái quốc gia.

Công nghiệp hóa và đô thị hóa thách thức các giá trị Victoria. Đàn ông trở nên mệt mỏi với những giờ phút mệt mỏi và khao khát những cơ hội giải trí đang nở rộ của thời đại. Phụ nữ ngày càng được giáo dục nhiều hơn, nhưng sau khi tốt nghiệp, họ thấy mình bị loại khỏi nhiều ngành nghề. Những người nhập cư chưa bao giờ được xã hội hóa trong suy nghĩ của Victoria.

Tiền phong của một cuộc nổi dậy xã hội là những phụ nữ trẻ, độc thân, trung lưu làm việc trong các thành phố. Thái độ đối với tình dục được nới lỏng ở nơi riêng tư, nhưng rất ít người đủ can đảm để thảo luận về những thay đổi công khai.

Một ngoại lệ là Victoria Woodhull. Năm 1871, cô tuyên bố quyền yêu người mình chọn là không thể thay đổi. Thật vậy, cô tuyên bố quyền yêu tự do. Cô và chị gái của mình, Tennessee Claflin, đã công bố niềm tin của họ trong Tuần báo Woodhull và Claflin hàng tuần.

Sự ủng hộ tình yêu tự do của Woodhull có thể bắt đầu sau khi cô phát hiện ra sự không chung thủy của người chồng đầu tiên, Canning. Phụ nữ kết hôn ở Hoa Kỳ trong những năm 1800 đã bị ràng buộc vào các công đoàn, ngay cả khi không có tình yêu, với một vài lựa chọn để trốn thoát. Ly hôn bị giới hạn bởi luật pháp và bị coi là tai tiếng xã hội. Phụ nữ ly hôn bị kỳ thị và thường bị xã hội tẩy chay. Victoria Woodhull kết luận rằng phụ nữ nên có lựa chọn rời bỏ những cuộc hôn nhân không thể chịu đựng nổi.

Woodhull tin vào các mối quan hệ một vợ một chồng, mặc dù cô cũng nói rằng cô có quyền thay đổi suy nghĩ của mình. Theo quan điểm của cô, lựa chọn có quan hệ tình dục hay không là, trong mọi trường hợp, sự lựa chọn của người phụ nữ, vì điều này sẽ đặt cô vào tình trạng bình đẳng với người đàn ông, người có khả năng cưỡng hiếp và vượt qua phụ nữ, trong khi phụ nữ thì không có khả năng đó đối với một người đàn ông.

Năm 1871, Woodhull tuyên bố, bản chất của người phụ nữ, thuộc về quyền quyết định tình dục. Khi bản năng được khơi dậy trong cô, thì sau đó chỉ nên thương mại theo. Khi người phụ nữ vươn lên từ chế độ nô lệ tình dục sang tự do tình dục, quyền sở hữu và kiểm soát các cơ quan tình dục của mình, và người đàn ông có nghĩa vụ phải tôn trọng tự do này, thì bản năng này sẽ trở nên thuần khiết và thánh thiện; sau đó, người phụ nữ sẽ được nuôi dưỡng từ sự gian

4 WAS SUFFRAGE ESSENTIAL TO IMPROVE THE LIVES OF WOMEN?

which she now wallows for existence, and the intensity and glory of her creative functions be increased a hundred-fold...”

In this same speech, Woodhull said of **free love**, “Yes, I am a Free Lover. I have an inalienable, constitutional and natural right to love whom I may, to love as long or as short a period as I can; to change that love every day if I please, and with that right neither you nor any law you can frame have any right to interfere.”

To be sure, not everyone agreed.



ác và bệnh hoạn mà giờ đây cô ấy đắm mình vào sự tồn tại, và cường độ và vinh quang của các chức năng sáng tạo của cô ấy được tăng lên gấp trăm lần

Cũng trong bài phát biểu này, Woodhull đã nói về tình yêu tự do, Có Có, tôi là một người yêu tự do. Tôi có quyền không thể thay đổi, hợp hiến và tự nhiên để yêu người mà tôi có thể, yêu lâu nhất hoặc ngắn nhất có thể; để thay đổi tình yêu đó mỗi ngày nếu tôi vui lòng, và với quyền đó, cả bạn và bất kỳ luật nào bạn có thể đóng khung đều có quyền can thiệp.

Để chắc chắn, không phải ai cũng đồng ý.

Primary Source: Photograph

Victoria Woodhull, Champion of Free Love

Nguồn chính: Ảnh

Victoria Woodhull, nhà vô địch của tình yêu tự do



Primary Source: Editorial Cartoon

"Get thee behind me, Satan!" In this 1872 cartoon by Thomas Nast, a wife carrying a heavy burden of children and a drunk husband, admonishes Satan (Victoria Woodhull), "I'd rather travel the hardest path of matrimony than follow your footsteps." Mrs. Satan's sign reads, "Be saved by free love."

Nguồn chính: Biên tập phim hoạt hình

Hãy để tôi đứng sau lưng tôi, Satan! Một trong phim hoạt hình năm 1872 này của Thomas Nast, một người vợ mang gánh nặng trẻ con và một người chồng say xỉn, khuyên răn Satan (Victoria Woodhull), tôi muốn đi theo con đường hôn nhân khó khăn nhất hơn là đi theo bước chân của bạn. Dấu hiệu của bà Satan đọc, Được lưu lại bởi tình yêu tự do.

Woodhull railed against the hypocrisy of society's tolerating married men who had mistresses and engaged in other sexual dalliances. In 1872, Woodhull publicly criticized well-known clergyman **Henry Ward Beecher** for adultery. Beecher was known to have had an affair with his parishioner Elizabeth Tilton, who had confessed to it, and the scandal was covered nationally. Woodhull was prosecuted on obscenity charges for sending accounts of the affair through the mail, and she was briefly jailed.

Woodhull đã chống lại sự giả hình của những người đàn ông đã kết hôn với những người đàn ông có tình nhân và có quan hệ tình dục khác. Năm 1872, Woodhull công khai chỉ trích giáo sĩ nổi tiếng Henry Ward Beecher vì tội ngoại tình. Beecher được biết là đã ngoại tình với giáo dân Elizabeth Tilton, người đã thú nhận điều đó, và vụ bê bối được che đậy trên toàn quốc. Woodhull đã bị truy tố về tội danh tục tĩu vì đã gửi tài khoản của vụ việc qua thư, và cô đã bị bỏ tù trong một thời gian ngắn.

4 WAS SUFFRAGE ESSENTIAL TO IMPROVE THE LIVES OF WOMEN?

A devout feminist, Woodhull protested the male hold on politics by running for President in 1872. She became the first female American to do so in a time when women did not even enjoy the right to vote. Her criticisms of Beecher and arrest for obscenity fueled sensational coverage in the media during her campaign.

BIRTH CONTROL

For many feminists, legalizing contraception became a central issue in the campaign for equal social and political rights. In the nineteenth century, **contraception** was often under attack from religious groups, loosely known as the purity movement, which were composed primarily of Protestant moral reformers and middle-class women. This anti-contraception campaign attacked birth control as an immoral practice that promoted prostitution and venereal disease. Anthony Comstock, a postal inspector and leader in the purity movement, successfully lobbied for the passage of the 1873 **Comstock Act**, a federal law prohibiting the mailing of, “any article or thing designed or intended for the prevention of conception or procuring of abortion,” as well as any form of contraceptive information. Many states also passed similar laws, collectively known as the Comstock laws, that extended the federal law by outlawing the use of contraceptives as well as their distribution. In response, contraception went underground. Drugstores continued to sell condoms as “rubber goods” and cervical caps as “womb supporters.”

At the turn of the century, an energetic movement arose that sought to overturn anti-obscenity laws and the Comstock Acts. Centered in the Greenwich Village neighborhood of New York City, the movement was largely composed of radicals, feminists, anarchists, and atheists such as Ezra Heywood, Moses Harman, D.M. Bennett, **Emma Goldman**, and **Margaret Sanger**. In 1913, Sanger worked in New York’s Lower East Side, often with poor women who were suffering severe medical problems due to frequent pregnancies, childbirth and self-induced abortions.

Under the influence of Goldman and the Free Speech League, Sanger became determined to challenge the Comstock Acts that outlawed the dissemination of contraceptive information. In 1914, she launched *The Woman Rebel*, an eight-page monthly newsletter that promoted contraception using the slogan, “No Gods, No Masters,” and proclaimed that each woman should be, “the absolute mistress of her own body.” Sanger coined the term **birth control**, which first appeared in her newsletter. Sanger’s goal of challenging the law was fulfilled when she was indicted in August 1914, but the prosecution focused their attention on articles Sanger had written about marriage, rather than those about contraception. Afraid that she might be sent to prison without an opportunity to argue for birth control in court, Sanger fled to England to escape arrest. While Sanger was in Europe, her husband continued her work, which led to his arrest after he distributed a copy of a birth-control pamphlet to an undercover postal worker.

Là một nhà nữ quyền sùng đạo, Woodhull đã phản đối người đàn ông nắm giữ chính trị bằng cách tranh cử Tổng thống vào năm 1872. Cô trở thành người phụ nữ Mỹ đầu tiên làm như vậy trong thời gian phụ nữ thậm chí không được hưởng quyền bầu cử. Những lời chỉ trích của cô về Beecher và bắt giữ vì những lời lẽ tục tĩu đã thúc đẩy sự phủ sóng giật gân trên các phương tiện truyền thông trong chiến dịch của cô.

KIỂM SOÁT SINH HOẠT

Đối với nhiều nhà nữ quyền, hợp pháp hóa biện pháp tránh thai đã trở thành một vấn đề trung tâm trong chiến dịch đòi quyền bình đẳng chính trị xã hội. Vào thế kỷ XIX, biện pháp tránh thai thường bị tấn công từ các nhóm tôn giáo, được gọi là phong trào thuần túy, chủ yếu bao gồm các nhà cải cách đạo đức Tin lành và phụ nữ trung lưu. Chiến dịch chống ngừa thai này đã tấn công kiểm soát sinh sản như một hành vi vô đạo đức nhằm thúc đẩy mại dâm và bệnh hoa liễu. Anthony Comstock, một thanh tra bưu chính và lãnh đạo trong phong trào thuần túy, đã vận động thành công cho việc thông qua Đạo luật Comstock năm 1873, luật liên bang cấm gửi thư, bất kỳ bài báo hay điều gì được thiết kế hoặc nhằm mục đích ngăn ngừa thụ thai hoặc mua sắm phá thai. Già cũng như bất kỳ hình thức thông tin tránh thai. Nhiều tiểu bang cũng thông qua luật tương tự, được gọi chung là luật Comstock, đã mở rộng luật liên bang bằng cách đặt ra ngoài vòng pháp luật việc sử dụng các biện pháp tránh thai cũng như phân phối. Đáp lại, biện pháp tránh thai đã đi xuống lòng đất. Các nhà thuốc tiếp tục bán bao cao su dưới dạng hàng cao su của người Hồi giáo và mũ cổ tử cung với tư cách là người ủng hộ từ cung.

Vào đầu thế kỷ, một phong trào tràn đầy năng lượng đã tìm cách lật ngược các luật chống tục tĩu và Đạo luật Comstock. Tập trung ở khu phố Greenwich Village của thành phố New York, phong trào này chủ yếu bao gồm những người cực đoan, nữ quyền, vô chính phủ và vô thần như Ezra Heywood, Moses Harman, D.M. Bennett, Emma Goldman và Margaret Sanger. Năm 1913, Sanger làm việc ở New York, Lower East Side, thường có những phụ nữ nghèo khổ đang phải chịu những vấn đề y tế nghiêm trọng do mang thai thường xuyên, sinh con và tự phá thai.

Dưới ảnh hưởng của Goldman và Liên đoàn tự do ngôn luận, Sanger trở nên quyết tâm thách thức Đạo luật Comstock ngoài vòng pháp luật về việc phổ biến thông tin tránh thai. Năm 1914, cô ra mắt *The Woman Rebel*, một bản tin hàng tháng dài tám trang, đề cao biện pháp tránh thai bằng khẩu hiệu, không No Gods, No Masters,, và tuyên bố rằng mỗi người phụ nữ nên trở thành tình nhân tuyệt đối của chính mình. thuật ngữ ngừa thai, lần đầu tiên xuất hiện trong bản tin của cô. Mục tiêu thách thức luật pháp của Sanger đã được hoàn thành khi cô bị truy tố vào tháng 8 năm 1914, nhưng công tố đã tập trung sự chú ý của họ vào các bài báo Sanger đã viết về hôn nhân, thay vì những biện pháp tránh thai. Sợ rằng mình có thể bị tống vào tù mà không có cơ hội tranh luận để kiểm soát sinh đẻ tại tòa, Sanger trốn sang Anh để trốn thoát bị bắt giữ. Khi Sanger đang ở Châu Âu, chồng cô tiếp tục công việc của mình, dẫn đến việc anh ta bị bắt sau khi anh ta phát một bản sao của

4 WAS SUFFRAGE ESSENTIAL TO IMPROVE THE LIVES OF WOMEN?

New York state law prohibited the distribution of contraceptives or even contraceptive information, but Sanger hoped to exploit a provision in the law that permitted doctors to prescribe contraceptives for the prevention of disease. On October 16, 1916, she opened the **Brownsville Clinic** in Brooklyn. It was an immediate success, with more than 100 women visiting on the first day. A few days after the clinic's opening, an undercover policewoman purchased a cervical cap at the clinic, and Sanger was arrested. Refusing to walk, Sanger and a coworker were dragged out of the clinic by police officers. The clinic was shut down, and no other birth-control clinics were opened in the United States until the 1920s. However, the publicity from Sanger's trial generated immense enthusiasm for the cause, and by the end of 1917, there were more than 30 birth-control organizations in the United States.



In the aftermath of Sanger's trial, the birth-control movement began to grow from its radical, working-class roots into a campaign backed by society women and liberal professionals. Sanger and her fellow advocates toned down their radical rhetoric and emphasized the socioeconomic benefits of birth control, a policy that led to increasing acceptance by mainstream Americans. Media coverage increased, and several silent motion pictures produced in the 1910s featured birth control as a theme. Sanger's organization grew, changed names, and has developed over time

một cuốn sách nhỏ về kiểm soát sinh sản cho một nhân viên bưu điện bí mật.

Luật pháp tiểu bang New York đã cấm phân phối các biện pháp tránh thai hoặc thậm chí thông tin tránh thai, nhưng Sanger hy vọng khai thác một điều khoản trong luật cho phép các bác sĩ kê toa các biện pháp tránh thai để phòng ngừa bệnh. Vào ngày 16 tháng 10 năm 1916, cô đã mở Phòng khám Brownsville ở Brooklyn. Đó là một thành công ngay lập tức, với hơn 100 phụ nữ truy cập vào ngày đầu tiên. Vài ngày sau khi phòng khám mở cửa, một nữ cảnh sát bí mật đã mua một chiếc mũ cổ tử cung tại phòng khám và Sanger đã bị bắt. Từ chối đi bộ, Sanger và một đồng nghiệp đã bị cảnh sát kéo ra khỏi phòng khám. Phòng khám đã ngừng hoạt động và không có phòng khám kiểm soát sinh sản nào được mở tại Hoa Kỳ cho đến những năm 1920. Tuy nhiên, việc công khai từ thử nghiệm Sanger, đã tạo ra sự nhiệt tình to lớn cho sự nghiệp này và đến cuối năm 1917, đã có hơn 30 tổ chức kiểm soát sinh sản ở Hoa Kỳ.

Primary Source: Photograph

Margaret Sanger surrounded by her supporters as she exits a New York courthouse after one of her multiple encounters with the anti-contraception legal system.

Nguồn chính: Ảnh

Margaret Sanger được bao quanh bởi những người ủng hộ cô khi cô rời một tòa án ở New York sau một trong nhiều cuộc gặp gỡ của cô với hệ thống pháp lý chống ngừa thai.

Sau hậu quả của thử nghiệm Sanger, phong trào kiểm soát sinh sản bắt đầu phát triển từ gốc rễ, tầng lớp lao động thành một chiến dịch được hỗ trợ bởi phụ nữ xã hội và các chuyên gia tự do. Sanger và những người ủng hộ đồng nghiệp của cô đã giảm bớt sự hung biện triệt để của họ và nhấn mạnh lợi ích kinh tế xã hội của kiểm soát sinh đẻ, một chính sách dẫn đến tăng sự chấp nhận của người Mỹ chính thống. Độ phủ truyền thông tăng lên, và một số hình ảnh chuyển động im lặng được sản xuất vào những năm 1910 có tính năng kiểm soát sinh đẻ làm chủ đề. Tổ chức Sanger sườn đã phát triển, đổi tên và phát triển theo thời gian

4 WAS SUFFRAGE ESSENTIAL TO IMPROVE THE LIVES OF WOMEN?

into **Planned Parenthood**, a nation-wide chain of clinics that provide contraceptive education, women's health services, as well as abortions.

The birth-control movement received an unexpected political boost during World War I, as hundreds of soldiers were diagnosed with syphilis or gonorrhea while overseas. The military undertook an extensive education campaign, focusing on abstinence, but also offering some contraceptive guidance. Previously, the military did not distribute condoms, or even endorse their use, making the United States the only military force in World War I that did not supply condoms to its troops. When American soldiers were in Europe, they found rubber condoms readily available, and when they returned to America, they continued to use condoms as their preferred method of birth control.

The military's anti-venereal-disease campaign marked a major turning point for the movement. It was the first time a government institution had engaged in a sustained, public discussion of sexual matters. The government's public discourse changed sex into a legitimate topic of scientific research, and it transformed contraception from an issue of morals to an issue of public health.

Although Sanger and supporters of birth control were unsuccessful in the early-1900s, their efforts moved the issue forward and made it possible for women's rights advocates in the 1960s and 1970s to make birth control, especially birth control pills, a legal and acceptable part of American life.

MULLER V. OREGON

In 1909, the Supreme Court decided an important case regarding women in the workplace. The state of Oregon had passed a law limiting the number of hours women were allowed to work outside the home. Legislators at the time believed that women needed to be protected, especially women who were at an age where they might be having and raising young children. Curt Muller, the owner of a laundry business, was put on trial for violating the Oregon law, and convicted of making his female employee work more than ten hours in a single day. Muller was fined \$10, but appealed his case all the way to the Supreme Court.

In the case **Muller v. Oregon**, the Supreme Court found that Oregon's limit on the working hours of women was constitutional under the 14th Amendment, as it was justified by the strong state interest in protecting women's health.

The central question of the Muller case was whether women's freedom to negotiate a contract with an employer should be equal to a man's. In 1908, gender discrimination was commonplace. The Oregon law was not designed to hurt women, but in the thinking at the time, to protect them, and the Supreme Court decided that the government could enact labor

laws to protect women, such as the one in Oregon. The Supreme Court's decision in **Muller v. Oregon** was a landmark case that established the principle that the government could enact laws to protect women's health and safety in the workplace.

Phong trào kiểm soát sinh sản đã nhận được một sự thúc đẩy chính trị bất ngờ trong Thế chiến I, khi hàng trăm binh sĩ được chẩn đoán mắc bệnh giang mai hoặc lậu khi ở nước ngoài. Quân đội đã thực hiện một chiến dịch giáo dục rộng rãi, tập trung vào việc kiêng khem, nhưng cũng đưa ra một số hướng dẫn tránh thai. Trước đây, quân đội không phân phối bao cao su, hoặc thậm chí chứng thực việc sử dụng chúng, khiến Hoa Kỳ trở thành lực lượng quân sự duy nhất trong Thế chiến I không cung cấp bao cao su cho quân đội. Khi lính Mỹ ở Châu Âu, họ đã tìm thấy bao cao su có sẵn và khi trở về Mỹ, họ tiếp tục sử dụng bao cao su như một phương pháp ngừa thai ưa thích.

Chiến dịch chống bệnh hoa liễu của quân đội đã đánh dấu một bước ngoặt lớn cho phong trào. Đó là lần đầu tiên một tổ chức chính phủ tham gia vào một cuộc thảo luận công khai, bền vững về các vấn đề tình dục. Bài diễn văn công khai của chính phủ thay đổi giới tính thành một chủ đề hợp pháp của nghiên cứu khoa học, và nó đã chuyển đổi biện pháp tránh thai từ một vấn đề đạo đức sang vấn đề sức khỏe cộng đồng.

Mặc dù Sanger và những người ủng hộ kiểm soát sinh sản đã không thành công vào đầu những năm 1900, nhưng những nỗ lực của họ đã đưa vấn đề về phía trước và giúp những người ủng hộ quyền phụ nữ trong những năm 1960 và 1970 có thể thực hiện kiểm soát sinh đẻ, đặc biệt là thuốc tránh thai, một phần hợp pháp và được chấp nhận Cuộc sống Mỹ.

MULLER V. OREGON

Năm 1909, Tòa án Tối cao đã quyết định một vụ án quan trọng liên quan đến phụ nữ tại nơi làm việc. Tiểu bang Oregon đã thông qua một đạo luật giới hạn số giờ phụ nữ được phép làm việc bên ngoài nhà. Các nhà lập pháp tại thời điểm đó tin rằng phụ nữ cần được bảo vệ, đặc biệt là những phụ nữ ở độ tuổi mà họ có thể có và nuôi con nhỏ. Curt Muller, chủ một doanh nghiệp giặt ủi, bị đưa ra xét xử vì vi phạm luật pháp Oregon, và bị kết án làm cho nhân viên nữ của anh ta làm việc hơn mười giờ trong một ngày. Muller đã bị phạt 10 đô la, nhưng đã kháng cáo toàn bộ vụ kiện của mình lên Tòa án Tối cao.

Trong trường hợp Muller v. Oregon, Tòa án Tối cao thấy rằng giới hạn của Oregon đối với giờ làm việc của phụ nữ là hiến pháp theo Điều sửa đổi thứ 14, vì nó được chứng minh bởi sự quan tâm mạnh mẽ của nhà nước trong việc bảo vệ sức khỏe của phụ nữ.

Câu hỏi chính của trường hợp Muller là liệu phụ nữ có tự do đàm phán hợp đồng với chủ nhân hay không nên bằng một người đàn ông. Năm 1908, phân biệt đối xử về giới là phổ biến. Luật pháp Oregon không được thiết kế để làm tổn thương phụ nữ, nhưng trong suy nghĩ lúc đó, để bảo vệ họ, và Tòa án Tối cao đã quyết định rằng chính phủ có thể ban hành luật lao động nhằm mục đích nuôi dưỡng phúc

4 WAS SUFFRAGE ESSENTIAL TO IMPROVE THE LIVES OF WOMEN?

laws that were intended to nurture women's welfare for the "benefit of all" people did not violate a woman's right to make contracts.

The case included a few quotes that shed light on societal attitudes about gender roles at the turn of the century. The court wrote, "woman has always been dependent upon man," and "in the struggle for subsistence she is not an equal competitor with her brother." And, perhaps most importantly, the case showed that Americans still valued women primarily because of their role as mothers. The court wrote, "her physical structure and a proper discharge of her maternal functions — having in view not merely her own health, but the well-being of the race — justify legislation to protect her from the greed as well as the passion of man... The limitations which this statute places upon her contractual powers, upon her right to agree with her employer as to the time she shall labor, are not imposed solely for her benefit, but also largely for the benefit of all."

The case divided feminists at the time. Groups like the National Consumer League, which included noted feminists Florence Kelley and Josephine Goldmark, supported the law because it limited working hours for women. However, many equal-rights feminists opposed the ruling, since it allowed laws based on stereotyped gender roles that restricted women's rights and financial independence. While it provided protection from long hours to white women, it did not extend to women of color, food processors, agricultural workers, and women who worked in white-collar jobs. Although later laws have eroded the Muller decision, women still are not guaranteed equal protection under the Constitution.

SUFFRAGE

Women's **suffrage** in the United States was established over the course of several decades, first in various states and localities, sometimes on a limited basis, and then nationally in 1920.

The demand for women's suffrage began to gather strength in the 1840s, emerging from the broader movement for women's rights. In 1848, the Seneca Falls Convention, the first women's rights convention, passed a resolution in favor of women's suffrage despite opposition from some of its organizers, who believed the idea was too extreme. By the time of the first National Women's Rights Convention in 1850, however, gaining suffrage was becoming an increasingly important aspect of the movement's activities.

At the conclusion of the Civil War in 1865, women activists were optimistic about the possibility that they would gain suffrage along with newly freed African Americans. However, activists such as Frederick Douglass and Henry Blackwell argued successfully that the 1860s was the time of the Black male. They feared that linking women's suffrage to female suffrage would doom passage of the 15th Amendment. Although the leading feminists of the time argued otherwise, the Civil War resulted only in

lợi của phụ nữ vì lợi ích của tất cả mọi người. không vi phạm quyền lập hợp đồng của phụ nữ.

Vụ án bao gồm một vài trích dẫn làm sáng tỏ thái độ xã hội về vai trò giới ở đầu thế kỷ. Tòa án viết, người phụ nữ của người Hồi giáo luôn phụ thuộc vào đàn ông, người và người trong cuộc đấu tranh để sinh sống, cô không phải là đối thủ cạnh tranh bình đẳng với anh trai mình., Và có lẽ quan trọng nhất, trường hợp cho thấy người Mỹ vẫn coi trọng phụ nữ vì họ vai trò làm mẹ. Tòa án đã viết, cấu trúc vật lý của cô ấy và sự giải phóng hợp lý các chức năng của mẹ cô ấy - không chỉ đơn thuần là sức khỏe của cô ấy, mà còn là hạnh phúc của chủng tộc - biện minh cho luật pháp để bảo vệ cô khỏi lòng tham cũng như niềm đam mê của con người Sự hạn chế mà điều luật này đặt ra đối với quyền hạn hợp đồng của cô ấy, theo quyền của cô ấy đồng ý với chủ lao động của cô ấy về thời gian cô ấy sẽ lao động, không chỉ áp dụng cho lợi ích của cô ấy, mà còn phần lớn là vì lợi ích của tất cả.

Các trường hợp chia nữ quyền tại thời điểm đó. Các nhóm như Liên đoàn người tiêu dùng quốc gia, bao gồm các nhà nữ quyền nổi tiếng Florence Kelley và Josephine Goldmark, ủng hộ luật này vì nó giới hạn thời gian làm việc cho phụ nữ. Tuy nhiên, nhiều nhà nữ quyền bình đẳng đã phản đối phán quyết này, vì nó cho phép các luật dựa trên vai trò giới rập khuôn hạn chế quyền phụ nữ và độc lập tài chính. Mặc dù nó cung cấp sự bảo vệ từ nhiều giờ cho phụ nữ da trắng, nhưng nó không mở rộng cho phụ nữ da màu, nhà chế biến thực phẩm, công nhân nông nghiệp và phụ nữ làm việc trong các công việc cổ trắng. Mặc dù các luật sau này đã làm xói mòn quyết định của Muller, phụ nữ vẫn không được đảm bảo sự bảo vệ bình đẳng theo Hiến pháp.

BỀN VỮNG

Quyền bầu cử của phụ nữ tại Hoa Kỳ được thành lập trong nhiều thập kỷ, đầu tiên ở nhiều tiểu bang và địa phương, đôi khi trên cơ sở hạn chế, và sau đó là quốc gia vào năm 1920.

Nhu cầu về quyền bầu cử của phụ nữ bắt đầu thu thập sức mạnh vào những năm 1840, xuất hiện từ phong trào rộng lớn hơn cho quyền của phụ nữ. Năm 1848, Công ước Thác Seneca, hội nghị quyền phụ nữ đầu tiên, đã thông qua một nghị quyết ủng hộ quyền bầu cử của phụ nữ, bất chấp sự phản đối của một số nhà tổ chức, người tin rằng ý tưởng này quá cực đoan. Tuy nhiên, vào thời điểm Công ước Quyền Phụ nữ Quốc gia đầu tiên vào năm 1850, việc giành quyền bầu cử đã trở thành một khía cạnh ngày càng quan trọng của các hoạt động Phong trào.

Khi kết thúc Nội chiến năm 1865, các nhà hoạt động nữ đã lạc quan về khả năng họ sẽ có được quyền bầu cử cùng với những người Mỹ gốc Phi mới được trả tự do. Tuy nhiên, các nhà hoạt động như Frederick Douglass và Henry Blackwell đã lập luận thành công rằng những năm 1860 là thời của đàn ông Đen. Họ sợ rằng việc liên kết quyền bầu cử của phụ nữ với quyền bầu cử của phụ nữ sẽ làm thất bại bản sửa đổi thứ 15. Mặc dù các nhà nữ quyền hàng đầu thời bấy giờ tranh luận khác, Nội chiến chỉ dẫn đến quyền bầu cử phổ quát của nam giới, một bước đi đúng hướng để

4 WAS SUFFRAGE ESSENTIAL TO IMPROVE THE LIVES OF WOMEN?

universal male suffrage, a step in the right direction to be sure, but still, half of all Americans remained outside the political process.

chắc chắn, nhưng vẫn có một nửa số người Mỹ vẫn nằm ngoài tiến trình chính trị.



Primary Source: Drawing

Susan B. Anthony, one of the first advocates for women's suffrage. Anthony was instrumental in the movement in the 1800s but passed away before the final push for the ratification of the 19th Amendment.

Nguồn chính: Vẽ

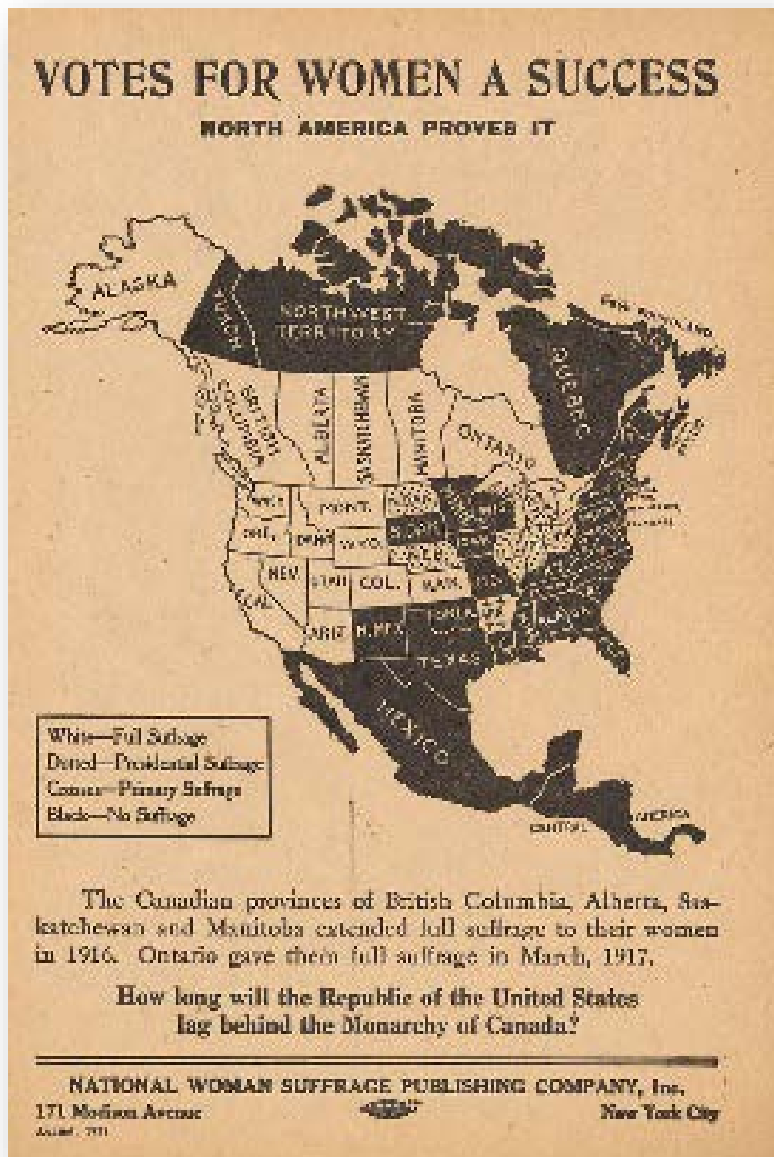
Susan B. Anthony, một trong những người ủng hộ đầu tiên cho phụ nữ quyền bầu cử. Anthony là công cụ trong phong trào trong những năm 1800 nhưng đã qua đời trước khi thúc đẩy cuối cùng cho việc phê chuẩn sửa đổi thứ 19.

The first national suffrage organizations were established in 1869 after the disappointment of the 15th Amendment. **Susan B. Anthony** and **Elizabeth Cady Stanton** led one group, and **Lucy Stone** led another. After years of rivalry, the two organizations merged in 1890 and became the **National American Woman Suffrage Association** (NAWSA) with Anthony as its leading force.

Hoping the Supreme Court would rule that women had a constitutional right to vote, suffragists made several attempts to vote in the early 1870s and then filed lawsuits when they were turned away. Anthony actually succeeded in voting in 1872 but was arrested for that act and found guilty in a widely publicized trial that gave the movement fresh momentum. After the Supreme Court ruled against them in 1875, suffragists began the decades-long campaign for an amendment to the Constitution that would enfranchise women. Much of the movement's energy, however, went toward working for suffrage on a state-by-state basis.

Các tổ chức quyền bầu cử quốc gia đầu tiên được thành lập vào năm 1869 sau sự thất vọng của Sửa đổi thứ 15. Susan B. Anthony và Elizabeth Cady Stanton dẫn đầu một nhóm, và Lucy Stone dẫn đầu một nhóm khác. Sau nhiều năm cạnh tranh, hai tổ chức đã sáp nhập vào năm 1890 và trở thành Hiệp hội Quốc gia Phụ nữ Mỹ (NAWSA) với Anthony là lực lượng hàng đầu.

Họ vọng Tòa án Tối cao sẽ phán quyết rằng phụ nữ có quyền bầu cử theo hiến pháp, những người đấu tranh đã thực hiện một số nỗ lực bỏ phiếu vào đầu những năm 1870 và sau đó đệ đơn kiện khi họ bị từ chối. Anthony thực sự đã thành công trong việc bỏ phiếu vào năm 1872 nhưng đã bị bắt vì hành động đó và thấy có tội trong một phiên tòa được công bố rộng rãi đã tạo ra động lực mới. Sau khi Tòa án Tối cao ra phán quyết chống lại họ vào năm 1875, những người đấu tranh đã bắt đầu chiến dịch kéo dài hàng thập kỷ để sửa đổi Hiến pháp sẽ trao quyền cho phụ nữ. Tuy nhiên, phần lớn năng lượng của phong trào, đã chuyển sang làm việc vì quyền bầu cử trên cơ sở tiểu bang.

**Primary Source: Flyer**

This map, published by the National Woman Suffrage Publishing Company shows the states that enacted laws granting women's suffrage as of 1916. The states and Canadian provinces in white allowed full suffrage. Clearly, western states were ahead of the trend.

Nguồn chính: Flyer

Bản đồ này, do Nhà xuất bản Quốc gia Phụ nữ Quốc gia xuất bản cho thấy các bang ban hành luật ban hành quyền bầu cử cho phụ nữ vào năm 1916. Các bang và các tỉnh của Canada mặc áo trắng cho phép quyền bầu cử hoàn toàn. Rõ ràng, các quốc gia phương Tây đã đi trước xu hướng.

Progressive reform campaigns strengthened the suffrage movement. Many of its participants saw women's suffrage as yet another Progressive goal, and they believed that the addition of women to the electorate would help their movement achieve its other goals. In 1912, the Progressive Party endorsed women's suffrage. The burgeoning Socialist movement also aided the drive for women's suffrage in some areas.

In 1916, **Alice Paul** formed the **National Woman's Party (NWP)**, a militant group focused on the passage of a national suffrage amendment. More than 200 NWP supporters, known as the "Silent Sentinels," were arrested in 1917 while picketing the White House. Some of the protestors went on

Các chiến dịch cải cách tiến bộ đã củng cố phong trào quyền bầu cử. Nhiều người tham gia đã chứng kiến phụ nữ, quyền bầu cử là một mục tiêu tiến bộ khác và họ tin rằng việc bổ sung phụ nữ vào bầu cử sẽ giúp phong trào của họ đạt được các mục tiêu khác. Năm 1912, Đảng Tiến bộ tán thành quyền bầu cử của phụ nữ. Phong trào xã hội chủ nghĩa đang phát triển cũng hỗ trợ cho phụ nữ quyền bầu cử ở một số khu vực.

Năm 1916, Alice Paul thành lập Đảng Phụ nữ Quốc gia (NAP), một nhóm chiến binh tập trung vào việc thông qua một sửa đổi quyền bầu cử quốc gia. Hơn 200 người ủng hộ NWP, được gọi là Sentinels Im lặng, đã bị bắt vào năm 1917 khi đang chọn Nhà Trắng. Một số người biểu tình đã tuyệt

4 WAS SUFFRAGE ESSENTIAL TO IMPROVE THE LIVES OF WOMEN?

a hunger strike and endured forced feeding after being sent to prison. The two-million-member NAWSA, by then under the leadership of **Carrie Chapman Catt**, also made a national suffrage amendment its top priority.

Brewers and distillers, typically rooted in the German-American community, opposed women's suffrage, fearing that women voters would favor the prohibition of alcohol. German Lutherans and German Catholics typically opposed prohibition and women's suffrage. They favored paternalistic families in which the husband decided the family position on public affairs. Their opposition to women's suffrage was subsequently used as an argument in favor of suffrage when German Americans became pariahs during World War I.

Some other businesses, such as Southern cotton mills, opposed suffrage because they feared that women voters would support the drive to eliminate child labor. Political machines, such as Tammany Hall in New York City, opposed it because they feared that the addition of female voters would dilute the control they had established over groups of male voters.

Anti-suffrage forces, initially called the "remonstrants," organized as early as 1870 when the Women's Anti-Suffrage Association of Washington was formed. Widely known as the "antis," they eventually created organizations in some 20 states. In 1911, the **National Association Opposed to Woman Suffrage** was created. It claimed 350,000 members and opposed women's suffrage, feminism, and socialism. It argued that woman suffrage, "would reduce the special protections and routes of influence available to women, destroy the family, and increase the number of socialist-leaning voters."

Many upper class women opposed suffrage for women. They had personal access to powerful politicians and feared that having the right to vote themselves would mean surrendering their influence.

Most often the "antis" believed that politics was dirty and that women's involvement would surrender the moral high ground that women claimed, and that partisanship would disrupt local club work for civic betterment.

Despite opposition, the movement for universal suffrage gained ground, especially in the West. Because states manage elections, individual states began passing laws granting women the right to vote. Many western states, which had recently been settled, were still in the process of establishing traditions. Pioneer women who struggled along the trails west and labored under the sun alongside their husbands, brothers, fathers and sons to tame the soil of the prairie were in no mood to take a back seat to the politically. Eastern states, with hundreds of years of traditional gender divisions were less eager to adopt reformist laws.

thực và chịu đựng việc cho ăn sau khi bị tống vào tù. NAWSA hai triệu thành viên, khi đó dưới sự lãnh đạo của Carrie Chapman Catt, cũng đã thực hiện một quyền bầu cử quốc gia sửa đổi ưu tiên hàng đầu của mình.

Các nhà sản xuất bia và chưng cất, thường bắt nguồn từ cộng đồng người Mỹ gốc Đức, phản đối quyền bầu cử của phụ nữ, vì sợ rằng các cử tri nữ sẽ ủng hộ việc cấm rượu. Người Luther Đức và Công giáo Đức thường phản đối sự cấm đoán và quyền bầu cử của phụ nữ. Họ ủng hộ các gia đình gia trưởng, trong đó người chồng quyết định vị trí gia đình trong các vấn đề công cộng. Sự phản đối của họ đối với quyền bầu cử của phụ nữ sau đó đã được sử dụng như một cuộc tranh luận ủng hộ quyền bầu cử khi người Mỹ gốc Đức trở thành kẻ ngang ngược trong Thế chiến thứ nhất.

Một số doanh nghiệp khác, chẳng hạn như các nhà máy bông phía Nam, đã phản đối quyền bầu cử vì họ sợ rằng các cử tri nữ sẽ ủng hộ nỗ lực loại bỏ lao động trẻ em. Các bộ máy chính trị, như Tammany Hall ở thành phố New York, đã phản đối vì họ sợ rằng việc bổ sung các cử tri nữ sẽ làm loãng sự kiểm soát mà họ đã thiết lập đối với các nhóm cử tri nam.

Các lực lượng chống quyền bầu cử, ban đầu được gọi là những người gây ra tiếng vang, tổ chức vào đầu năm 1870 khi Hiệp hội Chống Khủng bố Phụ nữ của Washington được thành lập. Được biết đến rộng rãi với tên gọi là antis, họ cuối cùng đã tạo ra các tổ chức ở khoảng 20 tiểu bang. Năm 1911, Hiệp hội quốc gia phản đối quyền phụ nữ được thành lập. Nó tuyên bố 350.000 thành viên và những người phụ nữ chống đối quyền bầu cử, nữ quyền và chủ nghĩa xã hội. Nó lập luận rằng quyền bầu cử của phụ nữ, Giá sẽ giảm các biện pháp bảo vệ và lộ trình ảnh hưởng đặc biệt dành cho phụ nữ, phá hủy gia đình và tăng số cử tri nghiêng về xã hội chủ nghĩa.

Nhiều phụ nữ thuộc tầng lớp thượng lưu phản đối quyền bầu cử cho phụ nữ. Họ có quyền truy cập cá nhân vào các chính trị gia mạnh mẽ và sợ rằng có quyền tự bỏ phiếu sẽ đồng nghĩa với việc từ bỏ ảnh hưởng của họ.

Thông thường, những người chống lại người Hồi giáo tin rằng chính trị là bẩn thỉu và sự tham gia của phụ nữ sẽ từ bỏ nền tảng đạo đức cao mà phụ nữ tuyên bố, và sự hợp tác sẽ phá vỡ hoạt động của câu lạc bộ địa phương để cải thiện cộng dân.

Bất chấp sự phản đối, phong trào đòi quyền bầu cử phổ quát đã giành được chỗ đứng, đặc biệt là ở phương Tây. Bởi vì các bang quản lý bầu cử, các quốc gia riêng lẻ bắt đầu thông qua luật cho phép phụ nữ có quyền bỏ phiếu. Nhiều quốc gia phương tây, gần đây đã được định cư, vẫn đang trong quá trình thiết lập truyền thống. Những người phụ nữ tiên phong, những người phải vật lộn dọc theo những con đường mòn phía tây và lao động dưới ánh mặt trời cùng với chồng, anh em, cha và con trai của họ để chế ngự đất của thảo nguyên không có tâm trạng để ngồi vào ghế chính trị. Các quốc gia phương Đông, với hàng trăm năm phân chia giới truyền thống đã ít mong muốn áp dụng luật cải cách.

4 WAS SUFFRAGE ESSENTIAL TO IMPROVE THE LIVES OF WOMEN?



Primary Source: Photograph

Alice Paul at the time of the fight for the passage of the 19th Amendment.

Nguồn chính: Ảnh

Alice Paul tại thời điểm đấu tranh cho việc thông qua Sửa đổi thứ 19.

Paul, Catt and the advocates for suffrage were persistent however, and after a hard-fought series of votes in Congress and in state legislatures, the **19th Amendment** became part of the Constitution in 1920. It reads, “The right of citizens of the United States to vote shall not be denied or abridged by the United States or by any State on account of sex.”

When the Founding Fathers were drafting the Declaration of Independence, Abigail Adams wrote to her husband urging them to “remember the ladies” in their new government. Unfortunately, the Founding Fathers did not, and it took another 144 years and the work of countless women to guarantee both genders the right to vote.

Tuy nhiên, Paul, Catt và những người ủng hộ quyền bầu cử vẫn kiên trì, và sau một loạt phiếu khó khăn trong Quốc hội và các cơ quan lập pháp nhà nước, Bản sửa đổi thứ 19 đã trở thành một phần của Hiến pháp năm 1920. Nó đọc, Quyền của công dân Hoa Kỳ Các quốc gia bỏ phiếu sẽ không bị từ chối hoặc rút ngắn bởi Hoa Kỳ hoặc bởi bất kỳ quốc gia nào có liên quan đến tình dục.

Khi những người sáng lập đang soạn thảo Tuyên ngôn độc lập, Abigail Adams đã viết thư cho chồng kêu gọi họ nhớ đến những người phụ nữ trong chính phủ mới của họ. Thật không may, những Người sáng lập đã không làm được, và phải mất 144 năm nữa và công việc của vô số phụ nữ để đảm bảo cả hai giới đều có quyền bỏ phiếu.

4 WAS SUFFRAGE ESSENTIAL TO IMPROVE THE LIVES OF WOMEN?

CONCLUSION

The passage of the 19th Amendment has been rightly celebrated throughout history as an important step toward gender equality and the expansion of political equality in America. In a land where “all men are created equal,” it was a chance to include women in that idea.

But suffrage did not radically change the lives of women. The same jobs were available, and the same jobs were closed to women. Nearly 100 years later, women are doing much more in our society, but we have still not elected a women president. Which leads us to our question. Could women have achieved all they did without the right to vote? Could they have opened doors of opportunity in education, health and business if the 19th Amendment had never been ratified?

What do you think? Was suffrage essential to improve the lives of women?

PHẦN KẾT LUẬN

Việc thông qua Sửa đổi lần thứ 19 đã được tổ chức đúng đắn trong suốt lịch sử như là một bước quan trọng đối với bình đẳng giới và mở rộng bình đẳng chính trị ở Mỹ. Ở một vùng đất mà tất cả đàn ông được tạo ra bằng nhau, thì đó là cơ hội để đưa phụ nữ vào ý tưởng đó.

Nhưng quyền bầu cử đã không thay đổi hoàn toàn cuộc sống của phụ nữ. Những công việc tương tự đã có sẵn, và những công việc tương tự đã bị đóng cửa đối với phụ nữ. Gần 100 năm sau, phụ nữ đang làm nhiều hơn trong xã hội của chúng ta, nhưng chúng ta vẫn chưa bầu được một nữ tổng thống. Điều này dẫn chúng tôi đến câu hỏi của chúng tôi. Phụ nữ có thể đạt được tất cả những gì họ đã làm mà không có quyền bỏ phiếu? Họ có thể mở ra cơ hội trong giáo dục, y tế và kinh doanh nếu Điều sửa đổi thứ 19 chưa bao giờ được phê chuẩn?

Bạn nghĩ sao? Là quyền bầu cử cần thiết để cải thiện cuộc sống của phụ nữ?

4 WAS SUFFRAGE ESSENTIAL TO IMPROVE THE LIVES OF WOMEN?

SUMMARY

During the 1800s, Americans were very conservative about the roles of men and women and especially about how women could behave and dress. In the 1870s, Victoria Woodhull challenged these beliefs. She championed free love, the idea that she could love whoever she wanted and change her mind as much as she wanted. Her ideas were controversial, but she was an important early challenger to social restrictions.

Margaret Sanger believed that women couldn't be free if they had no control over how many children they would have. She challenged the Comstock Act which prohibited the promotion of birth control. She went to jail multiple times for sending information about birth control through the mail and for opening a birth control clinic in New York City. Her organization grew and is now called Planned Parenthood. Although she wasn't successfully able to change the law at the time, the government did become concerned about promoting reproductive health during World War I when American troops started contracting STDs. After the war, Americans continued to use condoms they had learned about while in the army.

Women suffered a legal setback in their quest for equality in the Muller v. Oregon Supreme Court Case when the Court ruled that laws that limited the number of hours women could work were constitutional. They reasoned that the primary role women played in society was to be mothers and that allowing women to work as much as they wanted might hurt society.

Women finally won the right to vote in 1920 with the passage of the 19th Amendment. Women had been working for this right since the early 1800s, but Alice Paul and Carrie Chapman Catt succeeded in convincing men in government to approve the amendment. Many western states had already granted women the right to vote in state elections.

TÓM LƯỢC

Trong những năm 1800, người Mỹ rất bảo thủ về vai trò của đàn ông và phụ nữ và đặc biệt là về cách phụ nữ có thể cư xử và ăn mặc. Vào những năm 1870, Victoria Woodhull đã thách thức những niềm tin này. Cô vô địch tình yêu tự do, ý tưởng rằng cô có thể yêu bất cứ ai cô muốn và thay đổi suy nghĩ nhiều như cô muốn. Ý tưởng của cô đã gây tranh cãi, nhưng cô là một người thách thức sớm quan trọng đối với các hạn chế xã hội.

Margaret Sanger tin rằng phụ nữ không thể tự do nếu họ không kiểm soát được họ sẽ có bao nhiêu con. Cô đã thách thức Đạo luật Comstock cấm quảng cáo kiểm soát sinh sản. Cô đã vào tù nhiều lần vì đã gửi thông tin về kiểm soát sinh qua thư và mở một phòng khám ngừa thai ở thành phố New York. Tổ chức của cô phát triển và bây giờ được gọi là Kế hoạch làm cha mẹ. Mặc dù cô ấy đã thành công trong việc thay đổi luật pháp vào thời điểm đó, chính phủ đã lo ngại về việc thúc đẩy sức khỏe sinh sản trong Thế chiến I khi quân đội Mỹ bắt đầu ký hợp đồng với STDs. Sau chiến tranh, người Mỹ tiếp tục sử dụng bao cao su mà họ đã học được khi còn trong quân đội.

Phụ nữ phải chịu một thất bại về mặt pháp lý trong nỗ lực đòi quyền bình đẳng trong vụ kiện của Tòa án tối cao Muller v. Oregon khi Tòa án phán quyết rằng các luật giới hạn số giờ phụ nữ có thể làm việc là hiến pháp. Họ lập luận rằng vai trò chính của phụ nữ trong xã hội là làm mẹ và cho phép phụ nữ làm việc nhiều như họ muốn có thể làm tổn thương xã hội.

Phụ nữ cuối cùng đã giành được quyền bỏ phiếu vào năm 1920 với việc thông qua Sửa đổi thứ 19. Phụ nữ đã làm việc cho quyền này từ đầu những năm 1800, nhưng Alice Paul và Carrie Chapman Catt đã thành công trong việc thuyết phục đàn ông trong chính phủ chấp thuận sửa đổi. Nhiều tiểu bang phương tây đã trao cho phụ nữ quyền bỏ phiếu trong các cuộc bầu cử tiểu bang.

4 WAS SUFFRAGE ESSENTIAL TO IMPROVE THE LIVES OF WOMEN?



KEY CONCEPTS

Cult of Domesticity: Idea that men should leave home to work and earn money while women stayed at home to cook, clean and raise children. It developed in the early 1800s with the onset of the industrial revolution.

Free Love: The idea that women should be able to love whomever they want for however long they wanted, and change their mind as many times as they wanted. It was championed by Victoria Woodhull in the late 1800s.

Contraception: Any form of birth control.

Birth Control: Any form of contraception. The term was coined by Margaret Sanger.

Suffrage: The right to vote.



LOCATIONS

Brownsville Clinic: Clinic opened in Brooklyn, NY by Margaret Sanger to provide birth control. It was closed down and Sanger was arrested for violation of the Comstock Act.



LAWS & COURT CASES

Comstock Act: Law passed in 1873 the prohibited the distribution of birth control and any material promoting birth control. It was used to prosecute Margaret Sanger.

Muller v. Oregon: 1909 Supreme Court case that upheld a law limiting the number of hours women could work outside the home.

19th Amendment: Constitutional amendment ratified in 1920 granting women the right to vote.



PEOPLE AND GROUPS

Victoria Woodhull: Women's rights advocate in the late 1800s. She was most famously a champion of free love.

Henry Ward Beecher: Famous preacher in the late 1800s in Brooklyn, NY. He had an affair with a married petitioner whose husband sued him. The trial was a nationally publicized public scandal. Victoria Woodhull used the case to argue for free love.

Emma Goldman: Famous socialist activist at the turn of the century. She advocated for labor and women's rights, but lost credibility due to her connection to the Haymarket Square riot and President McKinley's assassin.

Margaret Sanger: Champion of birth control in the early 1900s.

Planned Parenthood: Modern organization originally founded by Margaret Sanger. They provide health services and information to women, and most controversially, abortions.

Susan B. Anthony: Early champion of women's suffrage. She headed the NAWSA. She was honored when a silver dollar coin was minted in 1979 with her likeness.

Elizabeth Cady Stanton: Early champion of women's suffrage. She cofounded a group with Susan B. Anthony.

Lucy Stone: Early champion of women's suffrage. Her organization merged with that of Susan B. Anthony and Elizabeth Stanton's to form the NAWSA.

National American Woman Suffrage Association (NAWSA): Major organization working for women's suffrage. It was led first by Susan B. Anthony and later by Carrie Chapman Catt.

Alice Paul: Advocate for women's suffrage in the early 1900s. She founded the National Women's Party and used more aggressive tactics to publicize the movement.

National Woman's Party (NWP): Organization founded by Alice Paul in 1916 to work for women's suffrage. They used more aggressive tactics to spread their message.

Carrie Chapman Catt: Leader of the NAWSA in the early 1900s. She succeeded Susan B. Anthony and saw the ratification of the 19th Amendment.

National Association Opposed to Woman Suffrage: Organization in the early 1900s which fought against the passage of the 19th Amendment.

Q U E S T I O N T E N I S T H E AMERICAN D R E A M ACHIEVABLE?

The Gilded Age was a time when Americans made tremendous leaps forward in business. We became an urban nation. We reformed our government and expanded voting rights. We were compassionate. We were readers and our writers helped us understand both the good and the bad in society.

However, it was not a happy time for everyone. Thousands of poor suffered in terrible conditions. Fleeing poverty in other nations did not guarantee wealth in this one. Immigrants faced polluted, dangerous cities and long work for little pay. Horatio Alger may have written novels that celebrated the American Dream, but not everyone was able to make that dream come true. Many Americans simply were poor their entire lives.

The idea that hard work would lead to upward social mobility and success ran directly counter to the Social Darwinists who argued that success was a matter of survival of the fittest in the same way that animals and plants in nature thrived or failed. Humans and businesses were no different. The strongest were successful, and success was a sign of superiority. Dreams had nothing to do with it.

What do you think? Is the American Dream achievable?

Thời đại Gilded là thời điểm người Mỹ có những bước phát triển vượt bậc trong kinh doanh. Chúng tôi đã trở thành một quốc gia đô thị. Chúng tôi đã cải cách chính phủ và mở rộng quyền bỏ phiếu. Chúng tôi đã từ bi. Chúng tôi là độc giả và các nhà văn của chúng tôi đã giúp chúng tôi hiểu cả mặt tốt và mặt xấu trong xã hội.

Tuy nhiên, đó không phải là thời gian hạnh phúc cho tất cả mọi người. Hàng ngàn người nghèo phải chịu đựng trong điều kiện khủng khiếp. Thoát nghèo ở các quốc gia khác không đảm bảo sự giàu có trong quốc gia này. Người nhập cư phải đối mặt với ô nhiễm, thành phố nguy hiểm và làm việc lâu dài với mức lương thấp. Horatio Alger có thể đã viết tiểu thuyết ca ngợi Giấc mơ Mỹ, nhưng không phải ai cũng có thể biến giấc mơ đó thành hiện thực. Nhiều người Mỹ đơn giản là nghèo cả đời.

Ý tưởng rằng làm việc chăm chỉ sẽ dẫn đến sự di chuyển xã hội đi lên và thành công trực tiếp chống lại các nhà Darwin xã hội, những người lập luận rằng thành công là vấn đề sống còn của kẻ mạnh nhất giống như cách mà động vật và thực vật trong tự nhiên phát triển hoặc thất bại. Con người và doanh nghiệp không khác nhau. Người mạnh nhất đã thành công và thành công là dấu hiệu của sự vượt trội. Những giấc mơ không có gì để làm với nó.

Bạn nghĩ sao? Giấc mơ Mỹ có thể đạt được?



www.inquiryhistory.com